

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ A

289

NĂM THỨ 13 - SỐ ĐẶC BIỆT NGÀY 15
THÁNG 1 NĂM 1969 : VŨ BẢO - LÊ
PHƯƠNG CHI - DUY - TỬ DIỆP TRẦN THÁI
ĐÌNH - TRÙNG DƯƠNG - ĐÔNG HỒ - NGUYỄN
HIỂN LÊ - CÔ LIÊU - NGỀ BÁ LÍ - VÔ PHIẾN -
MINH QUÂN - TRẦN K. THẠCH - ĐOÀN THÊM -
TRẦN HOÀI THƯ - HOÀNG NGỌC TIẾN

KỶ - NIỆM 12 NĂM



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 78

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ờ I - Đ A I

Số 289 ngày 15 - 1 - 1969
ĐẶC-BIỆT KỶ-NIỆM 12 NĂM

NGUYỄN NGU Í và NGÊ BÁ LÍ <i>bài thơ 12 năm</i>	5
ĐÔNG HỒ <i>tuổi Mười hai (thơ)</i>	6
TỪ TRÌ 1968 <i>một năm bạo động</i>	7
DUY <i>một năm kinh-tế</i>	12
VŨ BẢO <i>mở đầu cho năm 1968 và kết thúc với năm 1968 : vụ tàu Pueblo</i>	21
VÕ PHIẾN <i>sau cuộc chọn lựa</i>	28
NGÊ BÁ LÍ <i>tình hình xuất bản sách trước và sau biến-cổ Mậu- Thân 1968 (đàm thoại với các nhà xuất bản : Cadao, Nguyễn hiến Lê, Thời mới, Miền nam, Hoàng Đông Phương, Phạm quang Khai, An Tiêm ...)</i>	35
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>bốn lối kết trong tiểu-thuyết</i>	41
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>thuyết cơ-cấu và phê-bình văn-học (giới thiệu và dịch : GÉRARD GENETTE)</i>	45
MINH QUÂN <i>hội-đoàn phụ-nữ tại Việt'-nam</i>	53
TRẦN KIM THẠCH <i>vai trò nhà giáo trong thời hậu chiến</i>	59
ĐOÀN THÉM <i>những ngày chưa quên : Lang thang trên các địa hạt</i>	63
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>quán qua đêm (truyện ngắn)</i>	75
TRẦN HOÀI THƯ <i>ngựa nắn chân bon (truyện ngắn)</i>	89
LÊ VĂN NGẮN <i>những người cùng làm việc (thơ)</i>	99
TƯỜNG LINH <i>trên quê ta đó (thơ)</i>	100
TRÙNG DƯƠNG <i>những con diều trong thành phố (tùy bút)</i>	102
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	117
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	120
TƯỜNG NIỆM Y-UYÊN	121
<i>Bìa do họa-sĩ VĂN THANH trình bày.</i>	

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Truyện con người sơ khảo** của Phan Du do Cảo Thơm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 408 trang trình bày nguồn gốc và sự tiến hoá của con người, sơ tầm và biên khảo rất công phu gồm 5 phần chính : Cuộc tiến-hóa và con người ; Nguồn gốc địa-cầu và lịch-sử sự sống ; Sự tiến hóa của Bộ Linh-trưởng ; Đệ-tứ nguyên-đại và sự xuất hiện của loài người ; Trên đường nhân-hóa. Rất nhiều hình ảnh ở mỗi phần.

— **Lối thoát cuối cùng** nguyên-tác của Virgil Gheorghiu, bản dịch của Hằng Hà Sa và Bích Ty từ bản Pháp ngữ : La seconde chance do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 550 trang. Bản đặc biệt.

— **Buông xả** (Tư duy về Zen) nguyên-tác của Hubert Benoit, bản dịch của Nguyễn-Minh-Tâm, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 400 trang gồm 3 phần lớn mà phần thứ 3 là công phu « buông xả ». Bản đặc biệt.

— **Vũ trụ và không gian** của Võ quang Yển do Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai xuất bản và gửi tặng. Cuốn sách thứ 2 của Võ quang Yển thuộc tủ sách Tiến - bộ tiếp theo « Nói chuyện

khoa học », trình bày những diễn tiến của các cuộc khảo sát về vũ trụ và thám hiểm không gian từ trước đến nay ; Dày 196 trang. Giá 120đ.

— **Bài học Israel** của Nguyễn-Hiến-Lê do Cơ-sở xuất-bản Phạm-quang-Khai xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 286 trang thuộc tủ sách Nam-Chi, trình bày tường tận, tận, về nguồn gốc dân tộc Do-thái non 2000 năm lang thang cho tới khi lập thành quốc-gia Israel, qua các cuộc chiến tranh 1956 và 1967, và sự tổ-chức cùng phát triển của quốc-gia đó. Bản đặc biệt. Giá bán thường 250đ.

Vũ khúc năm xưa tập truyện ngắn của các tác-giả : Quách-Tự-Phần, Mặc-Nhân, Quỳnh-đào, Quách-Lương-Huệ. bản dịch của Vi-Huyền-Đắc, do Cơ-sở Phạm-quang-Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang thuộc tủ sách Nam-Chi, gồm 12 truyện ngắn của các tác-giả trên đây. Giá 180đ.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, nhà đóng sách làm không kịp, nên ngày hẹn với quý vị đặt mua những bộ BK đóng tập là 15-1-69 phải dời lại đến thứ hai 25-1-69.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị.

Ty Quản-lý Bách-Khoa thời-đại.

Chủ nhiệm : **LÊ-NGỘ-CHÂU**

Tòa soạn :

60, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H T 330 Saigon

In tại nhà in **TƯƠNG-LAI**

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 50 \$ Công sở : GIÁ 100 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Bài thơ 12 năm

Mười năm.

Mười một năm.

Rồi mười hai năm.

Bao nhiêu chua xót trong âm thầm
Bao nhiêu chịu đựng trong tăm tối
Và biết bao cơn : nắng cháy với mưa dầm !

Giấy, mực, nhà in, có khổ tâm ?
Lòng đây, trí đó, có hờn căm ?
Và đêm thanh vắng, cây đèn nhỏ *
Có tủi giùm ai nhìn đăm đăm...

Đăm đăm nhìn lại một con Đường
« Ân, oán giang hồ », nên ghét ? thương ?
Nên xóa cho tan vang bóng cũ,
Hay là bị, gậy, lại lên đường...

Đường đến trời nào, Gió bốn phương ?
Âm u Địa ngục ? Tươi Thiên đường ?
Ngày mai đang đến... chi chờ đợi ?
Con số « Mười hai » mấy đoạn đường ?

Một đêm cuối năm Khỉ, đầu năm 69,
viết thay những anh em chủ trương Bách-Khoa
NGUIỄN-NGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ

* Xin hiểu là : cây đèn cầy (đèn sáp) trong những đêm cúp điện.

Tuổi Hai Mươi

Một đóa hoa quỳnh nở

Đóa hoa quỳnh nở tươi

Một mùa xuân hơn hờ

Mùa xuân đẹp hơn mười

Tuổi xuân mười một mười hai

Mùa xuân mười một mười hai tuổi hồng

Tuổi xuân văn học thấn thông

Mười hai ánh sáng linh lung huy hoàng

Mười hai ánh nở hào quang

Văn chương xuất sắc tuổi vàng tuổi son

ĐÔNG HỒ

1968, Một năm bạo động

Năm 1968 vừa qua đã là một năm bạo động, một năm khủng hoảng quốc tế trầm trọng. Ngay trong tháng 1 với vụ Bắc Cao cầm giữ tàu Pueblo của Mỹ, tình hình thế giới đột nhiên trở nên căng thẳng. Liên tháng sau Cộng quân tổng tấn công thủ-đô và các đô-thị lớn tại Nam Việt. Và từ đó trở đi người ta liên tiếp chứng kiến các cuộc khủng hoảng hoặc nội bộ một quốc gia hoặc giữa nhiều quốc-gia tại hầu hết mọi vùng trên thế giới.

Nếu năm 1968 đã bắt đầu bằng vụ tàu Pueblo bị chính quyền Bắc Cao bắt giữ thì năm 1968 cũng được chấm dứt bằng vụ thủy thủ đoàn của tàu Pueblo được Bắc Cao phóng thích. Vụ tàu Pueblo tượng trưng cho thái độ của những lãnh tụ các nước trên thế giới trước mọi vấn đề. Họ luôn luôn "tổ" nhau nhưng không một lúc nào họ mất bình tĩnh đến mức đề thế giới có thể đi tới đại chiến.

Dù sao đi nữa trong năm 1968 vừa qua người ta đã chứng kiến 4 loại sự-khien đặc biệt :

— Các cuộc khủng-hoảng quốc - tế tổng-quát trầm trọng.

— Những cuộc đụng độ giữa hai khối Đông-Tây.

— Các cuộc khủng-hoảng nội bộ tại các quốc gia và trong mỗi khối của các quốc gia.

— Những nỗ lực chung của mọi người để cứu vãn tình thế.

Các loại sự-khien trên đã bồi tức lẫn nhau để tạo thành những đe dọa nghiêm trọng cho hòa bình thế giới, nhưng đồng thời cũng vô-hiệu-hóa (neutraliser) lẫn nhau khiến thế-giới đã tránh khỏi một cuộc thế-chiến thứ ba.

Các cuộc khủng hoảng quốc tế trầm trọng

Trong năm vừa qua nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng có tính cách toàn diện đã làm lung lay quân bình thế giới, đe dọa sự ổn cố xã-hội của các quốc-gia.

Trong lãnh vực chính trị và quân sự nhiều sự kiện đã dồn dập xảy tới. Tháng 1-1968, Bắc Cao, một quốc gia Cộng sản nhỏ bé, đã ngang nhiên chọc tức Hoa Kỳ, bằng cách bắt giữ tàu Pueblo và thủy thủ đoàn. Ngay sau đó, tại Nam Việt, Cộng quân đã ồ ạt mở một cuộc tổng công kích vào thủ đô Saigon và các đô thị lớn của Việt-Nam.

Thêm vào đó, vào tháng 8 quân đội Nga và các nước hội viên Minh-ước Varsovie đã ngang nhiên xâm lăng Tiệp-Khắc, đe dọa Nam Tư, Lỗ-Ma-Ni và nhất là các quốc gia Tây-Âu.

Các hành động táo bạo của phe Cộng sản đã khiến mọi người trên thế giới lo ngại. Và ai cũng thấy viễn tượng của

một cuộc Thử-chiến tái xuất hiện ở chân trời.

Thêm vào đó người ta còn được chứng kiến trong khoảng có một năm trời 3 cuộc khủng hoảng tiền tệ có ảnh hưởng tới tất cả các quốc gia. Thật vậy, tháng 12-1967 người ta có cuộc khủng hoảng đồng Anh-kim. Chính phủ Anh đã phải phá giá tiền Anh. Bốn tháng sau, vào tháng 3-1968 lại tới cuộc khủng hoảng vàng. Dân chúng đua nhau đi mua vàng. Nếu không có biện pháp nào chặn đứng phong-trào này thì đồng Mỹ kim sẽ bị sụp đổ vì số vàng hiện hữu ở Hoa-Kỳ không đủ để bảo đảm cho số Mỹ kim phát hành. Với sự sụp đổ của đồng Mỹ kim, nền kinh-tế quốc-tế sẽ sụp đổ theo.

Đến tháng 12-1968 lại đến lượt khủng-hoảng đồng Phật-lãng. Mỗi cuộc khủng-hoảng tiền-tệ này đều có hậu quả tai hại tới toàn thế-giới. Vì vậy mà nhân-loại lại một phen lo lắng.

Bên cạnh các cuộc khủng hoảng quốc-tế tổng quát, người ta lại còn thấy các cuộc đụng độ giữa hai khối Đông-Tây không kém phần quan trọng.

Các cuộc đụng độ giữa hai khối tư-bản và cộng-sản

Vụ Pueblo, chiến tranh tại Việt-nam, vụ Nga xâm lăng Tiệp-khắc là những hành động khiêu khích của phe cộng sản trước thái-độ ôn hòa của phe tư-bản Tây phương.

Những hành động này có thể mang lại nhiều hậu-quả nguy-hại cho hòa-bình thế-giới. Ngay từ đầu năm, người ta tự hỏi không biết phe Cộng-sản có lợi dụng những khó khăn của Mỹ ở Việt-Nam và những lung củng nội bộ của khối Minh-

ước Đại-Tây-Dương để đi tới một cuộc thách đố tối-hậu với phe tư-bản Tây phương hay không.

Thật ra thì vụ Pueblo chỉ cốt tạo một khủng-hoảng mới buộc Hoa-kỳ phải đối phó mà bớt chú trọng tới nỗ lực chiến-tranh ở Việt-Nam và ngay sau đó xuất kỳ bất ý phe Cộng-sản ồ ạt tấn công ở Miền Nam.

Ngoài ra vì phải đương đầu với nhiều khó khăn chính trị, Hoa-kỳ không được rảnh tay ở Âu-Châu nên Nga thừa cơ tràn sang Tiệp-khắc. Lợi dụng sự sa lầy của Mỹ ở Việt-Nam, Nga đã củng cố ảnh-hưởng của mình ở Đông-Âu. Tuy biết rằng hành động của mình có thể đưa tới một phản-ứng quyết liệt của các quốc-gia Tây-phương, nhưng Nga vẫn không ngần ngại dùng tới biện pháp mạnh đó, vì phong trào tự-do-hóa tại Tiệp-khắc là một mối đe dọa không những cho hình-thể Cộng-sản ở Đông-Âu mà còn đe dọa an-ninh của chính Nga nữa.

Thật vậy, nếu phong trào tự-do-hóa được tự do bành trướng, nó sẽ lan tràn từ Tiệp-khắc sang tới các nước láng giềng. Nếu nó tràn sang tới Đông-Đức, chính quyền cộng-sản tại nước này, vốn vẫn bị dân chúng oán ghét, sẽ bị lật đổ. Lúc ấy Đông-Đức sẽ có thể được sát nhập vào Tây-Đức và tại Trung-Âu một quốc-gia Đức hùng hậu vượt khỏi vòng kiểm tỏa sẽ là một mối lo ngại cho Nga-sô. Nga đã là nạn nhân cuộc xâm lăng của Đức năm 1941, nên Nga quyết chí duy trì thế quân-bình hiện-hữu ở Đông Âu. Để tránh hậu-họa và cũng để bảo vệ quyền lãnh-đạo khối cộng-sản của mình, Nga không ngần ngại đương đầu với Mỹ. Ngoài ra Nga biết rằng Mỹ chỉ

phản đối lấy lệ mà thôi, vì nếu Nga ngấm đề cho Mỹ tự do hành động ở Nam Mỹ cũng như ở Việt-Nam thì ngược lại Mỹ cũng phải đề cho Nga tự-do hành-động trong vùng ảnh hưởng của Nga-sô.

.. Vì vậy mà ta thấy rằng trong năm 1968 vừa qua, tuy có nhiều cuộc đụng độ xảy ra giữa hai khối Đông-Tây, nhưng hòa bình thế giới không bị đe dọa nhiều vì hai quốc gia có vai trò chính-yếu đều như ngấm thỏa-thuận với nhau, đề mặc cho nhau hoạt động, miễn là bên nọ không làm gì quá nguy hại tới quyền lợi của bên kia.

Hơn nữa, có lẽ các cuộc đụng độ này không đưa thế-giới tới chiến tranh giữa hai khối được vì tại các quốc-gia của mỗi khối, người ta còn phải lo đối phó với các cuộc khủng-hoảng nội bộ.

Các cuộc khủng hoảng nội bộ

Nếu giữa hai khối Đông-Tây nhiều cuộc đụng độ không nhỏ đã xảy ra, thì tại nội bộ các quốc gia và tại nội bộ mỗi khối, các cuộc khủng hoảng lại còn nhiều hơn nữa

Trước hết tại mỗi quốc gia người ta đều phải đối phó với các cuộc khủng-hoảng chính-trị và xã-hội sâu rộng.

Tại Hoa-kỳ, dân da đen nổi loạn ở Memphis vào tháng 4-1968, và ở Hoa-thịnh-Đốn vào tháng 7, đề đòi nâng cao mức sống. Sinh viên cũng rầm rộ nổi dậy ở Đại-học Columbia vào tháng 4 và tháng 5. Đại-hội đảng Dân-chủ nhóm họp ở Chicago vào tháng 8 giữa sự đàn áp tàn bạo những cuộc biểu tình sôi nổi tại thành phố này.

Lần lượt Mục-sư Martin Luther King lãnh-tụ ôn hòa của dân da đen và

Thượng Nghị-sĩ Robert Kennedy bị ám sát vào tháng 4 và tháng 6. Ngay tại Thủ-đô Hoa-thịnh-đốn người ta đã phải ra lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24. Tổng thống Johnson, trước sự chia rẽ của Hoa-kỳ và của đảng Dân-chủ về vấn-đề Việt-Nam, đã phải đi đến quyết định là rút lui không tranh cử Tổng-thống nhiệm kỳ 2 nữa.

Tại Pháp, thợ thuyền và sinh viên đình công nổi loạn vào tháng 5 và 6 đã khiến nền Đệ Ngũ Cộng-hòa phải lung lay. Đây là một cuộc khủng hoảng chính trị, xã-hội quan trọng nhất trong lịch sử Pháp từ trước tới nay vì nó đã đe dọa đến tận nền móng của xã-hội Pháp. Tổng-thống Pháp đã phải hết sức khéo léo mới tạm giải quyết nổi vấn đề.

Tại Tiệp-khắc phe tự-do dưới sự hướng dẫn của ông Dubcek đã loại trừ ảnh hưởng của phe thân Nga do ông Novotny lãnh đạo từ 20 năm qua. Khi nắm được chính quyền ông Dubcek đã cố gắng dân-chủ-hóa và tự-do-hóa Tiệp-khắc. Những nỗ lực của Dubcek đã làm Nga lo ngại và do đó với biện pháp trấn áp bằng vũ lực, Nga đã đẩy Tiệp-khắc vào vòng lệ-thuộc của Nga hơn bao giờ hết.

Điều đáng chú ý là năm 1968 vừa qua một phong trào sinh viên đã bột phát mạnh mẽ. Các sinh viên biểu tình rầm rộ không những tại Hoa-kỳ mà còn trên toàn thể các quốc gia Âu-Châu như Pháp, Đức, Ý, Bỉ v.v... Tại Hoa-kỳ, họ đòi cải tổ học đường và chấm dứt chiến tranh, tại Âu-Châu, họ đưa ra những khẩu-hiệu cách mạng cực tả khiến phe thợ thuyền bị đẩy lui về phe hữu. Nhưng thật ra thì các sinh viên chưa có một lý thuyết rõ rệt. Lập trường chung của họ là đả phá xã-hội trưởng

giả hiện-hữu nhưng để thay thế xã hội này thì họ chưa có một đề-nghị rõ rệt nào.

Tại Phi-Châu và Nam-Mỹ tình hình cũng không ổn định. Nội chiến vẫn tiếp diễn ở Nigeria. Vào tháng 11, một cuộc đảo chính quân sự đã lật đổ Tổng-thống Keita xứ Mali. Mali được coi là một nước có chính quyền vững chắc nhất tại Hắc Phi. Hơn nữa ông Modibo Keita lại là một "đồng minh" của phe cộng sản. Việc loại trừ ông Keita tượng trưng cho khuynh hướng chung của các quốc gia Phi-châu muốn trở lại với chính-sách ôn-hòa hơn, hoặc trung-lập hoặc thân Tây-phương. Tại Nam Mỹ, các cuộc đảo chính hay khủng-hoảng chính trị vẫn tiếp tục tại Panama, tại Pérou và tại Ba-Tây. Lục-địa này tuy đã dành được độc lập từ thế kỷ trước nhưng vẫn chưa thoát khỏi bệnh trường thành.

Ngoài những khủng hoảng nội bộ tại mỗi quốc gia trong năm 1968 vừa qua người ta thấy lại còn có những cuộc khủng hoảng tại nội bộ của mỗi khối.

Trước hết, trong khối tư bản Tây Phương, ta thấy giữa Mỹ và các quốc gia đồng minh Âu-Châu không còn có những giây liên lạc mật thiết như trước nữa. Tin rằng chiến tranh lạnh đã chấm dứt, sự đe dọa của Nga-sô không còn nữa, Pháp cố gắng có một chính sách thân hữu với Nga để tỏ ý chỉ độc lập đối với Mỹ. Pháp lại còn lợi dụng sự vắng mặt của Anh và Mỹ tại Trung-Đông, sau cuộc chiến tranh tháng 6-1967, để tăng cường ảnh hưởng của mình tại các quốc gia Ả-rập. Thật vậy ngay từ tháng 2-1968, Tổng-thống Irak sang thăm chính thức Pháp đã được đón tiếp trọng thể. Sau đó Pháp bán vũ khí cho các quốc

gia Ả-Rập và ngược lại Irak cho phép Pháp khai thác nhiều mỏ dầu hỏa ở Irak.

Đối với Anh, Pháp hết sức ngăn cản không cho Anh được gia nhập Thị-trường chung. Và sau hết, Pháp cố gắng không cho Tây Đức đóng vai trò quan trọng tại Âu Châu.

Thái độ của Tây Đức cũng bướng bỉnh không kém. Nhờ có một nền kinh tế giàu mạnh, Tây Đức không còn chịu đóng vai trò đàn em nữa. Đức vận động tái lập hoặc thiết lập bang giao với các quốc gia Đông Âu. Đức cố gắng đưa Anh vào Thị-trường-chung để giới hạn ảnh hưởng của Pháp; Sau hết, trong vụ khủng hoảng đồng Phạt lăng, Đức nhất định không chịu tăng giá đồng Mark, mặc dầu Mỹ, Anh và Pháp yêu cầu.

Trong khối Cộng-sản những khủng hoảng nội bộ cũng nhiều không kém. Trung Cộng vẫn tiếp tục đả phá Nga. Tại Âu - châu, Lô - ma - ni đã theo một đường lối độc lập với chính sách của khối cộng sản. Nguy hại hơn nữa Tiệp-khắc, dưới quyền lãnh đạo của Dubeck, đã có một đường lối đầy tính cách quốc-gia. Tại hội-nghị 66 đảng cộng-sản nhóm họp tại Budapest vào tháng 3 Tổng-trưởng Ngoại-giao Lô-ma-ni Niculescu Mizid đã bỏ phòng họp ra về. Tại hội-nghị tay đôi Nga-Tiệp ở Cierna vào tháng 7, hai phái đoàn tranh luận sôi nổi đến nỗi đại diện Nga Brejnev phải nằm liệt giường. Tượng trưng hơn nữa cho sự lung củng nội bộ cộng sản là vụ Nga xâm lăng Tiệp-khắc, bắt các lãnh tụ Tiệp cùng tay chở về Mạc-tư-khoa.

Tuy nhiên các vụ lung củng nội bộ đã

có tác dụng làm cho các nhà lãnh-đạo của cả hai khối trở nên ôn hòa và thận trọng hơn. Vì vậy ở cả hai khối người đã cố gắng để cho hòa-bình thế giới được tồn tại.

• Những nỗ lực chung để duy trì hòa-bình thế-giới

Sở dĩ các cuộc đụng độ trầm trọng giữa hai phe cộng sản và tư bản không đưa tới chiến tranh thế giới là vì các lãnh tụ của đôi bên không lúc nào mất bình tĩnh. Họ cố gắng áp dụng một đường lối hòa hoãn. Vì chiến tranh sẽ bất lợi cho cả hai phe khi mà cả hai phe đều đang phải đối phó với những lung củng nội bộ của chính mình.

Ngay cả khi phe cộng sản có những hành động gây hấn trầm trọng nhất, Mỹ cũng nhất quyết tránh những phản ứng quyết-liệt.

Vụ Pueblo và các đợt tổng công kích của Cộng-quân không làm gián đoạn giây liên lạc Nga-Mỹ, khi Nga xâm lăng Tiệp-khắc, Mỹ chỉ phản đối lấy lệ. Ngược lại Nga hầu như để mặc cho Mỹ hành động ở Việt-Nam.

Hơn nữa Nga và Mỹ đều cố gắng hợp tác để đi tìm hòa-bình. Thật vậy từ khi Mỹ và Bắc-Việt bắt đầu thương thuyết ở Ba-lê vào tháng 5-1968, Nga luôn luôn đóng vai trò hòa giải và lại còn làm áp lực để Bắc-Việt từ bỏ thái độ cứng rắn nữa.

Ngoài ra vào tháng 7, Nga và Mỹ đã đi tới thỏa-hiệp cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử. Lễ ký kết hiệp-ước này được cử hành long-trọng với sự hiện diện của cả Tổng-thống Johnson và ông Kos-siguine đặc biệt tới Nữ-ước nhân dịp này.

Các cuộc đụng độ Đông-Tây lại còn có tác dụng làm cho các quốc gia của mỗi phe quên tị-hiểm riêng mà xiết chặt tình đoàn kết.

Sau vụ Nga xâm lăng Tiệp-khắc, không còn một quốc-gia Tây-Âu nào muốn ra khỏi Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương nữa Minh-ước này đột nhiên tìm lại được lẽ sống. Một lần nữa bị đe dọa Tây-Âu hiểu rằng họ cần phải duy trì cái mốc Bắc Đại-tây-Dương.

Phe Cộng sản cũng đi tới chỗ gạt bỏ mọi tranh chấp nội bộ trước sự đe dọa của phong-trào tự-do từ Tiệp-khắc tràn sang. Thật vậy, nếu chính-sách của Tiệp khắc được tiếp tục áp dụng, gương Tiệp-khắc sẽ lan tràn sang khắp các quốc gia độc tài như Đông-Đức, Ba-lan Hung-gia-Lợi, Bảo-gia-Lợi... Và các nhà lãnh đạo các nước này sẽ không còn hy vọng ở lại chính quyền. Vì vậy các quốc gia cộng-sản cũng vội xiết chặt hàng ngũ để tranh đấu chống lại cái « họa tự-do-hóa » này.

oOo

Tổng tấn công, xâm lăng, ám sát đình công, biểu tình là những biến cố quan trọng đã đánh dấu năm 1968 vừa qua bằng một đậm nét đậm bạo động. Các cuộc bạo động này như đã đè nặng lên đời sống quốc tế một áp lực lớn lao chỉ chờ dịp là bùng nổ. Trong năm 1968 người ta đã khôn khéo giải trừ được sự bùng nổ này bằng nhiều hành động có tác dụng giảm bớt áp lực. Nhưng sang năm 1969 không hiểu người ta có còn đủ khôn khéo để làm nhẹ các áp lực đó được nữa không. Đó là câu hỏi mà các quan sát viên đặt ra cho năm 1969.

TỪ TRÌ

Một năm kinh - tế

● DUY

ÔN LẠI CHUYỆN CŨ.

Trước thềm năm mới, ôn lại sự kiện kinh tế một năm qua của nước nhà, đáng lẽ người dân phải giữ nội tâm bình thản như khi gọi lại các kỷ niệm đau buồn hay chua chát của thời di-vãng đã trở thành xa xăm.

Tại sao người dân vẫn xúc động, phần nộ khi nghĩ tới các chuyện khó khăn của đời sống vật chất hàng ngày?

Đâu có phải năm ngoài tình hình kinh-tế mới tới tám bi đát? Từ bốn năm nay, từ năm 1965, với sự hiện diện đông đảo của quân đội Đồng Minh, những người có lòng không thể không chếp miệng trước những xáo trộn trong xã-hội và trong nền kinh-tế Việt-Nam.

Lòng người hằng mong mỗi tình hình sẽ được cải thiện, khi Quốc-gia đã có Hiến Pháp, một Quốc Hội dân cử, một Chính Phủ hợp pháp, những nhà lãnh đạo tài ba có chính sách-chủ trương rõ rệt cho mỗi khu vực sinh hoạt nhân dân.

Kỹ sư Trương - Thái - Tôn, Tổng trưởng Kinh-tế đầu tiên của Đệ-Nhi Cộng-hòa đã được hoan nghênh nhiệt liệt, khi ông tuyên bố một tân chính sách cho năm 1968, gồm 3 đối-tượng và năm trọng-tâm, mà người dân xin ghi lại nơi đây, trên giấy trắng mực đen cho hải nội chư quân tử tiện bề so sánh.

Ba đối tượng là : ổn định vật giá, cùng cải thiện sinh hoạt nhân dân. Xây dựng nền Kinh tế tư bản đại chúng làm nền tảng cho nền Kinh tế tự túc Chuẩn bị Kinh tế hậu chiến để tiếp tục tận dụng tài nguyên quốc gia khi Hòa bình văn hồi.

Còn năm trọng tâm công tác là : Ổn định vật giá và điều hòa tiếp tế. Cải thiện xuất nhập cảng. Tăng gia sản xuất nông nghiệp. Kỹ nghệ hóa. Khuếch trương tiểu công nghệ. (Bách Khoa số 264 ngày 11-68)

Không cần phải đợi tới cuối năm; 1968 mới sáng tỏ tính chất khô hạn của một chính sách kinh tế mà luôn c người chủ-trương, vừa hơn sáu tháng đã « ôm cầm thuyền khác » — tức là Bộ Canh-nông. Thiện chí của ông Kinh-tế rất đáng khen, biến đại-chúng nghèo nàn thành tư bản ráo trọi là giấc mộng tuyệt đẹp, nhưng một chương trình kế hoạch đứt gãy rơi từ trên trời xuống, không căn-bản thực tế, không lý-thuyết dẫn đường, không thẩm-nhuần chính-trị, chỉ có thể đem bày trong Viện Bảo-tàng, để đánh dấu một tâm trạng, một thời gian, để chứng tỏ sự bất lực không đem lại được phú cường cho đất nước, cơm no áo ấm cho lớp người nghèo mới.

Tuy vậy người dân cũng không trách ông Tổng trưởng Kinh tế vì dầu sao, chính sách của ông cũng không làm hại

gì thêm cho nền Kinh - tế chung. Cũn⁹⁹ coi như ông không có chính sách gì cả, như hầu hết các ông Bộ trưởng, Tổng trưởng Kinh tế khác, kế tiếp nhau ngự trị tại Bộ Kinh tế và thường coi thiên chức «mần» Tổng trưởng, như là «mần công vụ» với tất cả lương tâm và «méo mó nghề nghiệp» của một «công chức» được tiếng là «gương mẫu».

Cũng còn hơn những ông Tổng-trưởng, có chủ trương chính sách hẳn hoi, nhưng đánh cho toàn dân những đòn kinh tế bò lăn bò càng đến hai, ba năm sau còn chưa cất nổi đầu dậy, trước sự gât gù mần nguyện của ngoại bang áp-lực.

Tờ chức nghiên cứu kinh-tế mà người dân có thể tin tưởng hơn là nhóm Kinh-tế hậu chiến của Giáo sư Vũ Quốc Thúc. Nhưng muốn tránh né các sự va chạm về quyền lợi kinh-tế, thường khó khăn, gay go và tế nhị, nên Nhóm Nghiên cứu không phê bình thẳng vào chính sách Kinh tế của Chính quyền, cũng không đặt ra kế hoạch toàn bộ cho tất cả các hoạt động kinh tế quốc gia. Nhóm Nghiên-cứu chỉ thu mình trong những vấn đề trọng đại, lâu dài tới hai, ba chục năm, vừa không đụng chạm tới tham ô nhũng lạm, lại cũng không làm sồn mảy may các giới cấp phát và khai thác trục lợi các lít-xăng nhập cảng xuất cảng.

Đối với nhóm Kinh-tế hậu-chiến, kế hoạch hoạt động có thể thực hiện ngay được, vì tại đô-thị, tại các vùng an-ninh, có thể coi rằng tình-trạng hậu-chiến đã bắt đầu. Nhưng với nỗ lực điên cuồng của địch trong năm 1968, tập trung lực lượng đánh vào thành phố và các vùng

n-ninh, kế hoạch kinh-tế hậu-chiến đâm ra lạc lõng, mất hết căn bản chiến-lược, và có lẽ phải đợi chừng nào ngưng hẳn tiếng súng họa chăng mới kiến-thiết kinh-tế được.

Đến đây người dân mới thực là bơ-vơ, không nhìn thấy ai lãnh-đạo mình về phương-diện Kinh-tế hết. Nhìn sang cơ-quan dân-cử, Quốc hội, có lẽ chỉ thấy mình ông Chủ-tịch Ủy-ban Kinh-tế Hạ viện là nỗ lực làm việc. Nhưng một cơn éo không mang lại mùa xuân và trước sự thờ-ơ lạnh-nhạt của đại đa số dân-biểu, người dân không thấy Quốc hội đưa ra được một đường lối chính-sách kinh-tế nào cả. Ngân-sách quốc-gia 1968 chỉ là một ngân-sách điều-hành, tuyệt nhiên không có tính-cách một Ngân-sách chương-trình, với những khoản tín-dụng khả-di tung ra một chính-sách mới về tài chính, phát-triển kinh-tế, phát-triển nông-nghiệp và ngư-nghiệp...

Khi nội-các Trần-văn-Hương lên cầm quyền người-dân cũng thông-cảm khi thấy chính-phủ không đặt nặng vấn đề Kinh-tế. Chí-sĩ Trần-văn-Hương là một chính-trị gia suốt đời hy sinh về việc nước. Ông là người đạo-đức mô-phạm. Ông cũng là người rất nghèo, khi thôi làm Đô-trưởng thì chỉ làm thư ký cho Nha-sĩ đoàn, đi xe đạp cọc-cạch đi làm. Không thể nào so sánh ông với Thủ-tướng Pinay được. Ông Pinay nổi-tiếng về những biện-pháp tài-chánh kinh-tế, giúp đỡ cho sự phục-hưng của nước Pháp, không phải chỉ vì ông có một bộ tham-mưu giỏi mà chính là tại ông đã có kinh-nghiệm về kinh-tế tài-chánh, đã thành công trong việc chỉ-huy xí-nghiệp, nhà máy da của ông.

Bài trừ tham nhũng thời nhà kinh

doanh Pinay không thể nào cưỡng quyết bằng nhà « mô phạm » Trần - văn - Hương được. Nhưng làm cho quốc gia phồn thịnh thời một người « nghèo » như ông Trần - văn - Hương lại không thể ăn đứt được một người đã tạo ra giàu có như ông Pinay.

Nếu Thủ-tướng Trần - văn - Hương không có chính sách gì đặc biệt về Kinh - tế, người dân ráng chịu. Có đáng thương là ở chỗ ông Tổng-trưởng Kinh tế Âu - Ngọc - Hồ chỉ thông thạo về « Kinh-tế đối phó ». Mục tiêu tối hậu của ông là cấp phát cho rõ nhiều lít-xăng, đem hàng hóa tràn ngập thị trường, từ những hàng cần thiết cho đến những hàng quá sức tiêu thụ, quá mải lực của nhân dân, và không cần biết hàng nhập cảng có cạnh tranh và đè bẹp hàng của nông dân của kỹ-nghệ Việt-Nam hay không. Đường khan hiếm thời nhập cảng đường. Gạo khan hiếm thời nhập cảng gạo. Gạo Mỹ nhập nhiều quá cạnh tranh với gạo Việt-Nam, thời tăng giá gạo Mỹ. (Tuy ông Tổng - trưởng Kinh-tế có phân vua với làng nước là không tăng giá gạo, mà chỉ giảm trợ cấp, đối với người dân mộc mạc, các sự tế-nhị của khoa ngôn ngữ đó, quả thực họ nuốt không nổi và khi phải bỏ hầu bao thêm bốn trăm đồng để mua mỗi tạ gạo Mỹ, thời họ chỉ biết đau xót mà kêu la rằng gạo tăng giá chớ không thể nào tự an ủi : « Không, giá gạo không tăng, vật giá vẫn ổn định, nhưng chỉ trả thêm bốn trăm đồng tiền trợ cấp mà thôi ».)

Sợi dệt vài thiếu, Bộ Kinh-tế cho nhập cảng sợi. Nhưng thiếu chừng 8 trăm tấn một năm mà cho nhập cảng

một lúc 8 ngàn tấn thời không biết xài bao nhiêu năm mới hết, và không hiểu Bộ Kinh-tế có biện pháp nào khác để giúp đỡ kỹ nghệ dệt Việt-Nam, ngoài cách cười xòa huề cả làng.

Cho nên tưởng rằng « Kinh-tế đối phó » dễ mà hóa ra rất khó, vì chống đỡ sai lệch đường lối là làm cho toàn thể nền Kinh-tế Việt-Nam phải rung động. Quốc hội phải kêu trời và nhiều lần mời Thủ-tướng cùng các vị lãnh đạo Kinh-tế tài-chánh giải thích về chính-sách của Chính-phủ. Phải đợi tới ngày 23 tháng chạp, ngày cuối năm mà ông Táo Tây Mỹ lên châu trời, Thủ-tướng mới kéo binh hùng tướng mạnh qua Hạ-viện để đấu trí với đại diện nhân-dân. Quốc vụ Khanh Vũ Quốc Thúc, kể như lý thuyết gia Kinh Tài của Chính-phủ đi, dầu sao cũng còn được cảm tình của nhiều giới, phải thay mặt ông Tổng trưởng Kinh-tế để trình bày chính-sách Kinh-tế ba điểm của Nội-các Trần-văn-Hương.

Ba mục tiêu của chính-sách, qua sự hiểu biết mộc-mạc của dân đen bao gồm : Xóa bỏ các hậu quả tai hại của những sự phá hoại kinh-tế khi địch tấn-công vào đô thị kể từ Tết Mậu-Thân; Tìm tiền bạc để cung ứng cho chiến tranh, nhất là nuôi 850.000 binh sỹ và trên 200.000 công chức ; Lập ra một cấm nang bí mật về các biện pháp Kinh-tế hậu chiến, chỉ đệ trình cho mình Tổng Thống biết, và khi nào ngưng tiếng súng sẽ tung ra như bom nổ.

Bí mật nào cũng giống như bí mật phòng khuê, « cấm ngoại-thủy không ai được biết », nên người dân không dám bàn tới, sợ bị ghép vào tội tiết-lộ bí-mật... kinh-tế quốc-gia.

Xóa bỏ hậu quả của Tết Mậu Thân là chuyện đương nhiên mà gần đây một tờ báo nào đó ở bên Mỹ đã tuyên-bố rằng nền kinh-tế kỹ nghệ Việt-nam đã được phục hồi lại như cuối năm 1967 rồi. Vậy kể như mục tiêu đã đạt được.

Còn việc quân bình ngân-sách, kiểm tiền để trả lương cho binh-sĩ, công chức, là nhiệm vụ thường xuyên của chính-phủ rồi. Chỉ chậm lương vài ngày cũng đủ sinh ra loạn rồi còn vẽ vờ bày đặt làm mục-tiêu chính-sách kinh-tế làm chi ?

Vậy kể luôn ba mục-tiêu cũng coi như pha cả, người dân vẫn chẳng thấy có chính-sách kinh-tế nào cho ra trò, và qua sự trình bày hấp-dẫn của giáo sư Vũ-Quốc-Thức, chỉ thấy còn lại dư vị đắng cay của những nhận xét: tình hình kinh tế khó khăn bi đát lắm, phải thắt lưng buộc bụng thêm, không hy-vọng gì có thịnh vượng tốt đẹp.

Người dân có bao giờ từ-chối, và có bao giờ được phép lơ là với nhiệm vụ của mình đâu. Nhà cháy thời phải chữa lửa, thuyền đắm thời phải tát nước. Người dân có được phép trùn chần bao giờ Ngược lại, trăm đầu đổ vào đầu tấm, bao nhiêu khó nhọc khổ sở người dân đều gánh vác chịu đựng hết. Chắc hẳn người dân không ngồi chỉ tay năm ngón. Nhưng phải bắt tay vào việc ra sao ? Chữa lửa, tát nước, cũng phải có đường lối, kế hoạch, phối hợp hoạt động chớ làm ầu sao được ?

Địch có chính-sách kinh-tế « Mác-xít » Còn chúng ta có chính-sách gì để đấu tranh trên mặt trận kinh-tế ? Trong hoàn cảnh một quốc-gia nông - nghiệp, vừa thoát khỏi tình-trạng thuộc-địa, không có kỹ-nghệ, không có vốn liếng, không

có kỹ thuật gia, lại bị cuộc chiến-tranh Quốc Cộng sâu xé, tàn phá, Kinh-tế Việt-nam phải phát-triển theo đường-lối nào, phục vụ cho những ai, với những sự viện trợ quốc tế ra sao, theo những kế-hoạch trường-kỳ, đoản-kỳ nào ? Đó là những câu-hỏi tiên quyết mà nhà lãnh-đạo Kinh-tế Việt - nam phải giải quyết trước khi bắt tay vào việc kiến-thiết xứ sở.

Có lý thuyết căn bản rồi mới có thể có kế-hoạch áp dụng cho mỗi giai đoạn chiến tranh. Cũng như phải có Hiến-pháp trước rồi mới có các cơ quan Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp sau, Về chính-trị ai cũng hiểu rõ ràng như thế, nhưng về kinh-tế người ta lại không nhìn thấy khiếm khuyết, khi chẳng có một chính sách kinh-tế căn bản mà vẫn có những biện pháp kinh tế được mệnh danh là dân-chủ, là hợp-hiến, là phục-vụ cho quyền lợi quốc-gia. Nếu có một người ngoại-quốc được đi bầu-cử ở Việt-nam, chắc chắn không người Việt nào không phản đối. Nhưng chánh-phủ lại dung túng cho rất nhiều ngoại-kiểu làm đại-diện thương mại, tranh dành quyền lợi dành riêng cho người Việt-Nam, mà ngay cả Phòng Thương-mại Việt-Nam cũng không thấy la lối lên được câu nào.

Quyền lợi của người dân Việt-Nam không được bảo-vệ, bất-công xã-hội càng ngày càng đào sâu thêm hố cách biệt giữa người giàu và người nghèo, giữa dân nông thôn và dân thành-thị, Kinh-tế Việt-Nam mỗi ngày một sa-sút thêm trước sự phồn-thịnh của các nước láng-giềng như Nhật-bản, Đài-Loan, Phi-luật-Tân, Mã-lai.v.v... tất cả các sự kiện đáng tiếc đó đều đổ lên đầu chiến-tranh hết. Chẳng một Chánh-phủ nào dám nhận trách nhiệm cả. Không

một nhà lãnh-đạo kinh tế tài chánh nào nhìn thẳng vào sự thật để thú nhận nguồn gốc của tất cả những sự đau-khổ. Kinh-tế của dân Việt-Nam trước hết nằm ở trong điem khiếm khuyết một hệ-thống kinh-tế hợp-lý, một lý-thuyết dẫn đạo kinh-tế. Chúng ta đi chấp-chững như những người mù, dẫn đầu là ông Tổng-trưởng Kinh-tế, vấp đầu đổ đó, múa gậy vung t n tán, may thời đánh trúng đích, rủi thời đánh nhầm bạn và có khi quật luôn cả vào bản thân mình.

Biến-cố Kinh-tế Mậu Thân

Đứng đầu trong các sự kiện kinh-tế 1968, người ta phải kể tới biến-cố Mậu Thân. Các sự phá-hoại Kinh-tế do địch gây ra, bao-trùm luôn cả năm 68 và chắc chắn ảnh-hưởng tai-hại còn kéo dài trong những năm kế tiếp.

13.000 thường dân thiệt-mạng, 21.000 bị thương, 700.000 người tỵ-nạn, 4 tỷ bạc, cơ-sở kỹ-nghệ bị phá-hủy, đó là những con số khủng-khiếp nói lên sự tàn bạo của địch nhằm tiêu-diệt dân lành vô tội.

Tuy nhiên số thống-kê về thiệt hại tiền bạc vẫn chưa đúng với sự thật, vì chỉ căn-cứ trên sự kê khai của các xí-nghiệp có tờ-chức, có giấy tờ, có tiền mượn thừa-phát-lại lập vi bằng. Còn biết bao xí-nghiệp nhỏ bao nhiêu nhà tiểu-công-nghệ ở ven-đô, ở Chợ-lớn, bị tan nát cơ nghiệp, mà chẳng biết kêu ca ở đâu, vì đốt nát, vì hoạt động không có phép tắc của nhà cầm quyền, vì thấp cổ bé miệng, không hy-vọng mấy may được Bộ Kinh-tế chiếu-cổ giúp đỡ.

Sự thiệt hại về tinh-thần còn nguy hiểm gấp bội sự thiệt-hại về vật chất. Từ xưa, theo chiến-lược chiến-tranh du

kích, người dân vẫn tin đô-thị là nơi an-ninh. Yếu như Quân-đội Pháp, với hậu-thuần bê-bối của một nước Pháp loạn về chánh-trị, mà cũng còn bảo vệ nổi các tỉnh lớn từ Bắc chí Nam và luôn cả sau trận Điện-Biên-Phủ. Nữa là một quân-đội bách chiến bách thắng như Quân-đội Mỹ, cùng với lực-lượng Đồng-minh và đạo quân hùng-hậu Việt-Nam. Lại chỉ phải bảo vệ thành-trị từ Vi tuyến 17 trở xuống, trong khi Bắc-Việt bị bom cày nát tới bời. Có ai dám nghĩ là địch quân dám tấn công các thành-thị lớn, luôn cả Thủ-đô nữa?

Người dân vẫn tin-tưởng an-ninh phải được bảo đảm tại thành-thị, tại các vùng phụ cận và các trục giao thông. Cuộc chiến không có giới-tuyến, các trận đánh luôn luôn biến động và bùng nổ từ địa điểm này qua địa điểm khác, nhưng vẫn có một vùng khai-hòa thường xuyên, một vùng xôi đậu, và một vùng tương đối an toàn. Vùng an toàn là hậu phương. Hậu phương có mạnh, có phồn thịnh, chúng ta mới có thể thực-hiện khẩu hiệu "vừa đuổi giặc vừa kiến thiết".

Đường lối duy nhất để thắng trong trận chiến tranh du kích là ngay trong thời chiến, chúng ta phải băng bó được các vết thương chiến tranh, xây dựng một nền kinh tế tiến bộ, phồn thịnh, và nỗ lực kiến thiết phải vượt được hoạt động phá hoại của địch. Nếu chúng ta để cho đất nước phải điêu tàn, nền kinh tế lụn bại, nhân dân oán thán, chúng ta sẽ không bao giờ tiêu diệt được địch, mặc dầu có cả một triệu quân-đội Mỹ cũng thế mà thôi.

Những vùng an-toàn phải là vùng phát triển kinh-tế kỹ-nghệ, đủ sức

nuôi sống toàn quốc. Kinh-tế hậu chiến cũng bắt đầu nảy sinh ở những nơi có điều kiện an ninh.

Sau cuộc tấn-công Mậu-Thân, của địch các quan-niệm chiến lược trên đây đều bị đảo-lộn. Hết cả kinh tế hậu chiến, và cũng nghỉ luôn mọi nỗ lực phát triển kinh-tế. Những nhà kinh-doanh đâm ra hoài nghi, mất hết tin tưởng vào tương lai, không dám lao mình vào các hoạt động mới, và e-dè luôn cả các hoạt động thường xuyên. Thà rằng nằm ăn không, dầu có lạm vào vốn, nhưng tránh được những tai họa lúc nào cũng có thể xảy ra và luôn luôn được các nhà chức trách lưu ý. «Coi chừng tấn công đợt 2! Coi chừng tấn công đợt 3!».

Những người có thiện chí rồi cũng đâm ra chán nản. Quân-đội có Cục Tâm-lý-Chiến. Thông-Tin cũng đặt nặng vấn-đề tuyên-truyền chính-trị. Riêng có Bộ Kinh-tế, nhà chức trách không bao giờ đề cập tới việc động viên tinh thần giới sản-xuất để phục-vụ quyền lợi quốc gia. Nếu quân và dân phải là cá và nước thì nhân viên Kinh-tế với giới doanh thương sản xuất cũng phải có những mối tương quan mật thiết, đặt nền tảng trên sự dẫn đạo, nâng đỡ, thông cảm, hợp tác chân thành. Ngược lại người dân chỉ thấy những thành kiến xấu xa: Bên này tìm cách lường gạt qua mặt, bên kia ra sức kiểm-soát trừng trị, hoặc vắt sữa, chia lời. Tuyệt nhiên không có hoạt động chiến-tranh tâm-lý. Thành thử trên mặt trận Kinh-tế, chúng ta chưa đánh đã nao núng về tinh thần, tâm lý rồi. Sự tai hại đến mức nào, người dân đã có nhiều kinh nghiệm

chưa cay. Chỉ cần một tin đồn vu vơ sữa khan hiếm, hoặc sữa lên giá, thế là thùng lớn thùng nhỏ đã biến mất trên thị-trường, và con-nít nhà nghèo lại đòi sữa.

Suốt năm 1968 kỹ-nghệ Việt-Nam đã bị chi phối bởi các cuộc tấn công vào thành thị, cũng như các đòn cân não, các tin đồn tấn công.

Đề ứng-phó với tình-hình, chánh-phủ tung ra hai biện-pháp: Quỹ tái-thiết và bảo-hiêm chiến tranh.

Về quỹ tái-thiết, hình như trên dưới một tỷ bạc, đã được đem cho các cơ-sở kỹ-nghệ bị tàn phá vay mượn để hoạt động trở lại.

So với số thiệt hại thực sự, ngân-khoản một tỷ bạc chẳng thấm tháp vào đâu. Và dĩ nhiên chỉ những xí nghiệp có thể lực mạnh mới hy vọng vay tiền được Bộ Kinh-tế. Cứ việc đem công-bố các khoản tiền cho vay, các công-ty thụ-hưởng, các người hùn phần cùng là họ hàng bà con, người dân sẽ phân loại dễ dàng ngay ba loại: Xí nghiệp có phần hùn của Chánh-phủ — Xí nghiệp có phần hùn của những tay tở. — Xí nghiệp biết chạy chọt cửa hậu. Ngoài ra cũng có một phần nhỏ các xí nghiệp may mắn được hưởng của phước-thiện làm tấm bình-phong, tô son điểm phấn cho việc cấp phát quỹ tái thiết có vẻ công bằng chính-trực.

Về việc bảo-hiêm chiến-tranh, mặc dầu đã có luật ban bố, nhưng trên thực-tế vẫn chưa thi hành được và chắc chắn sẽ vấp phải rất nhiều trở-lực, khiến cho đạo-luật, mãi mãi không thoát ra khỏi tình trạng nguyên tắc giấy tờ.

Nguyên giá-ngạch bảo-phí cũng làm

cho điên đầu. Tính toán cho hợp lý, tỷ-lệ tối thiểu phải là bảy phần trăm. Một xí-nghiệp trung bình, khoảng 30 triệu, cùng hàng hóa trị giá 20 triệu, mỗi năm phải đóng hết 3.500.000đ tiền bảo-hiêm. Có xí-nghiệp nhỏ nào dám bảo-kê nữa không? Trong hoàn-cảnh chiến tranh, nhân công khan-hiếm, vật liệu đắt đỏ, chuyên chở tốn kém, thuế-má gia-tăng, liệu các xí-nghiệp nhỏ có lời nổi một phần ba tiền bảo-kê chẳng? Nếu tăng giá hàng, với chính sách tràn ngập thị trường của Bộ Kinh-tế, liệu có cạnh tranh được với hàng ngoại-quốc không? Xí-nghiệp có tồn-tại được không? Toàn là những câu hỏi viết lên trong đêm tối mịt-mù.

Chính-sách nhập-cảng.

Mỗi lần phê-phán về chính-sách nhập cảng theo đúng giáo-điều của các bậc sư biều về Kinh-tế quốc-nội và luôn cả quốc-ngoại, là phải lên án, sỉ vả thái-độ ba-gai của người dân miền Nam, nào là tiêu xài quá sức, nào là không chịu thắt lưng buộc bụng, nào là không nghĩ đến tự-lực tự-cường, cứ ngửa tay đi ăn xin ngoại-viện hoài

Nói vơ đũa cả nắm cũng tội nghiệp cho người dân. Lớp người thực sự nghèo, tức là một triệu gia-đình quân-nhân, hai trăm ngàn gia-đình công chức, hai trăm ngàn gia-đình tư-chức, 2.700.000 dân tỵ nạn cộng sản, đâu có muốn nói lưng thắt bụng, hoàn-cảnh cũng không cho phép.

Chính lớp trung-lưu mới, những người kiếm tiền dễ-dàng nhờ làm việc với người Mỹ, hoặc « khai thác » được họ đã làm hại tới nền Kinh-tế Việt-Nam với tâm-lý thụ-hưởng tức khắc, thỏa mãn tất-cả những nhu-cầu xa-xỉ.

Bộ Kinh-tế cũng đồng-lỏa với họ khi cấp phát ngoại-tệ bừa-bãi, để tràn ngập hàng-hóa để thỏa-mãn tức-khắc, những nhu-cầu mới bột phát.

Xin các bậc thức-giả nhận-định, nước Việt-Nam có cần nhập-cảng đến 50.000 xe Honda một tháng không? Và nếu 50.000 xe đó là xe đạp sản-xuất trong nước, thì số lợi-tức đem lại cho quốc-gia này sẽ là bao nhiêu?

Chưa hết những sự mâu thuẫn của Bộ Kinh tế trong chính sách nhập-cảng. Chủ-trương kỹ-nghệ-hóa tức là chủ trương tự mình sản xuất được hàng-hóa thông dụng, khỏi phải lệ-thuộc vào ngoại quốc. Người dân tự hỏi, nếu không dùng được nguyên-liệu trong nước, nếu kỹ-nghệ dột phải nhập-cảng chỉ sợi, kỹ-nghệ đường nhập-cảng đường bồi kỹ-nghệ giấy nhập-cảng bột giấy, kỹ-nghệ xi-măng nhập-cảng xi-măng, kỹ-nghệ được-phẩm nhập cảng hóa-phẩm, kỹ-nghệ đồ nhựa plastic nhập-cảng bột nhựa, thời còn tự-lực tự-cường vào khổ nào, và độc-lập kỹ-nghệ cũng chỉ là một thứ bánh vẽ hay sao?

Mâu-thuẫn với chính-sách thắt lưng buộc bụng khi Bộ Kinh-tế phao-phí ngoại tệ, bắt buộc các nhà nhập-cảng phải xài tối thiểu, mỗi nhà 400.000 Mỹ kim một năm. Thật là chuyện đáng cười bẽ bụng. Mới ngày nào, đánh nhau vỡ đầu mới xin được vài ngàn Mỹ-kim. Lại còn phải trả nước mỗi Mỹ-kim từ 300/0 đến 1000/0 giá chánh-thức nữa.

Nay đã đời đời, nên nhà buôn mới chê Mỹ-kim và Bộ Kinh-tế phải tiêm Mỹ-kim vào Đại Công-ty như bác-sỹ chích thuốc vào con bệnh. Phải chăng thị-trường quá tràn ngập hàng hóa nên

nhà nhập-cảng không còn biết mua hàng gì để mà tiêu-thụ nổi tại Việt-Nam? Những khu-vực ngon ăn thời lại bị cấm đoán. Như nhập-cảng sữa hộp chẳng hạn.

Trước những sự mâu-thuẫn trên đây, người dân không còn hiểu nước mình giàu hay nghèo, và tại sao phải thi-hành chính sách khắc-khổ. Nếu nghèo, sao lại có quá nhiều ngoại-tệ đến nỗi bắt nhà buôn phải xài ngoại-tệ, phải nhập cảng hàng-hóa vào trong nước. Nếu giàu, nếu nhiều ngoại-tệ, tại sao lại phải thắt lưng buộc bụng.

Có thể nói trong năm 1968, chính sách nhập cảng chứa đầy mâu-thuẫn. Tuy vậy, cũng có hai điểm mà người dân lấy le được.

Trong số 550 triệu Mỹ-kim nhập cảng hàng-hóa có tới 350 Mỹ-kim là tiền sở-hữu của nước Việt-Nam, và chỉ có hai trăm triệu Mỹ-kim là tiền viện-trợ Thương-mại.

Từ trước mình chỉ sống nhờ Mỹ-kim viện trợ. Ngày nay Mỹ-kim mình thu được nhờ xuất-cảng sự-vụ đã nhiều gần gấp đôi là điều đáng kiêu-hãnh lắm.

Mặt khác, vì có nhiều ngoại-tệ sở hữu nên chúng ta có thể mua hàng-hóa tại các nước khác, giá cả rẻ hơn Mỹ. Đến nỗi cơ-quan Viện trợ Mỹ phải xuống nước yêu cầu Bộ Kinh-tế chúng ta « thông-cảm » chỉ cho phép thương-gia mua hàng từ Mỹ qua, dầu với giá cao. Thành thử có hồi chúng ta khan hiếm sắt thép, vì nhà buôn không chịu « thông cảm » cứ nằng-nặc đòi mua hàng tại Nhật-bản, Đài Loan... khiến cho không thể cấp phát lít-xăng được.

Vấn đề Lúa Gạo

Cuối năm 1968, vấn-đề Kinh-tế gây sôi nổi nhiều nhất là vấn-đề lúa-gạo. Việc tăng giá gạo Mỹ lên 400đ một tạ đã khiến cho Hạ-viện và báo chí chỉ trích nặng-nề ông Tổng-trưởng Kinh-tế. Nhiều dân-biểu ký-giả đòi truất-phế ông khiến cho Thủ-tướng phải ra trước Quốc-hội, nhận lãnh trách-nhiệm về biện pháp mất lòng dân này.

Tại sao chúng ta vốn dĩ vẫn là vựa lúa Á-đông phải lâm vào tình-trạng nhập cảng gạo? Nếu vì mất mùa, thì cũng chỉ phải nhập cảng 400.000 tấn gạo trong năm 1966 thôi, hà tất năm 1967 phải nhập cảng tới 970.000 tấn và còn tiếp tục nhập cảng mãi trong năm 1968 và 1969.

Theo các con số thống-kê, mùa lúa 1965 thu hoạch được 4 triệu tám trăm ngàn tấn, mùa lúa 1966 : 4 triệu ba trăm ngàn tấn, mùa lúa 1967 : khoảng 4 triệu sáu trăm ngàn tấn và mùa lúa 1968 dự trù : 4 triệu tám trăm ngàn tấn, như năm 1965.

Về phần tiêu thụ, miền Nam có 15 triệu dân, 5 triệu ở đô-thị và 10 triệu ở nông thôn. Trung bình, mỗi gia đình ở thành thị, hai vợ chồng năm con, dùng hết 49 kilô gạo mỗi tháng, mỗi gia đình ở nông thôn dùng nhiều hơn, cỡ 63 kilô gạo. Tổng cộng số tiêu thụ hàng năm là 1 triệu năm trăm ngàn tấn gạo, tức là 2 triệu năm trăm ngàn tấn lúa.

Dầu bị chuột bọ phá phách, trừ phần lúa giống, trừ phần nuôi gia súc, người dân cứ tưởng còn lâu số tiêu thụ mới đạt ngang mức sản xuất thấp

nhất của năm mất mùa, 4 triệu 3 trăm ngàn tấn.

Có phải vì thóc gạo có tinh, nên sản-xuất tuy nhiều mà vẫn biến đi đâu mất hết để nhường chỗ cho gạo Mỹ mạnh dạn xâm lấn thị-trường?

Hay tại Bộ Kinh-tế và Canh-nông, Công-chánh, đã không bảo đảm nổi mùa màng, không vận chuyển điều hòa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, khiến cho chỗ này thừa lúa, vừa giá rẻ vừa không biết bán cho ai, mà chỗ kia lại phải đi ăn đong của tư bản ngoại quốc?

Thật là một nghi vấn chẳng ai chịu giải thích cho dân đen.

Nghi vấn thứ hai, thuộc về giá cả của gạo Mỹ viện trợ.

Người dân Miền Nam luôn luôn được nghe các đại diện Chính-quyền Mỹ, trong các hội nghị Quốc-tế, hứa hẹn sẽ giúp đỡ đủ điều, nếu chịu tổng động-viên, gia tăng tiềm lực tiêu diệt Cộng-sản xâm-lăng, tay sai của Đế-quốc Đỏ vừa hiếu-chiến vừa muốn xâm chiếm cả Thế-giới tự-do.

Đổi lại địa-vị tiền đồn phải hy-sinh xương máu tại sân kinh tế, Việt Nam thiếu gì sẽ được cung cấp thứ đó ngay. Thiếu ngoại-tệ, được ngoại-tệ. Thiếu gạo có gạo. Khi Việt-Nam vừa mất mùa, lập tức Mỹ chở gạo sang ùn ùn, giao thẳng cho Chính-phủ Việt-Nam để cung cấp cho nhân dân. Không một nhà buôn nào được đứng trung gian, mua gạo ở ngoại-quốc để nhập cảng vào Việt Nam.

Vấn-đề tiếp-tế đã trực tiếp giữa hai Chánh phủ, người dân không sao hiểu nổi Ngân - hàng Quốc - gia phải ứng trước bao nhiêu tỷ-bạc cho Bộ Kinh-tế như cho vay một thương gia hạng bét, và càng không hiểu tại sao bán gạo rồi cũng không thu được tiền, khiến hụt đến 12 tỷ-bạc.

Đã là gạo của Mỹ viện trợ, để nâng cao tinh thần chiến đấu của một triệu binh sỹ, hai trăm ngàn công chức hăng say chống Cộng, để giúp đỡ cho dân nghèo, để khỏi làm xáo trộn nền kinh-tế Việt - Nam, thời làm gì còn có chuyện buôn bán, lỗ lời và bán theo giá nào chẳng được. Số gạo viện trợ chắc chắn sẽ giảm thiểu hy-sinh xương máu của quân-đội Mỹ, nên cho không cũng còn được, huống hồ đã bán với giá hai ngàn hai trăm đồng một tạ. Cần gì phải tăng thêm bốn trăm đồng Đàng nào thời số tiền thu được cũng giúp thêm vào Ngân-sách Quốc-phòng để nuôi thêm quân đội Việt - Nam.

oOo

Nhìn lại nền kinh tế 68, người dân thấy nổi bật bốn đặc điểm: Thiếu một chính sách phù hợp với đường tiến của Việt-Nam, một chính sách kinh-tế bảo vệ quyền lợi dân tộc, san bằng bất công xã hội để phục vụ cho đại chúng, một chính sách tiến bộ và hợp lý trong các mục tiêu cơ-giới-hóa nông nghiệp, kỹ-nghệ-hóa ưu tiên trong các ngành biến-chế nông phẩm, khai triển ngư-nghiệp, cải-thiện việc tồn-trữ, chuyên chở, phân phối, trung-gian tiếp-tế các thực-phẩm.

Đặc điểm thứ hai, là ảnh hưởng tai hại của biến-ố Mậu Thân. Đặc điểm thứ ba là chính-sách nhập-cảng chứa đựng đầy mâu-thuẫn và đặc điểm thứ tư là chính-trị lúa gạo đầy nghi vấn.

Đó là bốn nét nổi bật lên khi người dân, qua một đoạn đường cực-kỳ khó nhọc, dừng chân thở phào nhìn lại các sự-kiện kinh-tế đầy chông gai trong năm 1968 vừa qua.

Viễn-ảnh kinh-tế 1969 sẽ ra sao? Những đề nghị gì có hy-vọng góp-phần trong việc xoa dịu các vết thương đau-đớn của dân-tộc?

(còn tiếp 1 kỳ)

DUY

Kỳ sau: Viễn-tượng kinh tế 1969

MỞ ĐẦU CHO NĂM 1968
KẾT THÚC VỚI NĂM 1968

Vụ tàu PUEBLO

● VŨ-BÀO

Làm thân phận một chiếc tàu như chiếc Pueblo, chắc không khi nào dám nghĩ chuyện đi vào lịch sử?

Tàu dài được có 50 thước, khi nào xả hết tốc lực mới chạy được một giờ 12 hải lý (khoảng 22 cây số), nó thuộc vào loại những tàu trong đại chiến thứ hai chỉ dùng để chuyên chở thuốc đánh răng và giấy đi cầu cho binh sĩ Hoa kỳ ở Nam Thái Bình Dương.

Thế mà cuối tháng giêng 1968 chiếc tàu đó ngay trong chuyến công cán đầu tiên đã gây được tầm tiếng lẫy lừng còn hơn cả những soái hạm xông pha trận mạc. Từng đó danh dự chỉ vì nó là một đơn vị của hải quân một cường quốc mạnh nhất thế giới mà nó đã ngoan ngoãn để cho mấy chiếc tàu của Bắc Cao xúm vào tóm cồ lồi đi như một tên ăn trộm bị bắt quả tang. Sự thực ra thì nhiệm vụ của nó cũng không có gì là quang minh chính đại vì nó là một tàu gián điệp có phận sự ghi nhận các hoạt động của hải quân Nga tại phía Bắc Thái Bình Dương. Nên nó đã mon men tới cửa ngõ Bắc Cao và để cho người ta chộp được.

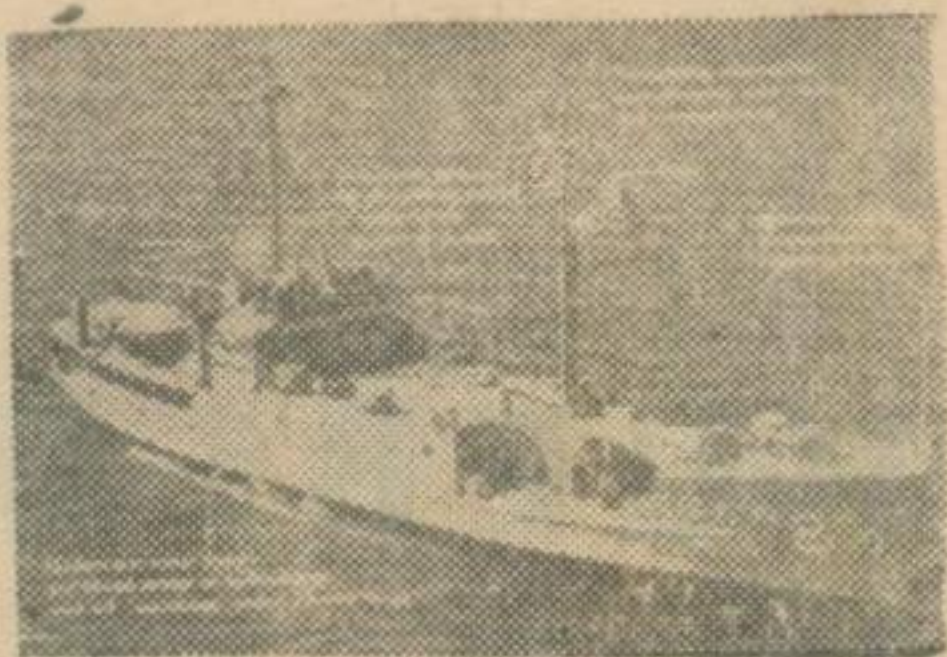
Từ ngày đoàn thủy thủ chiếc Pueblo bị bắt đến ngày họ được thả vừa đúng 11 tháng và trong suốt thời gian đó tất cả lý luận hai bên đưa ra chỉ có như sau :

Bên Hoa-kỳ thì cho rằng chiếc Pueblo đã bị bắt ở hải phận quốc tế và như vậy là Bắc Cao láo.

Bên Bắc Cao lại cho rằng chiếc Pueblo đã lọt vào lãnh hải của họ và như vậy là Hoa-kỳ bậy.

Riêng có biên cả biết thì biên cả lại không nói.

oOo



Tàu Pueblo

Hoa kỳ có khoảng hơn 80 chiếc tàu như chiếc Pueblo. Nó thuộc loại tàu ELINT (viết tắt của các tiếng ELectronic INtelligence : tình báo điện tử). Hoa kỳ đã dùng đoàn thuyền này để đáp lễ đoàn 60 chiếc «tàu đánh cá» của Nga Sô hoạt động trên khắp mọi mặt biển.

Những tàu đánh cá này đều chọn những nơi rất là đặc biệt để thả câu buông lưới. Tàu ngầm Polaris của Hoa kỳ về căn cứ, phóng pháo cơ B52 tập trung ở đảo Guam hay phi thuyền Apollo sắp trở về trái đất là y như thấy tàu Nga tới đánh cá.

Riêng chiếc Pueblo của Hoa kỳ thì tuy bề ngoài sặc sỡ như vậy mà trong bụng chứa tới trên 20 tỷ bạc máy móc điện tử và nó có thể chẳng được nhiều mẻ lưới khác nhau.

Trước hết nó có những bộ máy thụ tín cực kỳ bén nhạy có thể bắt hết các luồng sóng, các tín hiệu vô tuyến để cho các chuyên viên ở ngay dưới tàu có thể cho vào các máy tính điện tử «đọc». Thành ra âm hiệu, mật mã nào vào máy đó cũng sẽ trở ra một thứ văn chương sáng sủa giúp cho Hoa kỳ nắm hết tình hình quân số, vị trí đóng quân và ngay đến cả tên tuổi các vị chỉ huy bên địch nữa. Tất cả những tài liệu quý hóa đó

đều được chuyển ngay về cơ quan an ninh quốc gia ở Maryland khai thác.

Nhiệm vụ thứ hai của chiếc Pueblo là theo dõi các đài radar bên địch. Mỗi đài radar phát tuyến với một tính cách điện-tử riêng y như người ta mỗi người có một lối chữ ký và chiếc Pueblo như chụp tất cả những chữ ký đó để nhận diện các đài radar.

Nhiệm vụ thứ ba của chiếc Pueblo là thả dòng ở dưới nước những bộ tai điện tử hết sức tinh xảo ghi tất cả những tiếng động cơ của các tàu ngầm hoạt động cách đó 120 cây số. Nhờ sự ghi âm của chiếc Pueblo và các tàu đồng loại, Hoa kỳ đã nhận ra được và phân loại trên 450 tàu ngầm của Nga sô.

Trưa hôm xảy ra biến cố thì tàu Pueblo đang đo nhiệt độ nước cùng phân chất xem nước biển mặn nhiều hay ít, tất cả những yếu tố này đều có ảnh hưởng tới sự truyền âm dưới nước. Bỗng một chiếc tàu Bắc Cao ở đâu tiến tới và dùng kỳ hiệu quốc-tế buộc chiếc Pueblo phải cung khai quốc tịch. Khi được biết đó là tàu Hoa Kỳ thì chiếc tàu Bắc Cao ra hai kỳ hiệu khác, một cờ đỏ, vàng và một cờ đen, vàng. Ngôn ngữ này thì không thể nhầm lẫn được nữa. Nó nghĩa là: «Đứng lại không tôi khai hỏa».

Chiếc Pueblo trả lời: «Tôi ở hải phận quốc tế» và cứ thẳng thẳng đi.

Một giờ sau, ba tuần dương hạm Bắc Cao kéo tới với 2 chiếc phản lực MIG quần ở trên trời. Thuyền trưởng chiếc Pueblo, hải quân Trung Tá Bucher gọi về căn cứ Yokosuka ở Nhật Bản: «Chúng không đùa nữa rồi. Chúng muốn kiểm chuyện. Gửi cứu viện ngay.»

Các tàu Bắc Cao ép lại bên mạn chiếc Pueblo và thủy thủ Bắc Cao kiểm cách trèo sang. Bến này Bucher ra lệnh phá hủy các bộ máy điện tử, các bộ mật mã, các tài liệu. Điều lạ nhất là với một chiếc tàu trang bị như chiếc Pueblo người ta đã không trang bị những máy hủy tự động để phòng những trường hợp lọt vào tay địch. Thủy thủ chiếc Pueblo đã phải dùng búa, dùng lựu đạn đập phá máy và 4 người đã bị thương trong công việc này. Tới 2 giờ 32 phút chiều, nghĩa là hai tiếng rưỡi đồng hồ sau khi bị chiếc tàu Bắc Cao đầu tiên hỏi chuyện Bucher đánh đi chiếc điện cuối cùng: "Từ giờ phút này chúng tôi sẽ đứt liên lạc".

Chiếc Pueblo với 75 thủy thủ, 6 sĩ quan và 2 nhân viên dân sự chuyên về hải dương học, bị dẫn về hải cảng Wonsan của Bắc Cao và Hoa Kỳ phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng không kém gì vụ Cuba đặt hỏa tiễn năm 1962.

Nhưng trong vụ Cuba, Hoa Kỳ phản ứng mau lẹ và dứt khoát bao nhiêu thì trong vụ Pueblo Hoa Kỳ đã uể oải như một anh hùng thất mật.

Tin chiếc Pueblo bị uy hiếp và xin cứu viện về tới căn cứ Yokosuka thì bộ chỉ huy lúc đó mới nhận thấy Hoa Kỳ mặc dầu có quân lực hùng hậu nhất thế giới cũng không có phương tiện nào thích ứng để cứu chiếc Pueblo.

Không lực Hoa Kỳ có nhiều căn cứ ở Nhật Bản nhưng nếu cho máy bay đi sẽ không đủ nhiên liệu để trở về.

Tại Nam Cao Ly, Hoa Kỳ cũng

có hai căn cứ không quân tại Osan và Kunsan nhưng các máy bay ở đây lại quá cẩn thận đều mang sẵn bom nguyên tử hay trang bị để chở bom nguyên tử, nếu cần dùng vào việc tấn công các mục tiêu gần thì phải mất vài giờ để chuẩn bị lại.

Hải quân cũng chẳng làm gì được hơn. Hàng không mẫu hạm Enterprise đang ở căn cứ Sasedo (Nhật bản) cách xa nơi xảy ra vụ uy hiếp gần 800 hải lý trong khi đó mấy chiếc tàu Bắc Cao đang lôi cò chiếc Pueblo về Wonsan chỉ mất chừng hai tiếng đồng hồ là về tới bến.

Các tư lệnh không quân, hải quân đều lúng túng, tìm Tổng tư lệnh quân lực Hoa-kỳ tại Thái bình Dương là đô đốc Sharp đề xin huấn-thị thì Sharp lại đang ở giới hạn cực Tây của Thái-bình Dương: Sharp đang thảo luận với Westmoreland ở Đà Nẵng về tình hình chiến sự Việt Nam. Khi Sharp trở về mẫu hạm Kittyhawk mới nhận được tin chiếc Pueblo thì lúc đó đã là 3 giờ 15 phút sau khi xảy ra chuyện rắc rối.

Cho rằng Hoa kỳ có sẵn ngay dưới tay những lực lượng trả đũa thì việc phản công các tàu Bắc Cao cũng là một hành động quan trọng có thể đưa tới những hậu quả khó lường cần phải có sự chấp thuận của Tổng Thống Johnson. Giờ Hoa-thịnh-Đốn lại cách giờ Cao Ly 14 tiếng nên khi phụ tá an-ninh Rostow biết tin thì đang là 2 giờ đêm và Tổng thống Johnson đang mơ màng giấc điệp Rostow cảm thấy việc này rất hệ trọng và tới đánh thức Tổng thống ngay. Ông Johnson trong lúc ngái ngủ cũng chẳng tìm ra biện pháp gì và có lẽ cho rằng các tàu Bắc Cao chỉ quấy nhiễu

chơi đầu dám ăn thua đủ với hải quân Hoa-kỳ nên ông ta trở lại giường chờ sáng. Nhưng khi mặt trời trở lại Hoa-thịnh-Đốn thì ở bên này các sĩ quan của tàu Pueblo đã được Bộ trưởng quốc phòng Bắc Cao, Kim Chang Bong đưa lên máy bay chở về Bình Nhưỡng mất rồi.

Thế là Tổng-thống Johnson, cũng chỉ còn biết nhắc lại một cách máy móc một số biện pháp thường lệ của những thời kỳ gay gắt: triệu tập Hội-đồng An-ninh quốc-gia, gặp các lãnh tụ lưỡng đảng tại quốc-hội, kêu nhập ngũ 15000 binh lính trừ bị...

Nhưng dậm dola thế chơi chứ chẳng lẽ lại tuyên chiến. Bắc và Nam Cao ly đình chiến một cách khập khễnh 15 năm nay nhưng vẫn luôn có chuyện ở vùng phi quân sự, đâu có thể vì chuyện Pueblo mà thúi lại ngọn lửa chiến tranh. Thứ nhất là Hoa Kỳ còn đang kẹt chân ở Việt Nam, đâu có dễ dàng gì mà mở thêm một mặt trận thứ hai ở Thái bình dương.

Chỉ còn cách thương nghị là nghe ra ổn nhất. Hoa Kỳ bèn ra lệnh cho Đại sứ của mình ở Mạc Tư Khoa, Llewellyn Thompson nhờ điện Cầm Linh can thiệp với Bình Nhưỡng để yêu cầu thả đoàn thủy thủ của tàu Pueblo. Nhưng Nga Sô đã từ chối. Lý do chính thức được đưa ra là Hoa Kỳ đã vi phạm hải phận Bắc Cao Ly nên Nga Sô không thể làm chi được hết. Thực ra Nga Sô đã muốn đối xử hết sức cần trọng với Bắc Cao: Gần đây Bắc Cao thường tỏ ra độc lập với Trung Cộng trong nhiều vấn đề quốc tế. Nga Sô không mong gì hơn là thái độ đó của Bắc Cao được duy trì, nên không

dại gì mà đứng ra làm trung gian giữa Hoa Thịnh Đốn và Bình Nhưỡng để cho Trung Cộng được dịp la lối là Nga đang bắt tay với đế quốc Mỹ.

Không nhờ được sự dàn xếp của Nga Sô, Hoa Kỳ đã phải trực tiếp nói chuyện với Bắc Cao tại Bàn Môn Điểm. Tướng Pak Chung Kuk trưởng phái đoàn Bắc Cao đã nhân dịp này mại sát Hoa Kỳ bằng những lời hoa mỹ chỉ có trong văn chương cộng sản. Pak đã nói với Đô Đốc Smith, trưởng phái đoàn Hoa Kỳ:

— « Nếu ông muốn tránh số phận của Kennedy bây giờ đã là một thầy ma rữa thối hay số phận của Johnson hiện còn là một ti ây ma vẫn sống, thì ông đừng tìm cách chối quanh. Tất cả những công việc ông phải làm là chính thức thú nhận những hành động khiêu khích và xâm lăng của phía các ông, đứng ra xin lỗi về những hành động đó, và cam kết từ nay không bao giờ tái diễn các trọng tội đó ».

Và như đề cho phái đoàn Mỹ mất tinh thần, đại phát thanh Bắc Cao suốt ngày rĩ rả những lời « thú tội » của thuyền trưởng Bucher đại loại như sau:

« Bọn CIA đã hứa thưởng cho tôi và cho các thủy thủ một số đô la khổng lồ khi làm xong công việc. Tội của tôi và của những người dưới quyền tôi thật là ghê tởm và không bao giờ rửa sạch ».

Ngũ giác Đài thì cho rằng một người Mỹ có ăn học không bao giờ viết những câu ngây ngô như vậy trong khi đó ở San Diego vợ Bucher theo dõi buổi phát thanh đã khẳng định « không phải tiếng chồng tôi ».

Ngoài ra còn có cả một chiến dịch viết thư của các thủy thủ tàu Pueblo gửi về Mỹ. Mẹ của Robert Harrsi ở

Mossachusetts một hôm đã nhận được thư con như sau :

« Mẹ đừng lo cho con. Con được nhân dân Cao Ly đối đãi rất tử tế. Tối nay mới có thư con vì chiếc Pueblo bị bắt quả tang đang do thám trên lãnh hải Cộng Hòa nhân dân Cao Ly. Ở đây tội do thám bị xử tử hình. Chỉ có một cách là con có thể về nhà gặp mẹ được đó là chánh phủ Hoa kỳ thú nhận hành động do thám, xin lỗi họ và cam kết không tái phạm nữa. Không làm vậy thì bọn con sẽ bị đưa ra hành quyết hết. Con thương mẹ lắm và đến bây giờ lớn như thế này nhiều lúc nghĩ đến mẹ con vẫn bật khóc oà lên như khi còn nhỏ. »

Thế là mẹ của Robert, vợ của Davis, con của John, tình nhân của Stanley làm đủ mọi cách đề đòi hỏi báo chí, quốc hội, chánh-phủ cứu mạng sống thân nhân của họ.

Trước áp lực của những lý do nhân đạo đó lẽ tất nhiên chính phủ Hoa kỳ không còn thể khăng khăng bảo vệ lập trường của mình và các cuộc tiếp xúc ở Bàn Môn Điểm chỉ còn là đề đi tìm một hình thức nào khả dĩ chuyên chở n' i cái nội dung do Bắc Cao đưa ra. Ở điểm này Hoa Kỳ đã tỏ ra giàu óc tưởng tượng và đã sáng chế ra được một thủ tục chưa bao giờ từng gặp trong lịch sử ngoại giao quốc tế.

Thủ tục này gồm 3 màn rất có lớp lang.

Màn thứ nhất : Tướng Gilbert Woodward đại diện cho chánh phủ Hoa Kỳ trình trọng tuyên bố : « Chánh phủ mà tôi thay mặt hoàn toàn bác bỏ nội dung bản văn mà tôi sắp ký ».

Màn thứ hai : Tướng Woodward hạ

bút ký bản văn thú nhận tội lỗi của Hoa Kỳ đã thực hiện những công tác do thám trong hải lãnh Bắc Cao.

Màn thứ ba : Tướng Woodward với vẻ mặt trịnh trọng hơn ở màn thứ nhất tuyên bố : « việc tôi ký bản văn này không có thay đổi gì các sự kiện đã xảy ra : Tàu Pueblo và thủy thủ đoàn đã bị bắt giữ trái phép và Hoa-Kỳ không có ý định nhận lỗi hay xin lỗi về những việc mà Hoa-kỳ không làm ».

Tấn kịch trên đây làm chúng ta nhớ lại một cuốn phim trong đó vua hề Charlie Chaplin có nuôi một đứa trẻ cầu vơ cầu vắt. Được quan tòa hỏi :

— « Anh có phải là cha đứa trẻ này không ? » Charlie Chaplin đã trả lời :

— « Tôi là cha nó mà không phải là cha nó, mặc dầu tôi là cha nó » (Je le suis, sans l'être, tout en l'étant) Hoa kỳ bây giờ cũng có thể bắt chước vua hề Charlot mà tuyên bố :

« Tôi không do thám mà tôi thú nhận đã do thám mặc dầu tôi không do thám ».

Điều lạ nhất là Hoa kỳ có vẻ bằng lòng với sáng kiến của mình lắm. Ngoại trưởng Dean Rusk khi loan báo trên đài truyền hình tin 82 thủy thủ đã được Bắc Cao trao trả tự do sau lễ ký kết thỏa ước đã kết luận : « Bề ngoài thì có vẻ mâu thuẫn nhưng lập trường chúng ta trước sau như một. Điểm chính là các con em chúng ta đã được trả tự do. Chúng ta đã ký kết vì những lý do nhân đạo. Bản văn kia chỉ là hình thức xuông, đâu có giá trị gì ».

Thượng nghị sĩ George Aiken trong Ủy-ban Ngoại giao lại còn đi xa hơn.

Ông ta cho rằng Bắc Cao đã thực sự trở nên lỗ bịch khi bị Hoa kỳ nhận ký một văn kiện như vậy.

Và trong sự tương bưng của Lễ Giáng sinh với 82 đứa con thân yêu trở về với gia đình, dân Hoa kỳ chẳng còn mấy ai muốn nhớ đến chuyện Pueblo.

Nhưng chúng ta dân nhược tiểu đang chống Cộng đứng ở ngoài nhìn vào, chúng ta thấy thái độ « thoải mái » của Hoa-kỳ trong việc kết-thúc vụ Pueblo mà chúng ta không khỏi ngại ngùng.

Đành rằng Hoa-kỳ mạnh, Hoa kỳ khỏe nên Hoa kỳ coi việc Bắc Cao đá séo một cái chẳng thấm thía vào đâu Hoa kỳ cao, Hoa kỳ lớn, Bắc Cao có kiểng chân lên tát cũng chẳng tới mặt Hoa kỳ nên Hoa kỳ chẳng phải băn khoăn về vấn đề thể diện. Hoa kỳ nói không rồi ký có, thì Bắc Cao dẫu có nắm mảnh giấy có cũng chỉ là cầm không. Trong khi đó Hoa kỳ lại nắm chắc được 82 thủy thủ trở về, thì Hoa kỳ vẫn lợi, có gì đâu mà phải quá bận tâm về thủ tục.

Còn chúng ta lại khác. Chúng ta nghèo chúng ta yếu nên chúng ta càng phải giữ thể diện. Đời đã chẳng còn gì bỏ nốt cả thể diện thì sống bằng chi. Cho nên chúng ta không thể buông xuôi một số nguyên tắc, đành rằng như vậy đôi khi không thực tế.

Trong vụ Pueblo chúng ta không thể nào không liên tưởng đến vấn đề Việt-Nam. Trước hết chúng ta phải đặt câu hỏi xem có phải chẳng là một sự tình cờ khi ở đầu kia xảy ra vụ Pueblo thì ở đầu này Việt cộng tấn công trong dịp Tết Mậu Thân, và khi ở đầu kia thả 82 thủy thủ Mỹ thì ở đầu này Mặt trận

giải phóng cũng gặp đại diện Hoa-kỳ bên sông Vàm cỏ Đông đề bàn việc thả tù binh ?

Mỗi việc xảy ra ở một nơi mà sự thực ăn nhập với nhau một cách lạ lùng. Nếu không có những biến cố đầu năm ở Việt Nam thì sự phản ứng của Hoa-kỳ tại ngoài khơi Bắc Cao đâu có mềm xèo như vậy. Chính vì biết chắc dư luận Hoa kỳ không bao giờ tán thành việc trừng phạt Bắc Cao, dẫn thân vào một cuộc phiêu lưu mới khi chiến trường Việt-Nam còn ở thế lưỡng co nên Bắc Cao mới dám làm mạnh mà không sợ bị trả đũa. Đến việc thả tù binh ở Bắc Cao thì rõ ràng là đề hỗ trợ cho cuộc thương thuyết của Việt Cộng, nó chứng tỏ « thiện chí » của phe Cộng sản sẵn sàng đi tới những giải pháp ôn hòa. Tiếp theo vụ Pueblo Việt cộng ở miền Nam đã vừa thả 3 tù binh Hoa kỳ. Và Trần Bửu Kiếm ở Ba Lê tuyên bố sẽ còn thả thêm một số tù binh nữa.

Có ai nhin không lãnh tù binh không nhĩ ? Và chánh phủ Việt Nam có thể nào ngăn không cho họ gặp nhau vì một lý do nhân đạo, khi bao nhiêu thanh niên Hoa kỳ đã ngã gục trên đất này không nhĩ ? Thế là dù biết trên thực tế mỗi lần gặp gỡ là một lần « không công nhận mà công nhận tuy rằng không công nhận » Mặt trận giải phóng, Hoa kỳ cũng vẫn phải đi gặp như thường.

Trong khi đó bên kia còn giữ khoảng 900 tù binh Hoa kỳ, mỗi bận thả 3 người thì còn biết bao nhiêu lần đàm đạo. Thế là hết sông Vàm cỏ Đông có thể đến kinh Vĩnh Tế, rồi đến núi Bà Đen cho đến một ngày nào đó Việt Cộng có thể bảo Hoa Kỳ : « lần

này tôi thả nhiều, tôi trả hẳn 100 tù binh. Nhưng thả nhiều thế thì cũng cần có một thủ tục gì ».

Thủ tục thì đã có sẵn tiền lệ Pueblo.

Chúng ta thử tượng võ kịch 3 màn ở Bàn môn Diêm lại tái diễn ở đây.

Màn 1 Đại diện Hoa Kỳ long trọng tuyên bố : « Lập trường bất di bất dịch của chánh phủ mà tôi thay mặt là không bao giờ công nhận Mặt trận Giải phóng miền Nam. Văn kiện mà tôi sắp ký đây chỉ để trả tự do cho 100 chiến sĩ Hoa Kỳ ».

Màn 2 Đại diện Hoa Kỳ đặt bút ký văn kiện do MTGP đánh máy sẵn và ghi đại khái như sau : « Hoa Kỳ thừa nhận MTGP như là đại diện chân chính của nhân dân miền Nam ».

Màn 3 Đại diện Hoa Kỳ bỏ bút xuống, tuyên bố trịnh trọng hơn ở màn 1 :

« Chánh phủ mà tôi đại diện hoàn toàn bác bỏ nội dung bản văn mà tôi

vừa ký. Đó là một văn kiện vô giá trị »

Nói xong gơ tay chào rồi dắt 100 tù binh được thả ra về.

Đã đành rằng võ kịch cuồng phong trên đây chỉ là đề nhái chơi. Hoa-kỳ cũng thừa hiểu ở Bắc Cao cũng như ở Việt Nam, Cộng sản chỉ dùng tù binh để câu Hoa Kỳ vào tròng. Một nước khác, nhỏ yếu hơn Hoa Kỳ, gặp phải Cộng Sản dữ dội như vậy, chắc hẳn sẽ lo giữ miếng thủ thân. Khờ một nỗi Hoa Kỳ lại là một nước khỏe. Và dù biết là tròng, Hoa Kỳ tin ở sức mạnh của mình, và nóng ruột trước sự trêu chọc của đối phương Hoa Kỳ vẫn có thể tặc lưỡi một cái :

« Tròng thì mặc tròng, ông cứ bước vào xem đã làm sao chưa ! »

Và ông cứ bước vào...

VŨ BẢO

Sách mới xuất bản

- | | |
|----------------------------|---------------|
| — LỐI THOÁT CUỐI CÙNG | V. Gheorghiu |
| — BUÔNG XẢ (tư duy về Zen) | Hubert Benoit |
| — ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA | Nhất Hạnh |
| — SÂM THƯƠNG | Liên Chi |

Nhà xuất bản Lá Bối
120 Nguyễn Lâm Cholon

Sau cuộc chọn lựa

Sau năm năm vắng mặt, lần này trở lại Sài Gòn bà Luzanne Labin nhận thấy các thư quán ít sách chống cộng hơn trước, trong một khung cảnh chiến tranh chống cộng ác liệt hơn trước. (1)

Thư sách bà nói có lẽ chỉ là sách ngoại ngữ. Nếu có ai đề ý rằng ngay cả trong văn học Việt nam, các tác phẩm chống cộng cũng dần dần thưa thớt đi, tất thấy hiện tượng có ý nghĩa quan trọng. Thái độ chúng ta đã thay đổi đối với vấn đề chủ yếu của cuộc sống quốc gia rồi sao ?

Đối với nhiều dân tộc khác, cộng sản là một chủ thuyết trong các chủ thuyết, là một chế độ trong các chế độ, có thể chú tâm nghiên cứu mà cũng có thể không gây nên băn khoăn thắc mắc gì. Nhưng đối với Việt nam : việc phân chia đất nước, việc giết hại nhau, số phận của dân tộc, tương lai của xứ sở v.v... những vấn đề lớn của cuộc sống đều do ở chỗ chấp nhận hay không chấp nhận cộng sản. Khi người Việt nam đã trở nên hững hờ với chuyện cộng sản, thì tình trạng nước nhà hóa thành phi lý. Không còn điểm bất đồng ấy, không thể giải thích việc duy trì hai nước Việt nam thù nghịch nhau.

Sự thực, đã có chẳng một dấu hiệu hững hờ như thế tại miền Nam ? Sự hững hờ trong tâm lý, tư tưởng, làm sao có thể đi đôi với những hành động ác liệt ngoài mặt trận ?

oOo

Không kể các bộ môn biên khảo ; riêng trong phạm vi văn nghệ sáng tác, hạng quần chúng độc giả chỉ đọc thơ, kịch, truyện.v.v... sẽ có cảm tưởng từ năm ba năm nay quả thực vấn đề Cộng sản ít được đề cập tới.

Điềm qua những cuốn có nhiều người đọc gần đây, không thấy cuốn nào nói về cộng sản. *Vòng tay học trò* chẳng ? *Mèo đêm* chẳng ? *Đêm nghe tiếng đại bác*, *Ngoài đêm*, *Đêm tóc rối* chẳng ? Trong tất cả những truyện ấy gần như không có gì trực tiếp dính líu tới Cộng sản.

Không dính líu tới cộng sản không phải là không dính líu tới thời cuộc.

Thật ra, phần lớn các tác phẩm bây giờ đều nói tới chiến tranh và hậu quả của chiến tranh : chết chóc ngoài mặt trận, thảm cảnh trong các gia đình, sự sa đọa ở thành phố, nổi hoang mang lo lắng của thanh niên.v.v. Dĩ nhiên, có cả sự ai oán hận thù hướng về những kẻ bên kia chiến tuyến nữa, những kẻ gây ra cái chết của người tình, người chồng, người con thân yêu. Nhưng đó không phải là tình cảm chống cộng.

Cộng sản hay không cộng sản, kẻ đem

(1) Trả lời một cuộc phỏng vấn của nhật báo CHÍNH LUẬN.

quân đến đánh ta là địch thù. Trong tác phẩm văn nghệ gần đây chỉ có lời nguyên rủa chiến tranh, và có khi nguyên rủa địch thù ; ngoài ra không có những nghi ngại, kích bác đối với chủ thuyết của đối phương. Đối phương có thể bị công kích vì cuộc chiến tranh họ gây ra, chứ không phải vì quan niệm chính trị của họ.

Một cuốn sách như *Bão thời đại* in lúc này vừa ra đời liền có nhiều tiếng xuýt xoa tiếc là quá chậm trễ. Cái thời đại của trận bão ấy qua rồi ; bão ấy thành ra bão rớt, nó bơ vơ.

Như thế, chúng ta sống một tình thế oái oăm. Sự thù ghét đối với chế độ Cộng sản đang ngời ngoai, nó ngời ngoai trong lúc chiến cuộc chống Cộng dần dần leo thang. Tính chung đôi bên, Nam Bắc Việt nam thiệt mất ngót triệu binh sĩ, không kể những tổn thất thương vong về phía thường dân ; vậy mà nguyên do gây ra sự mất mát lớn lao, nguyên do ấy lại hình như không còn được vị trí quan trọng mấy trong tâm trí lớp người trẻ hiện nay, lớp người gánh chịu phần thiệt thòi nặng nhất của chiến tranh.

oOo

Ấy không phải là chuyện đáng lấy làm lạ, là chuyện bất thường. Cái bất thường chính là khuynh hướng chống cộng của các tác phẩm văn nghệ sau 1954, là tâm trạng chống cộng của lớp người hồi ấy. Trước đó và sau đó, không có chống cộng.

Vả lại tại sao có được một tâm lý chống cộng nhỉ ? Người ta có thể hoặc theo cộng sản hoặc không theo cộng sản, cũng như có thể hoặc tin đạo hoặc không tin đạo, có thể hoặc ham thích tranh lập thể hoặc không ham thích tranh lập thể ; chứ còn chống ghét, tại sao phải chống ghét ? Đọc

sách cộng sản, thấy chủ thuyết của nó trái ý mình mà ghét ư ? Ở đời không mấy khi có cái ghét ấy ; nếu có cái ghét ấy, không mấy khi mạnh mẽ. Sử sách thiên kinh vạn quyền, tư tưởng của thiên hạ mà ta gặp hàng ngày trăm lần chắc gì đã hoàn toàn hợp ý được mười lần ; những chỗ không hợp ý đều giận đều ghét cả sao ? đều quyết sống mái với nó cả sao ?

Gặp tư tưởng hoàn toàn sai quấy cả, chưa chắc đã đến nổi thù hận, huống chi trong học thuyết mác xít có bao nhiêu chỗ hay đúng, bao nhiêu đóng góp quan trọng vào triết học hiện đại không thể không biết đến, huống chi mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản là đạt tới một xã hội công bình không có cảnh người bóc lột người. Có gì đáng căm giận trong ấy ?

Bởi vậy thiết tưởng không ai vì tìm hiểu, nghiên cứu cộng sản trong sách, trong trường, mà đâm ra chống cộng. Nghiên cứu như vậy chỉ có hoặc thích thì theo, hoặc không thích thì bỏ, thế thôi. Còn tâm lý chống cộng, nó phải phát sinh trong một hoàn cảnh khác.

Người ta chống cộng cũng như chống phong kiến, chống tư bản, không phải do một nhận định từ sách vở. Khổng giáo là lý thuyết của phong kiến, nó biện minh cho trật tự phong kiến, nó củng cố quyền uy phong kiến ; nhưng có ai đọc ngũ kinh tứ thư mà phát giác ra cái xấu xa tồi tệ của phong kiến, đâm thù ghét phong kiến, rồi làm cách mạng phản phong ? Cái dở nhất của phong kiến có ở đâu trong kinh trong thư ? Trái lại, quan niệm nhân nghĩa cùng giấc mơ đại đồng của Khổng tử đáng yêu chứ. Khi đức vạn thế sư biểu suy cứu các

nguyên tắc đạo lý, mơ tưởng cuộc sống tương lai, người chỉ nghĩ đến điều tốt lành êm đẹp. Thực bụng người vốn vậy. Cái dở của phong kiến tự nó dần dà nảy sinh ra trong xã hội, ngoài sự tiên kiến dự liệu của thánh nhân. Cho nên thù ghét phong kiến chẳng ấy là hạng người đã từng sống trong xã hội phong kiến: chịu sự áp bức của cường hào ác bá, của tham quan ô lại, thấm thía cái đau đớn của phận lẽ mọn, của cảnh chiếc én ba nghìn héo mòn trong tiêu phòng, trái tai gai mắt vì những thành kiến đạo đức giả dối v.v...

Cũng như thế, tư tưởng của Montesquieu, Voltaire, của Mirabeau, Robespierre, vạch hướng cho dân chủ; còn xã hội tư bản mà cứ dần dà chồng chất đầy nhầy bắt công hủ bại, cái đó các lý thuyết gia xưa kia đâu có ngờ đến. Cái xấu cái sai nó chỉ lần hồi thành hình trong thực tại.

Khi một chủ thuyết mới ra đời, nó ra đời để chống lại một hoàn cảnh tệ hại, mở ra một viễn ảnh tốt đẹp cho tương lai. Phải chờ đến lúc chủ thuyết được đem ra thi hành, được chuyển vào thực tại, rồi sống trong thực tại ấy mới thấy được hết các chỗ khiếm khuyết. Và chỉ là những khiếm khuyết của thực tại, vị tất đã đổ lỗi được cả cho lý thuyết. Điều tai hại là dường như xưa nay không có lý thuyết nào đem ứng dụng mà không bị thực tế biến dạng đi: những dự định ban đầu chưa bao giờ thành hình đúng như dự định *« Các kế hoạch hoàn hảo nhất của chuột và của người thường khi không thực hiện được »*. (1) Kề ra cảnh đáng buồn ấy chưa chắc chỉ xảy đến cho chuột và người; ngay đến Thiên Chúa, khi Người tày máy bày ra muôn vật ở thế

gian, hẳn ý định Người đâu phải là đưa đến một thể hệ trẻ thơ OK Salem, đến những nút bấm phóng bom nguyên tử?

Bởi vậy đến một xứ không cộng sản mà hỏi: *« Tại sao ở đây các ông chống cộng yếu thế? »*, thì quả vô nghĩa. Cũng như đến một xứ không có vua chúa mà trách dân chúng kém tinh thần phản phong, đến giữa một bộ lạc bán khai mà trách dân chúng chưa giác ngộ vì thiếu cảm thù tư bản. Ở miền Nam Việt Nam không có chế độ cộng sản, lẽ ra ai nấy không có gì để oán hận chống báng chế độ ấy. Trừ phi lớp người gây ra phong trào văn nghệ sau năm 1954.

oOo

Và như vậy là bởi vì lớp người ấy đến với miền nam chứ không phải ở tại miền nam, đối với miền nam là khách chứ không là chủ, tới sống ở miền nam mà mang nơi mình cái kinh nghiệm sống từ một hoàn cảnh khác, cái tâm trạng bất bình đối với một chế độ ở nơi khác.

Khi Nguyễn mạnh Côn *« đem tâm tình viết lịch sử »* anh chỉ đem cái tâm tình của một số người như anh, không phải của tất cả. Chắc chắn bấy giờ lắm người xung quanh đọc anh mà không tránh khỏi ít nhiều ngỡ ngàng, để thử tìm hiểu cái tâm tình ấy vì tò mò. Ngay trong giới viết văn của anh, sự cách biệt cũng bày ra rõ ràng. Tôi đoán chừng những nhà văn như Nguyễn Hiến - Lê, Đông - Hồ, Bình - Nguyên - Lộc v.v... không tìm thấy nơi tâm tình mình có gì giống với Nguyễn mạnh Côn. Ít ra, trước sau chưa hề thấy có ai trong

(1) Thơ của Robert Burns (dịch).

các vị ấy viết cái gì tương tự như những điều anh viết.

Trước 1954, chính phủ Sài Gòn cũng đánh nhau với một lực lượng do cộng sản cầm đầu, có hồi việc đánh nhau ấy cũng tự mệnh danh là chiến tranh chống cộng, tuy nhiên trong văn học không có dấu vết một tâm lý chống cộng nào. Chẳng có thơ, có truyện nào chống cộng cả. Giới xuất bản in lại các sách tiền chiến, in cả tác phẩm của những kẻ ở bên kia chiến tuyến, các tác giả hoặc viết những điều không dính dáng đến thời cuộc, hoặc viết sách phổ thông kiến thức, sách dạy làm người. Các tác giả ấy gồm những người hoặc thủy chung vẫn ở luôn trong thành, hoặc có đi tản cư ít lâu nhưng trở về thành quá sớm. Những người ấy không gặp cộng sản bao giờ, không có cảm tưởng về cộng sản, nhất là không trải qua mâu thuẫn xung đột nào với cộng sản. Chính quyền kháng chiến chỉ dần dần thi hành chính sách cộng sản sau 1950, và cũng chỉ thi hành từ ngoài Bắc vào đến liên khu 5 mà thôi. Cho nên kẻ làm văn nghệ ở Sài Gòn lúc ấy không vì lẽ gì mà chống cộng cả; huống hồ chống cộng lại là chuyện hô hào hàng ngày của một chính quyền bê bối, dưới quyền sai khiến của ngoại nhân, văn nghệ sĩ do đó càng không muốn dây đến chuyện chống cộng.

Nhưng sau 1954, thì một lớp người khác chạy vào Sài Gòn, và nhất loạt hồi hã kêu gọi chống cộng. Lớp người này không hẳn đồng nhau về tuổi tác, họ chỉ cùng nhau một hoàn cảnh, giống nhau về kinh nghiệm chính trị. Và Nguyễn Mạnh Côn, Doãn quốc Sỹ, Thanh tâm Tuyền, cũng như Nguyễn Hoạt, Đinh Hùng, Vũ khắc Khoan, Đái đức Tuấn, cũng như Mai Thảo, Chu Tử, Phạm Việt Tuyền v.v.

tất cả họ đều gặp nhau ở điểm chống cộng. Giữa họ có nhiều bất đồng về quan niệm sáng tác, về kỹ thuật v.v... nhưng đại khái không có dị biệt về quan điểm chính trị. Dù là ở nhóm *Sáng tạo* hay nhóm *Quan điểm*, nhóm *Tự do* hay *Hiện đại*, dù viết và in riêng rẽ không phe nhóm nào, họ đều đồng thanh tố cáo chế độ cộng sản. Họ hoạt động hăng hái mạnh mẽ, lôi cuốn quần chúng, gây thành phong trào. Chống cộng trở nên đặc trưng của một lớp người ấy, của một thời kỳ văn học ấy,

Thế rồi hơn mười năm trôi qua. Lớp người kể trên vẫn còn hoạt động nhưng bên cạnh họ một lớp khác đã trưởng thành. Hai lớp chỉ cần hơn kém nhau chừng mười tuổi là đã khác hẳn nhau. Lớp sau này gồm hoặc những người lớn lên ở các đô thị, học hành ở các đô thị Việt nam rồi du học Âu Mỹ, trong thời kháng chiến họ chưa đến tuổi và cũng không có cơ hội tiếp xúc với chế độ cộng sản, hoặc những người từng theo phụ huynh sinh sống ở chiến khu bảy tám năm, nhưng thuở ấy họ còn bé, chưa tham gia vào bộ máy chính quyền cộng sản, chưa làm việc bên cạnh cán bộ cộng sản chưa có nhận xét gì về xã hội cộng sản, về chính sách cộng sản, sau hiệp định Genève, họ theo phụ huynh vào Nam mà không tham dự vào quyết định chọn lựa của gia đình. Những người ấy khi lớn lên bắt đầu tiếp xúc với đời, gánh vác trách nhiệm đối với xã hội, thì họ đối đầu với những vấn đề của bên này chứ không phải của bên phía cộng sản. Cho nên sa đọa, hoang mang, chán chường, độc tài gia đình trị, kiếp sống bất trắc trong thời chiến tranh, cảnh đời loạn lạc, tương lai bế tắc v.v... là đề tài của Nguyễn thị Hoàng, Dương

Nghiễn Mậu, Nguyễn thị Thụy Vũ, Nhã Ca, Nguyễn xuân Hoàng v.v... Những cái ấy là đề tài, chứ không phải chống cộng là đề tài.

Đây là lớp người trên hai mươi, xếp xỉ ba mươi tuổi. Họ đang tuổi lính, họ hứng chịu phần lớn các nguy hiểm của chiến tranh. Họ có thể tức giận người lính cộng sản đang bắn vào họ; nhưng họ lại không có gì để tức giận chế độ cộng sản của người lính kia. Câu chuyện cộng sản tốt hay xấu, đáng mê hay đáng ghét, lại phải tìm trong tâm tư của người lính thù bên kia chiến tuyến, chứ không tìm thấy ở bên này. Cũng như tri kỷ của lớp văn nghệ sĩ chống cộng sản 1954 tại miền Nam lại chính là các văn nghệ sĩ miền Bắc trong nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm*, chứ không phải là những bậc đàn anh hay là thế hệ đàn em ngay tại miền Nam này.

oOo

Thành ra lớp người của năm 1954 hóa bơ vơ; bơ vơ với nét tâm lý chống cộng giữa một xã hội không cộng sản, bơ vơ giữa các thế hệ trước họ và thế hệ sau họ. Họ là lớp người của cuộc chọn lựa chỉ xảy ra một lần trong lịch sử. Họ quyết định sự chọn lựa và ý thức sâu xa về quyết định của mình, họ đưa ý thức ấy vào văn chương. Nhưng sau cuộc chọn lựa, trở lại cuộc sống bình thường, bên nào chỉ biết chuyện bên ấy: tâm trạng của họ, tâm trạng mang từ bên kia về bên này, hóa lỗi thời. Không những chỉ có *Bão thời đại* ra đời muộn, mà bộ trường giang tiểu thuyết *Khu rừng lau* của Đoàn Quốc Sỹ cũng không hưởng được sự chú ý xứng đáng với giá trị của nó.

Lớp người xếp xỉ ba mươi bận tâm về những vấn đề trong xã hội mà họ đang sống. Như thế là hợp lý. Bởi vậy nếu họ có chống, họ phải chống nhà nước quốc gia chứ sao lại chống cộng sản? Càng không thể chống cộng bằng văn nghệ. Người ta có thể bình nhật không mấy may đề ý tới đường lối, chủ nghĩa, lập trường nào cả, lúc cần vẫn viết hộ được một bản tuyên ngôn chống cộng nhân danh một đoàn thể chính trị. Nhưng người ta không thể bình nhật không ghét cộng sản mà viết được thơ văn chống cộng. Và lại dù cho đọc sách triết lý, đọc sách chính trị thấy cộng sản là tồi, là sai, là đáng ghét, người ta vẫn không thể đem cái ghét ấy vào tác phẩm văn nghệ được.

Tác phẩm văn nghệ không làm bằng dăm ba ý tưởng trừu tượng. Phải có những sự việc sống động cụ thể, phải có những cảm xúc chân thành và mạnh mẽ. Người văn nghệ trưởng thành trong khung cảnh này, đời sống có những liên hệ thâm thiết với xã hội này, chỉ chứng kiến những khiếm khuyết bất công ở đây, làm sao bỗng đứng lại hướng được sự thù ghét về một đối tượng nào đó tận chỗ xa xôi? Quỉ Xa-tăng tiêu biểu cho cái xấu tốt cùng, nhưng mấy ai bắt gặp nơi mình một cơn giận đối với quỉ Xa tăng sôi nổi như cơn giận đối với một bác phu-lít hay kiếm chuyện phạt vạ? Hàng ngày, người công dân sống trong miền quốc gia có thể càng yêu miền quốc gia càng giận tràn hông vì những khuyết điểm của những cán bộ tham nhũng, của chế độ kiểm duyệt hà khắc, của tình trạng xã hội bất công v.v...

Cũng như một giáo dân có thể vì lòng mến đạo mà trông thấy rõ mồn

một những khuyết điểm của giáo hữu và giáo hội : nào là đức tin người công giáo bình dân Việt Nam không dựa trên suy luận không hướng vào nội tâm, mà có tính cách cuồng tín trung cổ, dựa trên những biểu lộ bề ngoài ; nào là người công giáo bình dân hẹp hòi, không bao dung, muốn tiêu diệt kẻ ngoại đạo ; nào là tài sản giáo hội thủ đắc bất chính và quản trị mờ ám v.v... Giáo hữu là ông này ông nọ, linh mục X, giám mục Y, là những nhân vật rõ rệt. Trái lại nhìn về phía bên kia, giáo dân ấy chỉ thấy "người cộng sản" : người cộng sản tuyên bố thế này, chủ trương thế kia v.v... Những tuyên bố chủ trương ấy trích dẫn của Mác, của Lê-nin, của Hồ Chí Minh, Trường Chinh. Thành ra "người cộng sản" ấy là một nhân vật trừu tượng, mà thái độ là tổng hợp thái độ của những phần tử xuất sắc nhất bên phía họ, trong khi giáo hữu lại là những con người cụ thể với những thiếu sót tất nhiên khi bị nhìn gần.

Trái lại, công việc nhìn gần dễ không chỉ thấy "người cộng sản" mà là những người cộng sản, trong đó hạng hẹp hòi, cuồng tín không thiếu chút nào, thấy những người cộng sản này lừa gạt, nhồi sọ những người cộng sản kia, dễ thấy có những người cộng sản mãi đến khi hy sinh "vì chủ nghĩa" vẫn chưa hề hiểu thắng dư giá-trị là cái gì, duy - vật biện-chứng là cái gì, mà lại được dạy cho biết rằng xe tăng Mỹ làm bằng giấy bồi, rằng trực thăng Mỹ chỉ có cái sườn vì bay vội không kịp hoàn tất, dễ thấy những lạm dụng trong việc quản trị tài sản nhà nước và đảng v.v... dễ bức mình, căm giận, thì đó lại là công việc của những ai ở trong lòng xã hội cộng sản.

Sihanouk đã thờ lộ với K. S. Karol,

rồi K. S. Karol kể lại với Chu Ân Lai, và Chu Ân Lai vội vã bảo tả hữu ghi nhớ một kinh nghiệm : tất cả những sinh viên Cam bốt gởi đi du học ở Paris lúc trở về Nam Vang đều thành cộng sản, tất cả những sinh viên gởi đi Mạc-tư-khoa trở về đều chống cộng.

Paris, hay Nữ Uớc, hay Sài Gòn, đều không có điều kiện, không có hoàn cảnh xui khiến người ta chống cộng.

oOo

Ignazio Silone có lần nói với Togliatti : " Cuộc tranh đấu cuối cùng sẽ là cuộc tranh đấu giữa đảng viên cộng sản và những người cộng sản cũ. " Chống cộng, có chăng là những người từ trong hàng ngũ, từ trong xã hội cộng sản ra. Cuộc qua phân đất nước năm 1954 đã cung cấp cho miền Nam Việt Nam một số người như thế. Nhưng năm 1954 lùi xa dần về dĩ vãng. Miền Nam Việt nam sẽ tiếp tục con đường chống cộng của mình ra sao đây ?

Ở Tây Đức, thế hệ Willy Brandt chống cộng, nhưng thế hệ của con trai ông ta lại nổi dậy với những thần tượng mang tên là Mao Trạch Đông, Guevara... Năm 1956, đảng Cộng sản Tây Đức bị giải tán vì lý do phản hiến, nhưng cuối tháng 9 năm 1968 lại ra đời đảng Cộng sản Tây Đức ! Trường hợp ấy khiến Đại Hàn, Đài loan và chúng ta ngẫm nghĩ.

Di nhiên quân đội và chính quyền Nam Việt, Nam Hàn, Tây Đức... sẽ mãi mãi chống cộng. Nhưng không phải như là chống lại một chủ nghĩa, mà là chống lại một kẻ thù muốn đè bẹp mình, mà là kháng cự để bảo vệ phần đất đai dân cư thuộc trách nhiệm

minh. Rồi dần dà cả Miền Nam thành một thực tại có thể sẽ nhất trí tự duy trì chống lại Miền Bắc, vẫn như là chống cự trước một xâm lấn hơn là một chủ nghĩa. Như thế cuộc chiến tranh ý thức hệ, chiến tranh lý tưởng, sẽ nặng về quyền lợi hơn là về lý tưởng.

tranh chống cộng cứ còn mãi. Tình trạng nghịch thường ấy có lẽ rồi chỉ có thể so sánh với tình trạng chống đối chí tử giữa những lực lượng cùng nhân danh chủ nghĩa cộng sản cả, như Tàu với Nga, Nga với Nam tư, Nam tư với Albanie v. v.,.

VÕ PHIẾN

Tâm tình chống cộng mất mà đầu

1.69

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Chú thím TÔN THẮT HUỆ, ngày 14-1-1969 làm lễ thành hôn cho cháu TÔN NỮ THANH TÙNG cùng cháu CHÂU HOÀNG LƯƠNG thứ nam Ông bà CHÂU ÂN LAI ở Kiến Hòa. Gia đình chúng tôi kính mừng Chú thím và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Bà TÔN THẮT CHÂU
và các con

AIR SERVICE DENIS FRERES

23, Ngô đức Kế Saigon
Đ. T. 25.875 — 22.618

ĐƯỢC CƠ QUAN IATA CÔNG NHẬN.

Chuyên bán vé : PAN AMERICAN WORLD AIRWAYS INC.
AIR FRANCE, AIR VIET NAM
VÀ TẤT CẢ CÁC CÔNG TY HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ

Tổng đại lý : UNITED STATES LINES
AMERICAN EXPORT ISBRANDTSEN LINES

Chuyên lo các cuộc du - lịch bằng đường hàng - không hoặc đường biển cùng mọi thủ tục xuất ngoại không tính thêm tiền.

Qua những cuộc đàm thoại với một số nhà xuất bản ở thủ đô, thử kiểm điểm :

TÌNH HÌNH XUẤT - BẢN SÁCH

trước và sau biến-cố Tết Mậu-Thân 1968

● NGŨ-BA-LI

Lời thưa trước.— Bài này mà có được, là nhờ anh chủ nhiệm đã quá lo xa : « đặt cọc » tôi từ giữa năm Đinh-Mùi 1967, và nhờ ở một số bạn đọc trung thành với tạp chí này đã bắn khoản vì sao tôi « lạt lẽo » với tờ báo mà mình góp sức « từ cái thuở ban đầu lưu luyến » ấy. Cho nên đầu trí tôi có ở vào cảnh những kẻ vô lâm toan « rửa tay gác kiếm » đi nữa, cho nên đầu lòng tôi có ở vào cảnh những trang nam nhi thời 1940-1944 :

« Người xưa ném bút theo đao cung,

« Cán bút ta nâng luống thẹn thùng... »

đi nữa, tôi thấy mình phải có mặt trong số kỉ niệm 12 năm này. « Mười năm », có một bài thơ ngắn ngắn có vẻ riêng tư, thì « Mười hai năm » — đúng một con giáp—cần có một bài báo dài hơn một chút.

Vậy, sau khi đọc bài này, số bạn-đọc-trung-thành-với-Bách-khoa mà thấu cái duyên do tôi gần như vắng mặt trên hai năm trên tờ tạp chí nhiều tuổi nhất của miền Nam, là tôi nhẹ lòng như trả xong một món nợ tinh thần, còn nói chỉ bạn đọc nhất thời mà lấy làm thích thú...

oOo

Anh Chủ nhiệm cùng tôi đang soát lại tên các nhà xuất bản phải tiếp xúc thì.

CADA0

xuất hiện. Tôi nói Cadao xuất hiện mà không nói Hoài-Khanh, người trông nom nó, vì Cadao với Hoài-Khanh là một. Anh dịch sách hoặc chọn người dịch, rồi lo đi kiểm duyệt, lo công việc

in, rồi giao nhà phát hành, rồi chờ số sách còn lại về tận nhà ở Biên-hòa để cất. Nhà xuất bản nào thì có ít lắm là đôi người phụ giúp, không vợ con thì cũng bạn bè, riêng Cadao thì quả là

nhà xuất bản của một người. Mà một người ốm yếu, tuổi đời vừa đúng 35, mà gương mặt hiền hòa và cặp mắt lơ đãng sau gương cận thị nặng như chứa bao sầu tủi của mấy kiếp người!

— Anh bỏ đời công chức để nuôi gà. Gà có phụ gì anh mà anh lại ôm lấy nghề xuất bản?

Anh cười nhẹ (mà cái gì ở anh cũng nhẹ, từ dáng đi cho đến tiếng cười).

— Nhà văn nào chẳng muốn mình tự lo cho những đứa con mình đẻ hoặc mình nuôi. Thì từ nhà văn đến nhà xuất bản, cách nhau có bao xa. Anh chẳng thấy anh Bình-Nguyên-Lộc trước kia, anh Võ-Phiến sau này.

— Nhưng cần một số vốn khá lớn. Mà anh,...

Tôi bỏ lửng câu chờ anh nói tiếp.

— Mà tôi chưa trúng số độc đắc? Anh muốn nói thế chứ gì? Quả có thể, nhưng tôi trúng một mối làm ăn về đá, nên tôi mở nhà xuất bản để được cái quyền in những sách mình thích.

Tôi nhìn bảng mục lục sách của *Cadao* gần hai năm mà được mười hai quyền, toàn là sách dịch, trừ tập thơ *Lục bát* của anh. Đối với sức một người — sức làm việc cũng như « sức vốn » đều khiêm tốn — như thế cũng có thể kể là một thành tích.

Tôi toan hỏi anh về một danh tác quốc tế dịch ra Việt ngữ do *Cadao* xuất bản, khiến một cây bút phê bình Việt ở hải ngoại nặng lời chỉ trích, rồi chính cây bút trên lại bị một cây bút phê bình ở trong nước « sửa sai » một cách mỉa mai và cay độc, và kết quả: là sách dịch ấy vì đó mà bán chạy. Nhưng nhìn anh ngồi như cổ tình thu nhỏ vóc người vốn

đã ốm o, thấp thỏp, cái sầu của đời nghệ sĩ cộng thêm niềm lo của cái nghiệp một nhà xuất bản không chuyên nghiệp như bao phủ lấy người anh, tôi đành chận đứng lại sự tò mò chánh đáng. Và tôi hỏi anh về cách chọn tác phẩm, Thì tôi được biết:

Chính anh chọn tác phẩm, rồi giao cho những người anh rõ khả năng để nhờ dịch. Được nguyên-văn, càng quý, không thì anh tìm bản dịch tiếng Anh hay tiếng Pháp. Nếu bản dịch ra hai ngoại-ngữ này có nhiều dịch-giả, thì anh chọn dịch-giả nào có uy tín, có thành tích. Sách của *Cadao* in trung bình 2.000 cuốn; có vài quyền in tới 3.000 cuốn.

— Hẳn đó là những sách anh chắc bán chạy?

Anh gật đầu.

— Như quyền *Đời tranh đấu của mục sư Martin Luther King* mà anh đã in lại?

Anh mỉm cười rồi tiếp.

— In lại và có bổ chính.

Tôi cười;

— Thế là nhà xuất bản «bắt» những ai đã mua quyền in lần đầu, cũng phải mua quyền in lần hai, vì có bổ chính!

Anh lại mỉm cười.

— Anh này, anh có thấy lạ không. *Cadao* ra mắt với một dịch phẩm của Hermann Hesse, rồi cuốn mới nhất của *Cadao* cuối năm 68, cuốn thứ 12, lại cũng là một dịch phẩm của Hermann Hesse. Có phải vì anh thích nhất nhà văn và nhà tư tưởng này, tuy óc Nhật-nhĩ-mên mà lòng hướng về Đông-phương?

Anh nhấp nháy mắt:

Tôi thấy cần chọc ông chủ nhà xuất bản ít lời này.

— Tôi không tin rằng anh ra nhà xuất bản để được in những gì anh thích. Con nhà văn, thì ai chẳng cho « văn mình hay nhất ». Anh đã chọn tên nhà xuất bản của anh là *Ca dao*, mà thời hậu chiến, nói đến thơ lục bát, người ta nhắc nhở đến dáng điệu lục bát của Viên-Linh, của Nguyễn-Thị-Hoàng, của Hoài-Khanh, thế mà anh xuất bản « đồ » của thiên hạ đến chín cuốn — mà toàn là « đồ dịch » —, anh mới chịu cho ra tập « *Lục bát* » của anh. Thế nghĩa là thế nào ?

Lần này, câu trả lời không đợi lâu :

— Thế nghĩa là in thơ (đầu là thơ lục bát của Hoài-Khanh, *miệng anh hơi cười mỉm*) thì lỗ vốn.

Tôi bưng bảo dạ : « Khi một nhà thơ làm nhà xuất bản... », rồi hỏi anh :

— Một câu hỏi cuối, rồi để anh đi tặng sách cho các nhà báo và bạn bè khác. Trở ngại lớn nhất, nguyện vọng năm tới, và dự định.

— Trở ngại lớn nhất : việc phát hành, tôi đã nhờ người khác ; nguyện vọng năm tới : tiếng súng im, thì xuất bản mới sống... đời sống mới ; dự định giới thiệu các tác phẩm da đen châu Phi đồng cảnh ngộ với mình.

— Thế còn quyền « Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu » của nhà văn Nam-Phi Patou ?

— Sắp in

— Dịch giả ?

— Nguyễn-Hiến-Lê

NGUYỄN-HIỆN-LÊ



Dấu hiệu nhà
xuất bản
Nguyễn -
Hiến - Lê

Tôi theo lối đi của những người thân lên chỗ anh làm việc : vô nhà bếp, lên thang lầu, rồi gõ cửa. Anh ngẩng đầu lên, để viết xuống. Tôi tự kéo ghế ngồi, đối diện với anh.

— Xin anh từ mười lăm phút đến nửa giờ. Nợ nần cũ với *Bách Khoa*. Đạo này, năm ngoái, đã làm rộn anh, nay xin kết thúc. Hỏi anh vài con số, ít chi tiết. Tôi tóm tắt những gì thu thập được trong cuộc nói chuyện với anh năm rồi.

« Anh chán nghề dạy. Anh quyết sống bằng nghề viết. Anh đặt kế hoạch, chương trình. Mình phải xuất bản sách mình mới sống được. Nhà xuất bản Nguyễn-Hiến-Lê góp mặt với đời. Năm nào, vậy anh ? ».

Anh ngừng vắn thuốc, hơi cau đôi mày :

— Tôi lên Sài-gòn năm 1952, thì chắc là năm 1953-54 gì đó.

— Không được. Đã đến tận đây, mà không biết chắc năm nào nhà Nguyễn-Hiến-Lê ra đời, thì phụ lòng độc giả lắm đó. Anh nhớ lại coi cuốn sách đầu anh tự xuất bản là cuốn nào, rồi anh xem ngày tháng nó in xong.

— Ơ... chắc là quyền « *Bảy ngày trong đồng Tháp-mười* », mà tôi không

chắc. Hay là quyền « *Tự học để thành công* » ? Anh chờ tôi một chút nhé.

Rồi anh đứng lên, tìm ở kệ sách sau lưng.

— Đây rồi. Phải. Cuốn đầu là *Tự học để thành công*, giấy phép cho tháng ba năm 1954.

— Vậy thì tôi có thể mách với bạn đọc rằng nhà xuất bản Nguyễn-Hiến-Lê ra đời giữa năm 1954.

Anh không phản đối, ngồi lại trước bàn làm việc đơn sơ, và tiếp tục vấn thu²c.

— Thế anh đã biết cuốn đầu, còn muốn biết cuốn chót không.

— Có thì phải có chung chớ. Nhưng anh khỏi cần nói.

« Vì tới ngày nay, sang năm 1969, mà anh chỉ có một quyền ra đời trong năm qua : « *Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi* ». Anh dịch của Maurois. Thật là năm kém hoạt động nhất của nhà xuất bản họ Nguyễn tên Hiến-Lê.

Anh cười cười

— Ấy thế, mà đối với tôi, là năm thịnh vượng nhất. Đố anh biết vì sao.

Tôi cũng cười cười, chắc là khó giấu chút tự phụ của người biết khá khá nhiều.

— Và in vừa xong là có người mua hết !

Vì tôi nói liền tên người ấy nữa. Anh gật đầu.

— Tôi trước định ra hai quyền trong năm rồi, nhưng nhà in họ tệ quá, nên quyền thứ nhì còn dở dang.

— Anh nói nhà in họ tệ quá, nghĩa là thợ giỏi, có tuổi (tôi muốn nói có kinh nghiệm và có lương tâm nhà nghề) phải đi đến cái gọi là nợ nước, nên thợ mới, ít tuổi sau này làm vụng,

làm dối, làm ẩu, thành ra « nhà in họ tệ quá » ?

Anh xác nhận.

— Thế thì, tôi có thể nói rằng trở ngại lớn nhất của nhà xuất bản Nguyễn-Hiến-Lê là vấn đề in vậy.

Anh đồng ý. Tôi trở về việc năm 1967.

— Còn nhớ anh có nói với tôi : anh thấy anh già rồi, nên không muốn mệt thêm. Tự xuất bản, thì nếu sách chạy, mình lời được ba, còn giao người ta xuất bản, chỉ lời có một.

Anh ngắt lời tôi.

— Nay, tôi thấy mệt hơn, lại càng muốn khỏi bận rộn. Vì phòng có nhà xuất-bản nào chịu mua hết tác phẩm của tôi, đã in, hay đang soạn với tiền tác quyền từ 15 đến 20 phần trăm, là tôi bán hết.

Đến phiên tôi ngắt lời anh :

— Vậy anh có khi nào trả cho ai tiền 200/0 về tác quyền ?

— Có. Anh Trần-Thúc-Linh.

— Quyền « *Tự do cá nhân* » ?

— Phải. Sau này, vì không muốn mệt thêm, tôi không tái bản, để lại cho Khai-trí.

— Trở lại việc cũ. Sách anh in ít 2.000 cuốn, in trung bình 3.000 cuốn ; in nhiều nhất 5.000 cuốn. Quyền sách dịch chạy nhất là *Đắc nhân tâm*, quyền viết chạy nhất là *Nghệ thuật nói trước công chúng*, kể đó là *Kim-chỉ-nam cho học sinh*. Quyền chậm nhất là *Một niềm tin*. Nay có gì thay đổi không, anh ?

— Vẫn còn đúng. Một chi tiết, cho anh : *Một niềm tin*, trong bốn năm, mới bán được non ngàn cuốn.

Tôi thở dài :

— Trong các sách anh viết tôi cho quyền đó có giá trị nhất. Giá trị ở chỗ

này : với *Đông-kinh nghĩa thực*, anh trả nợ cho người thân và cho Quá khứ, với *Một niềm tin*, anh trả nợ cho tuổi trẻ nước mình và cho Tương lai Dân tộc. Thế mà nó lại cuốn sách ế nhất. Đáng buồn riêng cho anh, mà cũng đáng buồn chung.

Anh cầm điều thuốc, toan đốt, lại thôi.

— Nhưng tôi tin ở những năm tới sẽ dành cho nó một số phận xứng đáng hơn. Từ hai năm nay độc giả bắt đầu đọc những loại sách khó : họ đã chịu đọc là triệu chứng đáng mừng rồi.

Tôi xếp lại giấy tờ, đứng lên. Anh đưa tôi tận thang lầu, điều thuốc vẫn xong còn ở giữa hai ngón tay, chưa đốt.

THỜI MỚI



Võ-Phiến, người chủ trương « Thời-Mới »

Đầy xe ra khỏi cửa, tôi chưa biết về đâu thì lời dặn của người bạn xuất bản vừa già từ khiến tôi lái xe về phía cầu Trương-Minh-Giang. Gặp anh là tôi hỏi liền.

— Anh Lê bảo có đàm thoại với anh thì chớ quên hỏi anh giai thoại nóng hổi về quyền « *Đế-Thiên Đế-Thích* », giúp tôi hiểu thêm một khía cạnh hiện tình xuất bản hiện nay. Anh có giữ làm của riêng để viết tạp bút không ?

Người chủ nhân nhà *Thời mới* không vội mà cũng không vàng gì để trả lời điều tôi nóng biết, mà thân mật rót nước đậu ra tách, mời tôi.

Thôi thì đi đâu mà vội mà vàng, đã gặp anh rồi kể như công việc đã xong phần nửa. Vì ngày nghỉ, anh thường chở chị xuống Sài-gòn, đề dạo phố thì ít mà đề thăm qua các nơi gửi sách bán, coi nơi nào cầm lấy thêm sách — *Thời-mới* sau sáu năm hoạt động đã in được bốn mươi ba cuốn, chia làm ba loại : sáng tác, phiên dịch và biên khảo — thì anh hoặc chị hoặc con, em sẽ đem đến.

— Nhà sách ấy ở Qui-nhơn không có mua sách nơi tôi. Nhưng khi họ nhận hai chục quyền *Đế-Thiên Đế-Thích* gửi lộn đến họ, thì họ cũng bày ra bán, và chỉ mấy hôm là bán hết, làm em gái tôi ngoài đó, tìm khắp thành phố không đâu có, phải nhắn vô xin tôi. Ấy thế, mà họ không buồn gửi thư đề lấy thêm. Anh biết tại sao không ? Sách trước kia đóng vai chánh, nay thì ngay tại các hiệu sách ngoài Trung cũng bán những đồ cho Mi, lời nhiều hơn, nên sách...

— ... ngày nay mất « chủ quyền quốc gia » !

Chúng tôi cùng cười. Rồi anh tiếp :

— Nay mai hết chiến tranh, thì sách khôi phục lại địa vị cũ ; người dân hết lo bom đạn, bớt lo về gạo mắ m thì số độc giả sẽ tăng. Đó là chưa kể một chánh sách Văn hóa hợp lí và thiết thực sau này : như lập ở mỗi xã một thư viện, thì ngành xuất bản « tất thông ».

— Anh không nói, tôi cũng đoán là nhà *Thời-mới* rất mệt về mặt phát hành. Vậy anh có ý kiến gì...

Anh chầm rãi lắc đầu :

— Với hiện tình này, thì chịu. Những nhà xuất bản bán chuyên nghiệp như tôi, ít thì giờ, kém vốn liếng, đành «lãnh đủ» thiệt thòi. Sách không có mặt ở các nơi mà đáng lí nó phải có mặt. Các nhà sách nay thì sống theo điệu « ăn xổi ở thì ». Lúc sách mới ra mua vài chục cuốn bán hết, rồi thôi. Tiền thu được, để mua sách mới khác. Đừng nói chi các tỉnh xa, ở ngay Sài-gòn, sách in hai năm trước, ít được bày bán. Cho nên nhà sách Khai-tí, chỉ nội một việc trữ sách in lâu năm, để ai đến đó tìm mua, cũng có, cũng đủ cho Khai-trí có tiếng và tấp nập khách hàng.

Anh vốn tánh cẩn trọng, lại ngại bề kệt vốn nên sách anh in trung bình 1.500, 2.000 cuốn. In ít nhất là 1.000 cuốn như quyền « *Đế-Thiên Đế-Thích* » của Nguyễn-Hiến-Lê vừa ra, nhiều nhất là 2.500 cuốn, đó là trường hợp quyền *Triết-học hiện sinh* của Trần-Thái-Đĩnh kỷ nhì. Và quyền này cũng là quyền biên khảo chạy nhất; về sách phiên dịch thì có hai quyền, đều do anh dịch : *Hai mươi bốn giờ trong đời người đàn bà* (Stefan Zweig) và *Các trào lưu lớn*

của tư tưởng hiện đại (André Maurois); còn về sách sáng tác, thì là sách của phụ nữ : *Thở dài* của Túy-Hồng và *Mèo đêm* của Nguyễn-thị Thụy-Vũ,

— Còn riêng về sách sáng tác của anh,

— *Thương hoài ngàn năm*.

— Tôi cũng ngờ ngợ. Vì chính tôi được tặng đến hai cuốn, mà cũng còn phải mua thêm một cuốn nữa gửi về miền Trung để tặng cho người khác.

— Anh mà còn ở Qui-nhơn đến nay, thì chắc ngành xuất bản không có tên *Thời-mới*.

— Đúng vậy. Tôi đời vô đây năm 1960, thì cuối năm 1962, *Thời-mới* ra đời với quyền tùy bút *Thư nhà* của tôi. Tôi lúc ấy ở cái cảnh « cùng tất biến ». Khi ng nhà xuất bản nào chịu mua tác phẩm mình, thì mình đánh liều in đôi quyền. Bán được, mới đặc chương trình, kế hoạch sau.

— Thế cái *mới* của anh nhắm cái hướng nào. Vì dấu hiệu *Thời-mới*, khó mà hiểu. Ai vẽ vậy.

— Đinh-Cường. Tôi đề anh ấy toàn quyền « sáng tác » dấu hiệu cho *Thời-mới*. Trở lại câu anh hỏi. Tôi mong giới thiệu những trào lưu tư tưởng và văn học mới của thế giới, cùng những tác phẩm đầu tay của những cây viết nước nhà trẻ tuổi, mà nội dung hoặc hình thức có cái gì (anh mỉm cười : xin mượn chỉ của anh Hồ-Hữu-Tường), có cái gì *sáng giá*.

— Về điểm sau, anh đã đạt phần nào : Túy - Hồng, Thụy - Vũ, Thế - Uyên, Nguyễn-Xuân-Hoàng... À này, *Ngày-mới* đã ra mắt và *Hướng-mới* sắp chào-đời, có bà con gì với *Thời mới* không?

(Xem tiếp trang 107)

Bốn lối kết trong tiểu thuyết

Bốn nhân sinh quan

Ngày nay tiểu thuyết đã nhiều, đủ các loại, đủ các trình độ, thỏa mãn được đủ các thị hiếu, mà lại rẻ quá, cho nên nhà nào trong giới đọc sách cũng có một tủ tiểu thuyết hoặc ít nhất cũng vài ba ngăn đầy tiểu thuyết: tiểu thuyết cho chồng, cho vợ, cho con trai con gái, đứa lớn đứa nhỏ. Và nếu chương trình «Ti vi» không có gì hấp dẫn, thì ông bà, cô cậu mỗi người nằm ngồi mỗi nơi với một ngọn đèn và một tiểu thuyết: Ông thì kiếm hiệp của Kim Dung, bà thì tiểu thuyết của Tòng Long, cô cậu đã lớn thì tiểu thuyết dịch của Françoise Sagan, còn nhỏ thì Tuổi xanh, Tuổi hồng... Món ăn tinh thần ẽ hẽ, không hiếm như thịt, cá.

Nửa thế kỷ trước chúng tôi đâu được sung sướng như vậy. Ngoài mấy cuốn Kiều, Nhị độ mai, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh, Phạm Công Cúc Hoa... chỉ còn có mỗi một loại là truyện Tàu. Thuê được một cuốn truyện Tàu (hai xu ở hiệu Cát Thành, đầu phố hàng Gai) thì phải đọc cho xong (100 trang khổ lớn, chữ cỡ 10 hay 8) trong hai ba ngày và cả nhà, đủ ba thế hệ, xúm lại nghe một người đọc, dưới ngọn đèn ba dây. Người đọc đó luôn luôn là tôi. Sướng mê đi. Được cả nhà cùng:

ngồi chỗ sáng nhất, dĩ nhiên được quần mền nữa, nếu trời lạnh, có bình nước bên cạnh để nhấp giọng và một đĩa lạc rang, đôi khi có cả cam quýt, bánh tai voi nữa. Đọc lớn tiếng luôn hai ba giờ, hết ba bốn chục trang thì phải tầm bở chứ.

Những khi sắp hết truyện thì mặt người nào người nấy cũng nửa hân hoan nửa tiếc rẻ. Tôi ngừng lại, cố làm cho rành rành một lúc mà cũng không ai thúc: Đọc tiếp đi! Tới cái lúc bao nhiêu gút mắt trong truyện được cởi rồi đây, bao nhiêu nỗi khảm kha bất bình được giải rồi đây, điệu nhạc sắp đưa vút lên tưng bừng rồi êm đềm hạ xuống đây, nhưng không ai vội vã. Mọi người biết chắc rằng sắp được hưởng khúc vĩ thanh tuyệt thú đó nên muốn kéo dài phút vui, cũng như cuối một bữa thịnh soạn, sắp tới món tráng miệng, người ta ngừng lại, hút một điếu thuốc đã, và tôi cũng ngừng lại, hợp một ngụm trà, nhai mấy hạt lạc rang, đợi cho gần hết các vị ngọt, béo, thơm trên lưỡi rồi mới đọc tiếp.

Vội vã làm gì? Biết trước là thế nào cũng ban sư hồi trào, thế nào cũng thưởng công phạt tội cho văn võ bá quan, thế nào rồi Tiết Đình San cũng

đẹp duyên với Phan Lê Huê, con cháu đầy đàn trong cảnh non sông thịnh trị, ngôi báu vững vàng...

Cái lối kết đắc thắng khái hoàn, gia đình đoàn tụ, hễ công tử mà lâm nạn thì nhất định sẽ đỗ trạng nguyên, hễ tiểu thư mà tiết nghĩa thì sau thế nào cũng sẽ được phong nhất phẩm phu nhân, phu quý tử vinh... cái lối kết có hậu đó, ngày nay chúng ta chê là sơ đẳng, và tới chương kết, chúng ta không thèm đọc nữa.

Nhưng hồi xưa người ta lại rất thích. Chẳng thắc mắc gì cả.

Đọc tới cái chữ "Chung", gấp truyện lại, mọi người hân hoan đi ngủ ngon lành, để đón một giấc mộng đẹp toàn những cảnh vinh qui bái tể, giai nhân tài tử đạo gót huê viên. Đợi thật sung sướng : Hoàng thiên bắt phụ hảo tâm nhân, có nhảy xuống sông Tiền Đường thì đã có Giác Duyên chờ sẵn để vớt lên; nếu có đui mắt thì đã có thuốc tiên chữa lành, và nếu có bị cọp tha vô hang thì cọp cũng không ăn thịt mà sẽ có người tới cứu ; và nếu bền chí học hành, bắt đom đóm bỏ vào cái vỏ trứng gà (tôi đoán vậy) mà đêm đêm đọc sách thì thế nào trong sách cũng sẽ hiện một nàng "kỳ nhan như ngọc".

Đời như vậy có tuyệt không chứ !

Người ta chê là ngây thơ ? Nhưng tin tưởng nào mà chẳng ngây thơ ? Mà tin tưởng thời nào chẳng là một nhu cầu của con người, kết chặt với bản tính con người ? Trong một xã hội, một thế giới, thời nào cũng như mặt biển, biến động bất thường. phảng lảng đó mà phong ba nổi lên lúc nào không biết, thì lòng tin tưởng như một

cái phao, mặc dầu có khi nó chỉ là đám bọt. Lúc này đây chúng ta đều tin tưởng Nga. Mỹ không mở nắp hồ lô nguyên tử ra, đấu phép với nhau, chẳng phải là ngây thơ tốt mực đấy ư ?

— Nhưng phải nhận rằng kỹ thuật ấy thấp kém chứ ?

— Một kỹ thuật tạo được lòng tin tưởng của hàng triệu người trong biết bao nhiêu thế hệ, làm cho người mơ mộng những cảnh tuyệt đẹp như thăm hoa trong vườn thượng uyển, kẻ vai dưới ánh trăng thu... mà chê là một kỹ thuật thấp kém, điều đó tôi không hiểu nổi !

— Không kém thì là dễ dàng. Trăm truyện như một, bị vây khốn rồi thì đại thắng, khái hoàn, li biệt kẻ Ngô người Sở rồi thì đoàn viên...

— Vậy thì kết theo cái lối bị vây rồi đầu hàng ; li biệt rồi kẻ sống người chết, lại khó khăn hơn chẳng ? Tôi nghĩ chính lối kết có hậu mới là khó viết. Còn thành công hay không là do tài của mỗi người. Tài thì có hơn có kém, lối kết chỉ là một nhân sinh quan. Mà lối kết có hậu hợp với nhân sinh quan của đại đa số thời xưa cũng như thời nay, phương Tây cũng như phương Đông.

Có đến ba chục năm nay tôi không đi coi những phim nổ súng đoành đoành, nhưng thỉnh thoảng qua những rạp hát bóng bình dân ở Tân Định, Đa Kao, gặp giờ văn tường mà nghe tiếng thiếu niên la hét ầm ầm trong rạp, tôi mỉm cười nhớ lại những tuồng Tạc Dăng (Tarzan) coi hồi nhỏ ở phố hàng Buồm : cũng trung với nịnh (trung là Tạc Dăng và bọn đàn em, nịnh là bọn mọi Phi Châu), trung cũng gặp đủ cảnh gian

truân, cũng gan dạ cùng mình, mưu mô tuyệt diệu, rồi cũng bị bắt, bị trói kè, xuýt bị thiêu sống thì bỗng bọn đàn em tới kịp, nổ mấy phát súng (hồi đó súng cầm) rồi nịnh hoảng hốt chạy như chuột, các vị hảo hán phương Tây được cởi trói, ôm nhau mừng mừng tủi tủi, trong khi tiếng vỗ tay của khán giả vang lên muốn rung rinh cả rạp. Người ta ra về, khoan khoái kiếm một tiệm phở. Tây cũng như đông, chỉ khác Tây ồn hơn nhiều quá, thế thôi. Những tuồng đó xuất hiện từ hồi loài người biết kể chuyện và loài người còn kể chuyện thì nó vẫn còn.

Lúc này ở trên một phần ba thế giới, nó rất thịnh. Ông biết dư rồi chứ : tiểu thuyết và kịch Nga Xô và Trung Cộng kết rất có hậu ? Bản tính con người đâu có thay đổi. Đánh rằng họ kết mà không có hậu thì bị "chỉnh" nhưng điều đó càng chứng tỏ rằng lối kết là một nhân sinh quan.

oOo

Lối kết đó kết có tên: Việt Nam là «có hậu», thì Huê kỳ là «happy-end».

Lối trái ngược với nó, cũng rất phổ biến khắp Đông, Tây, cũng xuất hiện từ hồi loài người biết kể chuyện, mà lại không có tên.

Có nhà phê bình bảo Hoàng ngọc Phách đã chịu ảnh hưởng của phương Tây mà cho *Tố Tâm* có cái kết bi đát như vậy : nàng thồ huyết mà chết đứng cái ngày lên xe hoa, hay trước một ngày gì đó, tôi không nhớ nữa. Có thể rằng họ Hoàng đã nghiền ngẫm *Atala* hay *Werther*, *Graziella*, *Roméo et Juliette*, *Paul et Virginie*, *Manon Lescaut* *La Dame aux Camélias*, vân vân... nhưng bảo lối kết đó là lối của phương Tây

thì sai quá. Từ hồi xưa hồi xưa, Trung Hoa đã có truyện *Ngưu Lang Chức Nữ*, và Việt Nam ta đã đã có truyện *Trương Chi*. Mà đồng thời với họ Hoàng, bên Tàu có *Từ Trầm Á : Tuyết Hồng lệ sử* xuất hiện trước *Tố Tâm* có ít năm.

Mà thuật sử dụng lối kết đó—tôi xin tạm gọi nó là lối kết không hậu—thuật sử dụng lối kết đó phương Đông tỏ ra còn tài hơn phương Tây nữa. Nổi tiếng nhất phương Tây là *Tristan et Yseult* và *Roméo et Juliette*, cả hai đều xuất hiện sau *Dương Thái Chân ngoại truyện* (đời Tống) của Trung Hoa; và tôi thú thực đọc truyện sau thấy thú hơn hai truyện trước nhiều. Truyện diễm tình đời Đường bi đát đến như vậy là cùng cực : một ông vua mà phải để cho quý phi của mình tự tử trước mắt mình, do mệnh lệnh của mình, đau xót đến bực nào, cớ kim không sao có được một bi kịch thứ hai như vậy nữa. Mà nàng chẳng có tội gì cả.

Đọc loại truyện thứ hai này cứ tức anh ách lên, đâm giận, đâm chán, bực dọc, muốn xé toạc sách đi. Đời gì mà khốn nạn : toàn những chia li, những huyết lệ những sầu tủi, những «yêu nhau chẳng lấy được nhau», những «bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia», tài sắc hiếu nghĩa đủ điều thì phải vào thanh lâu, kẻ tài hoa thì lặn đạn, kẻ trung quân ái quốc thì bị giam, bị chém, còn tội đầu trâu mặt ngựa, gian hùng phản quốc thì lại sống phây phây ra, ngựa xe vỗng lọng...

— Ấy chính đời nó như vậy đó. Không thấy bọn hại dân hại nước thời này ôm cả tỉ bạc đi du lịch thế gì ở với chức đại sứ lưu động đây ư; vài trái hỏa tiễn đầu tiên mới rớt xuống

Sài-gòn là một bọn chính khách xôi thịt đã bay tuốt qua Ba Lê rồi đấy ư? Phải khen cái lối kết mà ông gọi là không hậu ấy chứ. Nó ghi được chân dung thế giới.

— Nếu đời mà chỉ có như vậy thì anh em Ngô Đình Diệm sao bây giờ lại nằm ở nghĩa địa? Nếu đời mà toàn như vậy thì làm gì còn quốc gia, còn dân tộc, còn nhân loại nữa. Cũng chỉ là một khía cạnh của cuộc đời. Thì tại sao lại khen lối kết đó mà chê lối trên?

— Nhưng ông mới nói rằng nó làm ông tức anh ách, nghĩa là làm cho ông thắc mắc suy tư. Truyện có hậu, đọc xong vui vẻ, hoan hỉ rồi hết; truyện không hậu mới để lại cho ta một dư vị. Đọc Tố Tâm xong ai mà không băng khuâng; phần hay nhất trong truyện Kiều đâu phải là phần tái hợp, mà chính cái bi kịch Đường Minh Hoàng Dương Quý Phi là đề tài cho biết bao tuồng bất hủ đời Nguyên, đời Minh.

— Khổ qua có nhiều dư vị thật. Mỗi lần tôi nê lời ai mà ăn một miếng thì vội ăn tiếp ngay một món nào khác để dần cái vị của nó xuống. Không

thề bảo loại truyện đó là tả chân hơn, hoặc có nghệ thuật hơn. Cũng chỉ là một nhân sinh quan hợp với một số người mà số người này tôi chắc không đồng bằng số người ưa truyện tào.

— Nhưng nhân sinh quan đó sâu sắc hơn: Tài mệnh tương đố. La douleur est notre maitre... Les mortels qui pleurent des douleurs d'autrui ce sont proprement parler des dieux...

— Tài mệnh tương đố đề rồi thuận thiên an mệnh: «Trời kia đã bắt làm người có thân»; La douleur est notre maitre đề rồi: «Con xin theo ý chí của Chúa, Chúa bắt sao con xin chịu vậy»; nhân sinh qua đó với nhân sinh quan thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, chung qui cũng là tin ở Thượng Đế hết, một đẳng tin rằng được báo ở ngay coi trần này, ở trong đời con cháu mình, một đẳng tin sẽ được báo khi lên Thiên Đàng.

Không, tôi không thấy lối kết nào sâu sắc hơn hay đúng sự thực hơn lối kết nào.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN HIỂN LÊ

Tìm đọc :

NGƯỜI KHÁCH LẠ

tập truyện kể của Trần-văn-Tuyên

SÁNG TẠO xuất bản

Bên những truyện trang nghiêm, huyền hoặc hay dí dỏm khác nói lên những khúc mắc kỳ khu của kiếp người, tôi nghĩ rằng rồi đây trong những tuyển tập truyện ngắn ghi nhận trí nhãn nại cần cù, lòng yêu thương trung hậu muôn đời của người Việt, chúng ta không thể không đọc những truyện như MỘT THÂN THỂ, TRUYỆN ANH TỬ, TRẦN GIAN VÀ TIÊN CẢNH.

của Trần Văn Tuyên ..

DOÃN QUỐC SỸ

Thuyết cơ-cấu và phê-bình văn học

Giới thiệu :

Gần đây giới văn học Pháp đã chứng kiến một cuộc so bút giữa hai phái phê bình văn học, phái cổ điển được đại diện bởi Raymond Picard, Giáo-sư Văn chương Đại-học Sorbonne, và phái cơ-cấu của Roland Barthes, Giáo sư trường Cao-đẳng thực-hành Balê (Ecole des Hautes Etudes pratiques). Diễn-hình là cuộc tranh luận về « thân thể và sự nghiệp của Racine ». R. Picard đã thu tập tất cả những gì người ta có thể biết về Racine, từ ông tộc họ hàng Racine đến các chi tiết về sinh hoạt và giáo dục thời đó, từ những ảnh hưởng xa xưa do văn hóa Hy-La (Hy-lạp và La-mã) đến những ảnh hưởng của các tác giả tiền bối của nước Pháp đối với Racine, từ sinh hoạt tình cảm cá nhân Racine đến những hoàn cảnh sinh hoạt xã hội và chính trị của Racine. Tất cả bằng ấy thứ với chi tiết đầy đủ do công phu nghiên cứu của Picard đã được đúc kết lại nơi cuốn sách nặng ký của ông, nhan đề « *La carrière de Jean Racine* » (Bước đường sự nghiệp của Jean Racine). Sau đó Picard còn cho xuất bản cuốn sách nhan đề « *Corpus racianum* » (Tập tài liệu về Racine), gồm tất cả những gì người ta có thể biết về Racine. Đó là diễn-hình cách phê bình văn học cổ truyền, dựa trên nguyên tắc « truy nguyên », tìm những nguồn gốc và hoàn cảnh của tác phẩm.

Barthes và học phái cơ-cấu của ông nhằm đi tới một thể thức phê bình mới. Theo ông, từ trước tới nay người ta vẫn chạy quanh vấn đề, chưa thực sự làm công việc phê bình văn học : hết phê bình về nội dung luân lý của tác phẩm, người ta đã phê bình văn phạm và cái vẻ đẹp từ chương của tác phẩm, và cùng lắm người ta chỉ biết tìm ra những nguồn văn liệu, những hình ảnh bối cảnh của tác phẩm hoặc xu hướng tâm lý của tác giả. Chưa bao giờ người ta đặt vấn đề đích thực của văn chương, tức vấn đề

ngôn-ngữ dưới khía cạnh ngữ-thái (signifiant). Người ta vẫn chỉ quanh quẩn với phương diện ngữ-ý (signifié). Ngữ-thái là lời văn, còn ngữ ý là những gì mà lời văn gợi lên. Ngữ-thái là những hàng chữ viết cũng như đàn âm-thanh của những lời do ta phát âm, còn ngữ-ý là những sự vật cùng là những biến cố mà lời nói hay chữ viết của ta gọi tên. Vậy phương pháp phê bình của học phái Barthes sẽ tránh cái lối giải thích ý nghĩa, tức nội dung (tức ngữ-ý) của tác phẩm, và sẽ nhằm nghiên cứu về ngữ-

thái của tác phẩm, tức sự xếp đặt những chữ những lời cho thành một câu chuyện mà người thời tác giả cũng như người thời nay hiểu ngay được (chúng ta đừng vội nghĩ đây là một lối phê bình từ chương, chẻ sợi tóc làm bốn, bỏ một chữ làm tám đầu, vì phương pháp phân tích cơ-cấu do Barthes áp dụng vào văn chương sẽ không bao giờ chú trọng đến những chữ, nhưng đến những *tương quan* giữa các chữ, không chú trọng đến các nhân vật mà chỉ chú trọng đến những *tương quan* xã-hội giữa các nhân vật). Nói thế, vì theo khoa Ngữ-học thì mỗi chữ đứng riêng sẽ không có nghĩa gì hẳn và thường khi chẳng có nghĩa gì hết: biểu nghĩa nằm trong sự kết cấu của nhiều chữ thành một câu. Bởi vậy người ta có thể tóm tắt học thuyết phê bình của Barthes một cách đại ý như sau: a) Phê bình văn học là « đặt vấn đề ngôn ngữ », không tìm hiểu những ý sâu xa (thường là giả-tưởng) của tác giả, nhưng là đặt vấn đề với tác phẩm xét như đó là một mớ chữ (ngữ-thái). Sự đặt vấn đề này được gọi là cử chỉ cắc cớ (ironie): «Viết thế chắc gì nói lên được cái anh muốn nói?» Về điểm này, Barthes đã viết: « Cho đến nay, chưa có ai viết lịch sử văn học theo phương diện ngữ-thái. Bao năm người ta đã chỉ viết lịch sử những thể văn (genres), và cách viết này vẫn thịnh hành nơi các sách giáo khoa; rồi dưới ảnh hưởng của Taine hay của Marx, người ta đã bắt đầu một thứ lịch sử những ngữ-ý (signifiés) của văn học... Điều đáng lẽ phải làm không phải là vạch lại lịch sử của những ngữ-ý, nhưng là lịch sử những biểu nghĩa, tức lịch sử những kỹ thuật từ-nghĩa (techniques sémantiques) nhờ đấy văn học đã có thể gán một ý-nghĩa cho

những gì nó nói; tóm lại, điều phải làm là vào cho tới chỗ nấu nướng lên ý-nghĩa, *entrer dans la cuisine du sens.* » (BARTHES, *Essais critiques*, Seuil 1964, tr. 157). Đó, mục tiêu của phê bình kiểu mới là « vào tới chỗ nấu nướng lên ý-nghĩa »: cũng là ^{thịt}thịt là rau, nhưng với thịt với rau người ta nấu nướng lên biết bao nhiêu là món ăn; cũng là ngôn ngữ (ngữ-thái) người ta xào xào lên bao nhiêu là tác phẩm đủ loại. — b) Họ nhấn mạnh và chỉ chú ý đến ngữ-thái bởi vì *bản chất của ngôn ngữ là huyền thoại*. « Lời nói là huyền thoại... Người ta không định nghĩa huyền thoại bằng *đối tượng* của lời nói, nhưng bằng *cách* nói lên. Tất cả, bất cứ cái gì cũng có thể trở thành huyền thoại? Đúng, tôi nghĩ thế, vì thế giới có tính chất vô cùng gợi ý. Một cây là một cây. Đúng rồi. Nhưng một cây do Minou Drouet (thi sĩ tí hon của Pháp khoảng 10 năm trước đây) nói lên sẽ không còn là một cây nữa, vì đó là một cây được trang điểm, thích ứng cho một hạng người tiêu thụ, với những vẻ đẹp văn chương, với những hình ảnh, tóm lại là với công dụng xã hội thêm vào cái chất thê của cây. » (BARTHES *Mythologies*, Seuil 1957 tr. 215-216). Văn chương chỉ là ngôn ngữ, và phê bình văn học chỉ nhằm nghiên cứu về hệ-thống những ngữ-thái, nghĩa là hệ-thống những chữ đã ^{đúc} đúc kết nên ý nghĩa câu chuyện. Đến đây cũng nên nhắc lại: theo Barthes, và cũng là theo Ngữ-học, « mỗi danh từ không chỉ có duy một cái nghĩa được ghi trong từ-điển, vì nếu thế sẽ không thể nào có văn chương. » (BARTHES *Critique et vérité*, Seuil 1966, tr. 52). Cũng như ta thấy trên đây, thịt gà không phải chỉ có một vị, nhưng vị của nó thay đổi theo

« cách nấu nướng » của ta. Không bao giờ nên quên : cái quan hệ không phải là thịt hay là danh-từ, vì thịt tươi mà nấu giở thì món ăn vẫn khó thương, danh từ hay mà dùng giở thì vẫn vẫn tồi. Vậy quan hệ nhất là cách nấu nướng, nấu nướng thịt cũng như nấu nướng danh từ.

c) Nhóm Barthes định nghĩa « *phê bình văn học là văn viết về văn* » (discours sur un discours), chứ không viết về nội dung của tác phẩm hoặc về tâm lý của tác giả. Nguyên tác phẩm đã là một hình thức, một cách kết cấu những yếu tố, một huyền thoại, một lời nói, phương chi những thiên phê bình văn học lại càng chỉ có tính chất những bản văn thôi. Mà như ta biết, văn không hệ tại những danh từ, nhưng hệ tại cách kết cấu những danh từ. « Nữ thần Văn chương, nàng Thơ, không thì thăm những hình ảnh hoặc những tư tưởng hay là những câu thơ vào tai văn-sĩ, nhưng nàng thì thăm cách dùng những tượng trưng, vì đó là những hình thức rỗng phải dùng để mà nói và tác động » (*Vérité et critique*, tr 58). Nàng thì thăm cho văn sĩ biết cách dùng những tượng trưng vì văn chương là hệ thống những tượng trưng cũng gọi là những ngữ-thái : hễ biết cách chấp nối những danh từ (vật liệu), thì văn sĩ sẽ tác tạo được những tác phẩm ý nghĩa và ý vị. Barthes thường so sánh văn chương với sự ăn mặc đúng *thời trang* : thời trang không ở vải và màu vải, nhưng ở cách tổ chức những màu vải đó theo những hình thức mà quần chúng ưa thích, và họ ưa thích vì các kiểu thời trang bao giờ cũng gọi lên trong óc con người ta những hình ảnh về trang nhã, kiểu my, mơ

mộng ; cũng vậy, văn chương là cách nói lên một cái gì, nhưng văn sĩ phải dùng lời văn để nói với độc giả hay thính giả : độc giả và thính giả không trực tiếp với thể giới của tác phẩm, nhưng *chỉ tiếp xúc với những lời văn* (ngữ-thái) của tác phẩm. Khi đã ý thức về bản chất của tác phẩm như thế, nghĩa là khi đã biết rằng tác phẩm văn chương không phải là một vật trong thiên nhiên, nhưng chỉ là một huyền thoại, một ảo ảnh do văn từ gọi lên, thì công việc phê bình văn học chắc sẽ không còn là bàn luận về nội dung hoặc đối tượng của tác phẩm. Phê bình văn học là lời nói về một lời đã nói. Khi ta đọc hay nghe đọc một tác phẩm, ta chỉ nghe thấy những âm thanh, ta chỉ nhìn thấy những dòng chữ : đó là những yếu-tố được gọi là ngữ-thái. Chính những ngữ-thái này làm xuất hiện những nhân vật và những sự việc được ta sống với như những gì có thực, tuy rằng đó chỉ là những sáng tác của tưởng tượng (thế chẳng phải là huyền thoại ư ?). Cho nên trong khi phải phê bình cổ truyền vẫn coi nhân vật của tác phẩm là một cái gì « chắc nịch » (plein) và ngôn ngữ tác phẩm cũng giống ngôn ngữ mà người ngoài đường dùng để nói lên các người và vật trong thiên nhiên, thì Barthes quyết rằng nhân vật của tác phẩm là một hiện hình « trống rỗng » (vide), một ảo tưởng kỳ diệu do kỹ-thuật ngôn-ngữ tạo nên trong trí óc người đọc.

Barthes đã tóm tắt công việc của nhà phê bình văn học như sau : « Phê bình là đọc theo chiều sâu (hay đúng hơn : theo chiều chênh chếch, trắc diện) để tìm ra nơi tác phẩm một cái gì có thể hiểu như thế. Tuy nhiên phê bình không

nhằm vén màn cho thấy một ngữ-ý nào hết, nhưng chỉ nhằm cho thấy những chuỗi các tượng trưng (chaines de symboles), những nét tương đồng giữa các tượng quan khác nhau. Phê bình không phải dịch thuật, nhưng là một uyển ngữ (périphrase). Phê bình không nhằm khám phá ra « cái đáy » của tác phẩm, vì đáy này chính là tác phẩm : nó là một sự vắng mặt, bởi vì tất cả các ẩn dụ (métaphore) đều là những ký hiệu không đáy. Nhà phê bình phải tiếp tục những ẩn dụ của tác phẩm, chứ không được giảm trừ chúng. Một lần nữa, nếu trong tác phẩm có một ngữ-ý « bí ẩn » được coi như « đối tượng khách quan », thì tượng trưng sẽ chỉ là nói mẽ, văn chương sẽ chỉ là trí trá và phê bình văn học sẽ chỉ là từ ngữ học. S'il y a dans l'oeuvre un signifié « enfoui » et « objectif », le symbole n'est qu'euphémisme, la littérature n'est que déduisement et la critique n'est que philologie » (*Critique et vérité*, tr. 71-72). Trước hết ông nói phê bình là tìm ra một cái gì được hiểu như thế (un certain intelligible), cái này không phải là ngữ-ý nhưng là ngữ-thái mà nơi đây ông gọi là các chuỗi những tượng trưng. Bản chất của tượng trưng là có rất nhiều ý nghĩa : tượng trưng nguyên nó vẫn thế, nhưng tùy mỗi thời và mỗi trường hợp của câu chuyện mà nó gọi lên những ý nghĩa khác nhau. Chẳng hạn thanh kiếm có thể gọi lên hình ảnh người hiệp sĩ, danh dự, nhưng cũng gọi lên kỷ luật sắt của quân đội, và còn gọi lên hình ảnh người quý tộc thời trung cổ. Cũng một lẽ, lời văn (vì là một tượng trưng) có thể gọi lên nhiều ý nghĩa khác nhau, tùy nó được đặt vào những khung cảnh nào và được giới nào đọc. Cho nên

bây giờ ta mới hiểu câu Barthes viết trên kia « nếu danh từ chỉ có một nghĩa của từ điển thì không tài nào có văn chương được nữa ».

Thứ đến Barthes nói rằng tác phẩm không có đáy, tác phẩm là một vắng mặt, và tác phẩm không có chứa đựng một cái gì bí ẩn giấu kỹ hết. Tác phẩm chỉ là một *huyền thoại*, một chấp nối nhất thời giữa nhiều lời văn, nhiều tượng trưng. Tác phẩm không có bản chất chắc nịch, nhưng nó rộng vì nó chỉ là hình thức. Vì khoa phê bình cổ truyền nghĩ rằng tác phẩm chứa đựng một nội dung bí ẩn cần được khám phá ra, nên Barthes mới nói rằng như vậy thì không còn có tượng trưng nữa, mà nếu không có tượng trưng thực sự thì cũng không có văn chương, và khi đó phê bình văn học sẽ chỉ là từ ngữ học thôi.

Chúng ta đã nói đến cuộc bút chiến giữa Ricard và Barthes, giữa những người bên vực thuyết phê bình cổ truyền và những người trong học phái phê bình cơ cấu. Không phải họ chỉ tranh luận nhau quanh những tác phẩm của Racine, nhưng đó là cái ung động mủ cho các trận đả kích nhau. Barthes đã viết cuốn « *Sur Racine* » (Về Racine) : tất cả những phân tích của ông « Về Racine » đều thuộc loại nhận định mệnh danh là « luận lý tượng trưng » (logique symbolique), nghĩa là tìm ra ý nghĩa cùng là những tương quan đối chiếu nhau giữa những cặp tượng trưng. Nơi bài Tựa cuốn này, ông viết : « Tôi thử làm công việc diễn lại đây một thứ *nhân-học* về Racine, vừa theo phương pháp cơ-cấu vừa theo phương pháp phân tích : về căn bản thì theo cơ-cấu, bởi vì tôi trình bày bi kịch (của Racine) như một hệ thống nhiều

đơn vị (tức nhiều «bộ mặt», nhiều vai) và nhiều chức vụ; về hình thức thì theo phân tích, vì tôi nghĩ chỉ mình khoa Tâm phân là thứ ngôn ngữ sẵn sàng đón nhận lấy sự sợ hãi giới, mới là thứ xứng hợp để ta dùng đi gặp con người cầm cung.» (*Sur Racine*, Seuil 1963, tr. 9-10).

Tôi dịch tài liệu dưới đây hiễn bạn đọc để coi cho biết hướng đi của thuyết phê bình cơ cấu, mệnh danh là phê

bình mới. Đây là bài «*Structuralisme et critique littéraire*» của Gérard Genette đăng trong tạp chí *l'ARC*, số 26, đệ nhất tam cá nguyệt 1967, dành cho Cl. Lévi-Strauss. Tác giả là một người trong nhóm «*Tel Quel*» (Bộc trực) của Barthes. Ông đã cho xuất bản cuốn «*Figures*» (Những khuôn mặt), rất được nhắc đến trên các khảo-luận về phê bình cơ cấu.

TRẦN THÁI ĐÌNH

Thuyết cơ-cấu và phê-bình văn-học

GÉRARD GENETTE.

PHÊ BÌNH VÀ VÁ VÍU

(Critique et bricolage).

Trong một chương này được coi là giáo-khoa của cuốn *La pensée sauvage* (Tư tưởng hoang sơ), Claude Lévi-Strauss nói tư tưởng hoang sơ giống như một thứ vá vúi trên phương diện tri thức. Đặc tính của sự vá vúi là hành động với một mớ những dụng cụ không dự tính để ta dùng vào việc ta như trường hợp những dụng cụ của ông kỹ sư. Nguyên tắc của sự vá vúi là «thể nào cũng có cách tính xong việc đó với những phương tiện mình có đây», nghĩa là dùng những đồ phế thải của những cơ-cấu trước kia vào những cơ-cấu mới, và thay vì tạo đồ mới để làm công việc của mình, thì người chuyên vá vúi sẽ giải quyết bằng hai tác động *phân tích* (rút những yếu tố ra từ những toàn bộ đã có sẵn) và *tổng hợp* (dùng những yếu tố của nhiều toàn bộ rất khác nhau kia để kiến tạo nên một toàn bộ mới, trong đó có thể không một

yếu tố nào giữ đúng vai trò nguyên thủy của mình xưa, như ta thấy nơi những trường hợp giới hạn). Cách làm việc được coi là điển hình «cơ cấu» này ở tại chỗ thay vì sản xuất ra cái mới thì đã đã khéo léo xài lại những cái vụn của đồ cũ: ta biết đó là cái mà nhà dân tộc học nhận thấy trong lãnh vực kiến tạo nên thần thoại, khi ông ta nghiên cứu những nền văn minh «cổ sơ». Nhưng đối với một loại hành động trí tuệ khác, mà thứ này được coi là đặc biệt của những nền văn minh tân tiến nhất, chúng ta cũng có thể dùng hoàn toàn phương pháp phân tích này: đó là khoa phê bình, nhất là phê bình văn học vì nó khác hẳn những thứ phê bình khác ở chỗ nó cũng dùng một thứ chất liệu (chữ viết) như những tác phẩm mà nó phê bình: phê bình nghệ thuật và phê bình âm nhạc đâu có diễn tả bằng màu sắc, và âm thanh còn như phê bình văn học thì cũng dùng ngôn ngữ như chính tác phẩm văn

chương: như vậy có thể gọi nó là siêu văn-chương (méta-littérature), nghĩa là « một thứ văn-chương mà văn chương là tài liệu bắt buộc » (Paul Valéry).

Thực vậy, nếu không kể hai chức năng rõ nhất của công việc phê bình, — một là chức năng « phê bình » theo nghĩa chặt, tức công việc phán đoán và đánh giá những tác phẩm mới xuất bản để soi sáng cho quần chúng biết lựa chọn (chức vụ này thuộc phạm vi báo chí), hai là chức năng « khoa học » (thuộc lãnh vực nghiên cứu đại-học) nhằm nghiên cứu sự kiện những hoàn cảnh xuất hiện của tác phẩm văn chương (chất liệu của bản văn, nguồn gốc, sự hình thành xét theo phương diện tâm-lý hay lịch sử v.v.), — ngoài hai chức năng đó còn một chức năng thứ ba nữa, và đây mới thực là chức vụ văn học. Một cuốn phê bình văn học như cuốn *Port-Royal* hay cuốn *L'espace littéraire* cũng là một cuốn sách như những cuốn khác, và tác giả của nó cũng đáng gọi là nhà văn (chứ không phải chỉ là kẻ viết chữ như Barthes phân biệt giữa *écrivain* và *écrivain*), nghĩa là một tác giả có một sứ-điệp đang phần nào biến thành cảnh tượng. Sự « biến mất » của ý-nghĩa khi nó cứng đống lại và biến thành một đồ thăm mỹ cho người ta tiêu thụ, đó thực là chuyện động (hay đúng hơn: là sự ngưng trệ) làm nên bản chất của mọi thứ văn chương. Đối tượng văn học mà có được cũng là do chuyện động này, còn chính nó thì chỉ lệ thuộc vào chính mình nó, cho nên, tùy theo hoàn cảnh, ta thấy bất cứ văn kiện nào cũng có thể là hoặc không là văn học, tùy nó có được coi là một cảnh tượng hay là một sứ điệp không: văn học sử đầy rẫy những chỗ đun đi dưa lại như thế. Nói thế vì không có đối tượng văn học theo nghĩa chặt,

mà chỉ có chức năng văn học, và chức năng này có thể lần lượt nhận hoặc bỏ bất cứ tờ giấy nào có viết chữ.

Như vậy tính chất văn tự với vẻ riêng tư, lỏng lẻo, hàm hồ không phải là cái gì đặc sắc của phê bình văn học: cái đặc điểm làm nó khác với những « thể » văn khác nằm nơi đặc-tính đệ-nhị (caractère second) của nó, và chính bởi vậy mà những nhận-xét của Lévi-Strauss về công việc vá víu mới thích ứng một cách bất ngờ nơi đây.

Theo Lévi-Strauss, vũ trụ của người vá víu là một vũ trụ khép kín. Bảng kê khai đồ của anh ta có rộng chẳng nữa thì cũng bị giới hạn. Sự có giới hạn này là điểm khác biệt giữa anh vá víu và anh kỹ sư, vì theo nguyên tắc thì anh kỹ sư lúc nào cũng có thể có dụng cụ đặc biệt thích ứng cho cái việc của anh ta. Cũng tại vì « anh kỹ sư đối thoại với vũ trụ, còn anh chàng vá víu thì chỉ có thể nói chuyện với cái mớ những mảnh vụn do đồ đạc người ta đã làm trước, mà ta có thể gọi là một bộ tồn căn của văn hóa ». Chỉ cần thay những chữ « kỹ sư » và « anh vá víu » trong câu trên đây bằng những chữ « tiểu thuyết gia » chẳng hạn và « phê bình gia » là ta xác định ngay được quy chế văn học của ngành phê bình. Những vật liệu cho công việc phê bình là « những cái vụn do đồ đạc người ta đã làm trước », tức những tác phẩm do ta giảm trừ thành những đề tài, những cơ duyên, những danh từ chủ chốt, những ẩn dụ láy đi lập lại, những chỗ trích dẫn, những tờ ghi và những chỗ ám chỉ. Tác phẩm nguyên nó là một cơ cấu cũng như những toàn bộ khác, nay anh chàng vá víu tháo tung ra để rút

lấy những yếu tố mà anh cần dùng. Nhà phê bình cũng tháo gỡ một cơ cấu (tác phẩm văn chương) thành những yếu tố: đề mỗi yếu tố trên một tấm giấy ghi, và tôn chỉ của anh chàng vá víu "cái này rồi sẽ có công dụng" cũng được coi là định-đề hướng-dẫn nhà phê bình trong việc sắp xếp những tấm giấy ghi, ghi trên giấy hay ghi trong trí cũng thế. Thế rồi phải kiến tạo một cơ cấu mới bằng cách tổ chức lại các mảnh vụn kia. Chúng ta có thể nói lái một câu của Lévi-Strauss: " Tư tưởng phê bình kiến tạo những toàn bộ có cơ cấu bằng một toàn bộ có cơ cấu, tức tác phẩm; nhưng nhà phê bình không chiếm đoạt như thế ở bình diện cơ cấu, vì y chỉ xây dựng những tòa nhà ý-thức-hệ của y với những mảnh của một văn kiện văn học cũ".

Sự khác biệt giữa văn sĩ và nhà phê bình không chỉ tại nơi đặc tính đệ nhị và giới hạn của vật liệu phê bình (văn chương), nếu so với đặc tính vô hạn và đệ nhất (tức vũ trụ) của kho vật liệu thi ca và tiểu thuyết: sự thua kém về lượng này ở tại sự nhà phê bình bao giờ cũng đến sau nhà văn và nhất định phải sờ mó vào những chất liệu mà nhà văn đã chọn, sự thua kém đó còn có thể trở nên tệ hại hơn, mà cũng có thể được coi là được đền bù bởi một sự khác biệt khác, đó là: « Nhà văn làm việc với những quan niệm, nhà phê bình làm việc với những ký hiệu. Về phương diện đối nghịch nhau giữa thiên nhiên và văn hóa, những toàn bộ mà nhà văn và nhà phê bình sử dụng thường khác biệt nhau một cách khó nhận ra ngay. Thực vậy, ít ra ký hiệu cũng đối nghịch với quan niệm ở chỗ quan niệm được coi là hoàn toàn

bộc lộ thực tại, còn ký hiệu thì ưng chịu, và có thể nói là nó buộc phải có một sự lu mờ nào đó do con người mang vào trong việc tri giác thực tại». Nhà văn đặt vấn đề với vũ trụ, còn nhà phê bình thì đặt vấn đề với văn chương, tức vũ-trụ những ký hiệu. Nhưng cái được coi là ký - hiệu nơi nhà văn (tác phẩm) lại trở thành ý nghĩa nơi nhà phê bình (bởi vì là đối tượng cho lời văn phê bình), và theo một cách khác, thì cái là ý nghĩa nơi nhà văn (cái nhìn của ông ta đối với vũ trụ) lại trở thành ký hiệu cho nhà phê bình, vì được coi là đề tài hay tượng trưng cho một thứ văn chương. Đó cũng là điều Lévi-Strauss đã nói về tư tưởng huyền thoại vì tư tưởng này (đúng như nhận xét của Boas) luôn sáng tạo nên những vũ trụ mới bằng cách đảo ngược những mục tiêu và những phương tiện: « Những ngữ-ý đổi thành ngữ-thái, và ngược lại ». Sự nhào trộn liên lý này, sự đảo ngược luôn luôn giữa ký hiệu và ý nghĩa như thế nói lên chức năng lưỡng diện của công việc phê bình, vừa sử dụng tác phẩm của người khác để tạo nên ý nghĩa, vừa tạo nên tác phẩm của mình bằng cái ý nghĩa đó. Nếu có thể có « một loại thơ phê bình » như Cocteau đã nói, thì chắc đó phải là loại thơ theo nghĩa Lévi-Strauss: « thơ và víu ». Anh chàng vá víu « dùng những sự vật để nói lên ý định của anh », thì nhà phê bình cũng dùng những quyền sách của người khác để mà nói (và nói theo nghĩa mạnh, tức mình nói ra). Và chúng ta có thể mượn lời của Lévi-Strauss một lần chót để diễn tả rằng nhà phê bình "không bao giờ làm được đầy đủ như ý muốn, nhưng cũng vẫn đặt được vào đó một cái gì của mình."

Như vậy ta có thể coi phê bình văn học là một hành động theo cơ cấu. Tuy nhiên, như ai cũng thấy, đây mới chỉ là một cơ thứ cấu mặc nhiên và chưa tự nhận ra mình. Vấn đề do khuynh hướng hiện nay của các khoa học nhân văn như khoa Ngữ-học và khoa Nhân-học đặt ra là phải chăng khoa phê bình phải tổ chức một cách minh nhiên cái đường lối tự nhiên có cơ cấu của mình

thành một phương pháp cơ cấu. Đây chúng tôi chỉ làm công việc nêu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề, vạch ra những nẻo đường chính có thể dẫn thuyết cơ cấu đến chỗ tìm ra đối tượng của khoa phê bình, rồi đề nghị dùng phương pháp cơ cấu như một phương pháp hứa hẹn nhiều kết quả.

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

Những ai muốn nếm lại chút dư vị của miền núi Ấn sông Trà

KẸO GƯƠNG ★ MẠCH NHA ★ MÈ XỪNG

cùng bánh cốm, đậu xanh, hạt sen, bánh bông lan, đậu phộng trứng cá chuối, trái khô, (những món ăn chơi có tinh thần... Dân tộc) xin liên lạc với

NGUYỄN-NGU-Í — NGÊ-BÀ-LI

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Các bạn gái muốn hoạt động những công tác xã - hội có thể gia nhập những tổ chức phụ nữ nào hiện nay ?

Chúng tôi xin giới thiệu một số :

Hội đoàn phụ nữ tại V. N.

● MINH-QUÂN

Trong những năm gần đây và mới đây, có nhiều Hội, Đoàn Phụ Nữ được thành lập, mục đích để hoạt động những công tác từ thiện, xã hội, văn hóa, giáo dục. Đó là một điều đáng mừng, song nói chung thì nhiều chị em phụ nữ không được biết đến, nhất là thành phần phụ nữ đông đảo tại đô thành có mức sống trung bình, muốn đóng góp đôi chút khả năng, thì giờ vào công việc chung, mà vẫn băn khoăn vì không biết tham gia cách nào, không người giới thiệu, hướng dẫn bước đầu trong sinh hoạt tập thể và trong công tác.

Bởi vậy, chúng tôi sẽ giới thiệu sơ lược với các bạn những hội đoàn dưới đây hy vọng quý bạn có thể, tùy khả năng và "thì giờ", thu xếp được để gia nhập không do dự vào một trong những đoàn thể ấy. Vì trừ một vài Hội đoàn có những điều kiện hơi... đặc biệt, còn thì hầu hết, hội đoàn nào cũng sẵn sàng đón nhận bạn mới, phát triển thêm đoàn viên để phục vụ xã hội đúng mức như mục đích tốt đẹp buổi đầu đã đề ra.

Chúng tôi nghĩ, nếu có những chị

em cùng một chí hướng, hay đồng nghiệp với nhau hoặc những chị em nào có những liên hệ về nghề nghiệp của chồng, con, muốn gia nhập những đoàn thể có tính cách chuyên môn riêng biệt hợp với ý muốn, những chị em muốn tìm đến những Hội đoàn có cơ sở gần nhà mình (cho tiện việc đi lại) hay những đoàn thể trong tôn giáo mình cũng có thể có một khái niệm tổng quát về tôn chỉ của các hội đoàn và dễ dàng quyết định tham gia vào một hội đoàn nào.

Trước khi đi vào việc tìm hiểu các Hội Đoàn Phụ nữ hiện có tại V.N. thiết tưởng chúng ta cũng nên xóa bỏ cái thành kiến là chỉ những bà dư ăn, dư để, có một mức sống phong lưu mới có thể tham gia công tác xã hội. Đành rằng nếu gia cảnh túng quẫn, bù đầu vì sinh kế thì ta còn tâm trí đâu mà quan tâm đến việc gì khác? Nhưng nếu ta có đôi chút thì giờ dư, có chút ít khả năng, có thể làm được một cái gì dù nhỏ nhất đến đâu mà giúp ích được người quanh ta và qui tụ được đông đảo bạn bè như thế là ta có thể hàn gắn được phần nào đau thương

của xã hội, giúp đỡ được đồng bào, nhất là những bạn gái không may của ta, cũng là góp phần vào sự tiến bộ chung của xã hội.

oOo

Phần nhiều các Hội Đoàn Phụ-Nữ Việt-Nam đều có một bản điều-lệ và nội qui tựa tựa giống nhau, các hội-viên đều có nghĩa-vụ như nhau, ngoại trừ Ban-chấp-hành thì công việc điều động Hội có nặng nhọc hơn và riêng hai vị Hội-trưởng (hay Chủ-tịch) và Tổng-thư-ký thì trách nhiệm càng vất vả.

Các nữ công-dân 21 tuổi (có hội chỉ cần đủ 18 tuổi) chấp nhận nội-qui, điều-lệ Hội cùng là tán đồng tôn-chỉ Hội, có hai hội-viên cũ (có khi chỉ một cũng đủ) giới thiệu là được gia nhập-hội.

Cũng có nhiều hạng hội viên : Hội viên danh dự là những người có công đặc biệt với Hội. Ân-nghĩa hội-viên, Bảo-trợ hội-viên (hay tán-trợ hội-viên) là những người giúp đỡ hội về mặt tinh-thần hay vật chất. Những hội-viên này không bắt buộc hoạt động thường xuyên và đóng niêm liễm. Hoạt-động hội-viên là những hội - viên thường, nghĩa-vụ của họ là đóng niêm-liễm đều đặn và hoạt động các công tác thường xuyên của Hội.

Ban-chấp-hành (hay Ban Trị sự) do toàn thể hội viên bầu ra, thông thường thì gồm có một vị Hội-trưởng (hay Chủ-tịch) một hay hai (có khi ba) vị Phó Hội-trưởng, một Tổng-thư-ký và một hay hai phó Tổng thư-ký, một Thủ-quỹ, Kiểm soát viên và Ban cố-vấn. Nếu công việc nhiều, tùy nhu cầu, có thể bầu thêm vào các tiểu-ban riêng.

Có những Hội-Đoàn có đặc điểm riêng biệt như HỘI NỮ Y SĨ VIỆT NAM, (trụ sở 227, Cống-Quỳnh, thành

lập, năm 1956), hội-viên và ban trị sự đều là nữ y-sĩ.

Mục-đích chính của Hội là giúp đỡ các trẻ em bị lao, nhận nuôi và điều trị Viện dưỡng nhi bài lao của hội cho đến lúc trẻ hoàn toàn bình-phục hẳn mới trả về cho cha mẹ.

Được chăm sóc tại đây đứa trẻ bị bệnh có nhiều hy vọng chóng khỏi hơn điều trị tại nhà, và còn cái lợi là khỏi sợ lây cho anh chị em và cha mẹ chúng

Một hội có đặc điểm riêng biệt khác nữa là HỘI BẢO-TRỢ GIA-ĐÌNH BINH-SĨ : Trụ-sở đặt tại 213 Đại-lộ Hồng-Bàng Chợ Lớn Chủ-tịch hội là bà Nguyễn văn Vỹ. Hội viên phần đông là vợ của các sĩ quan trong đội VN. Tuy nhiên, các phụ-nữ dân-sự vẫn có thể được mời gia-nhập nếu thấy mục đích hội thích-hợp với mình.

Mục đích Hội là bảo-trợ gia-đình binh-sĩ thuộc Quân-Đội Cộng-Hòa VN và các Lực-lượng bán quân-sự bằng hiện-kim hay phẩm-vật.

Hội có những cơ-sở xã-hội sau đây :

— Một xưởng may cắt giúp khoảng 200 cô-nhi quả-phụ có kế sinh-nhai, đồng thời gây quỹ cho Hội.

— Bệnh-viện Trung-Vương, thường xuyên thu nhận cỡ 200 bệnh nhân, vợ con của binh-sĩ nằm điều trị, đỡ phần nào gánh nặng cho các quân và dân-y-viện.

Hội còn xuất bản tuần san « Hoa Tình Thương » với mục-đích phổ-biến hoạt động của Hội, cũng là một tập-san văn hóa, xã-hội và chủ yếu hướng về binh-sĩ. Hội cũng thành lập đoàn văn-nghệ « Hoa Tình Thương » thường xuyên

trình diễn, giải trí cho binh-sĩ và gia-đình họ tại các đơn vị chiến đấu.

Lại có hội như Hội Nữ Hường-Đạo Việt-nam nặng về giáo-dục nhằm đào tạo các thiếu nữ trở nên công dân tốt, tháo vát, cường tráng hơn là nhằm vào mục đích từ-thiện (gần đây, để đáp ứng với tình-trạng đất nước, Hội Nữ Hường-Đạo Việt nam cũng đã tham gia các hoạt động xã-hội, từ-thiện) hội hiện đặt tại 219, Phan đình Phùng Sài gòn và có một Ký-nhi-viện tại 220 Trương-Minh-Giang, do chính các Nữ Tráng đoàn Đồng-Tâm điều hành mọi mặt.

Có hội có tính chất tôn giáo như Hội Các Bà Mẹ Công Giáo và Hội Phụ-Nữ Phật Tử Việt-Nam, hội trên thiên về giáo dục con em (trụ-sở ở số 2, Công-trường Hòa-Bình, Hội-trưởng là bà Nguyễn-văn Nhiên, Tổng thư-ký là bà Trần-thị-Xá) song cũng quan tâm đến công tác từ-thiện, và hiện đang nghiên-cứu để thực hiện vài cơ-sở xã-hội.

Hội Phụ-Nữ Phật Tử V. N. trụ-sở tại 292. Lê Quang Định Hội-trưởng là bà Nguyễn - đình - Hào, Tổng thư-ký là bà Vũ-bá-Hùng, thành lập từ 1961) Ngoài mục đích về nghi-lễ tôn-giáo, hoạt động những công tác từ thiện, hội này còn có các cơ-sở xã-hội như Chăn-Y-Viện ở 292 đường Lê-Quang-Định (Xóm Gà Gia-định) và một Ký-nhi-viện đối diện với Chăn-Y-Viện này. Ngoài ra, Hội còn có một trường Tiểu-học miễn phí, tên là trường Tiểu-học Dược-sư. Sự điều hành các cơ-sở xã-hội trên do ban Xã-hội của Hội đảm trách với sự giúp đỡ của một bác-sĩ và các sinh-viên Y - khoa, các nữ điều-dưỡng (đều là ni cô) và Ban giáo-huấn tốt nghiệp ngành này.

Hội Phụ Nữ Thiện-Chí Việt-Nam(trụ

sở 111 đường Nguyễn-Du, thành lập năm 1964, Hội-trưởng là bà Phùng-ngọc Duy, Tổng thư-ký là bà Phạm Quy).

Hội có một " Trung-tâm tiếp nhận Trẻ-em Nạn-nhân chiến tranh " tại trụ-sở và một Ký-nhi-viện tại Vinh-hội. Trung-tâm trên nuôi cõ 120 trẻ mồ côi đủ mọi lứa tu' i từ sơ sinh đến 13, 14. Có lớp Mẫu-giáo tại trụ sở để dạy các em bé và những đứa lớn thì được đi học trường ngoài, Ký-nhi-viện Vinh-hội giữ giúp trẻ trong vùng cho các bà mẹ rảnh tay làm ăn, buôn bán. Tại đó, trẻ được dinh-dưỡng theo phép vệ-sinh để cơ thể nầy nở đúng mức, cân hàng tháng, xỏ lã định-kỳ, chích ngừa các bệnh truyền nhiễm. Đặc biệt được giáo-dục về cả hai mặt Đức và Trí dục.

Có hội như HỘI PHỤ NỮ VIỆT NAM (thành lập 1966, Hội Trưởng là bà Võ văn Sang, Tổng thư ký là cô Nguyễn thị Hồng-Cúc, trụ sở tại 150-152, đường Lý-Thái-Tồ, Sài gòn). Hội thường tổ chức Cây Mùa Xuân, triển lãm về nữ công, Tổ chức lễ Hai Bà Trưng mỗi năm, hoạt động các công tác cứu trợ v.v...

Có hội như HỘI PHỤ NỮ VIỆT NAM PHỤNG SỰ XÃ HỘI (thành lập tháng 5, 1968, sáng lập viên là các bà Nguyễn văn Thiệu, Nguyễn văn Thơ, Nguyễn văn Trang và bà Tôn-Thất-Ân. Trụ sở tại 156B đường Lê văn Duyệt)

Cả ba hội kể trên : PHỤ NỮ THIỆN CHÍ, PHỤ NỮ VIỆT NAM, PHỤ NỮ V.N. PHỤNG SỰ XÃ-HỘI đều có mục đích tương tự như nhau, tôn chỉ cũng vậy : đều cùng mong muốn liên kết nữ giới để thực hiện

các công tác từ-thiện xã-hội, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao mức sống, khuyến khích và thực hiện sự tiến-bộ của nữ-giới trên mọi lãnh-vực. Song nếu HỘI PHỤ NỮ THIỆN CHÍ quan tâm đến *bảo vệ nhân cách và phẩm giá con người nói chung, phụ nữ nói riêng và bênh vực quyền lợi phụ nữ trong mọi trường hợp và lãnh vực* thì HỘI PHỤ NỮ VIỆT NAM lại quan tâm nhiều đến phụ nữ và đồng bào lao động, đến việc *Chống Nạn Mù Chăn*, đến những gia đình đông con. Còn HỘI PHỤ NỮ V.N. PHỤNG SỰ XÃ HỘI thì chú trọng đến những người tàn tật, dự tính xây dựng cơ sở xã hội để những kẻ không may này có nơi cư trú, có cơm áo, thuốc men, khi đau yếu. (1).

ĐOÀN PHỤ-NỮ CHÍ-NGUYỄN HỒNG-THẬP-TỰ VIỆT-NAM, hoạt động trong khuôn khổ qui-chế của HỘI HỒNG-THẬP-TỰ, là một thành-phần của Hội HỒNG-THẬP-TỰ V.N. (thành lập tháng 8 1964. Đoàn-trưởng là bà Nguyễn-Ngọc-Lễ, Tổng thư ký bà Bùi Hữu Nhơn, trụ sở tại 201 đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn).

Đoàn hỗ trợ cho hội Hồng-Thập-Tự V. N. mỗi khi hội yêu cầu và tùy theo phương tiện của Đoàn. Mục đích : tự nguyện an ủi, viếng thăm các bệnh nhân (quân, dân, chính) các cô nhi quả phụ, nạn nhân chiến cuộc hoặc hỏa hoạn, thiên tai, thủy nạn, các thường phạm, quân sự phạm hay tù binh. Công tác thường trực mỗi tuần lễ của Đoàn ở tại các Dân và Quân y viện. Trong lúc đi công tác đoàn-viên phải mặc đồng phục của đoàn (gồm áo xanh màu da trời và phù hiệu Chí-nguyên Hồng-thập-tự). Các đoàn viên sau khi tập sự một số giờ nhất định và làm lễ tuyên-thệ sẽ

trở thành đoàn - viên chính - thức.

Chúng tôi nghĩ việc giới thiệu sẽ thiếu sót nếu không nhắc đến HỘI PHỤ NỮ QUỐC TẾ TẠI SAIGON. (Hộp thư số 201) thành lập từ năm 1956. Mục đích của Hội là gây tình hữu nghị, thông cảm giữa phụ nữ các nước bằng cách tạo cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc cùng nhau thường xuyên để trao-đổi ý-kiến giúp nhau tìm hiểu rõ về văn-hóa, xã-hội giữa Việt-Nam và các quốc-gia được đại diện tại Việt-Nam.

Tất cả phụ nữ trên 18, không phân biệt quốc-tịch, hiện cư ngụ trên lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa đều được gia nhập Hội với điều kiện tán thành điều-lệ Hội. Vị Đệ-nhất phu-nhân của Quốc-gia V.N. sẽ được mời đảm nhiệm chức vụ Hội-trưởng danh-dự. Hiện nay, Hội trưởng là Phu-nhân của vị Tổng-Lãnh-sự Anh. Tổng thư-ký là bà Nguyễn-văn-Tạo. Thủ quỹ là phu nhân của Đại-sứ Tân-Tây-Lan.

Hàng tháng, hội có một buổi họp mặt đông đủ các hội-viên và ban chấp-hành, địa điểm không nhất định : khi thì tại tư gia một hội viên Việt-Nam, khi thì tại nhà một phu nhân vị Đại-sứ hay Lãnh sự. Ngoài việc thông thường là báo cáo tài chánh và hoạt động khác của hội, hội còn tổ chức những cuộc nói chuyện, diễn thuyết về các nghi-lễ, tập tục, truyền thống của Việt-Nam. đôi khi Hội mời những chuyên-viên khảo-cổ (diễn giả có thể là đàn ông) trình bày những vấn đề này để các hội viên ngoại-quốc am tường thấu đáo nền văn-hóa cổ truyền của ta. thỉnh thoảng, Hội hướng dẫn đi thăm

1/ những chữ in nghiêng là rút trong Điều-lệ các hội trên.

các di tích cổ. Có khi trình bày quốc-nhạc hay tân nhạc, hoặc mời một Hội viên ngoại quốc nói về nước họ.

Năm 1959 Hội thành lập một Ký-nhi-viện tại Gia-Kiệm (Hố Nai) và đến năm 1966 vì nhu cầu, lại xây thêm một trường Tiểu-học gần đó để cho các trẻ em tiện việc đi lại học tập. Ký-nhi-viện này có thể thu nhận khoảng 300 trẻ em.

Ngoài ra, Hội cũng tham gia các công tác cứu trợ như các hội phụ nữ khác trên lãnh thổ Việt-Nam.

Hội xử dụng ba thứ tiếng : Việt Pháp, Anh, để điều hành các hoạt-động của hội.

Lại còn một hội thành lập mới nhất tại Saigon (tháng 9, 1968, các sáng lập viên là bà Lê-thị-Ẩn, Đặng-thị-Khiêm và cô Trương-thị Minh-Thư, trụ sở 182, Lê-văn-Duyệt Saigon) đó là TẬP-ĐOÀN PHỤ-NỮ VĂN-HÓA XÃ-HỘI VIỆT-NAM. Có lẽ đây là một Hội đoàn phụ nữ đầu tiên tại miền Nam có tuyên-ngôn và công bố lập trường. Như tên đã đặt trên, Tập đoàn hướng thẳng mục tiêu vào các hoạt động văn hóa xã hội, quyết tâm không lùi trước mọi khó khăn và trở ngại nào, Đoàn quyết tạo dư luận phản đối mạnh mẽ các phong trào đòi bại trong dân chúng, nhất là giới phụ nữ, cương quyết chống lại mọi hình thức văn hóa đồi trụy vong bản, Nghiên cứu kỹ càng nguyên nhân đã gây tình trạng phá sản tinh thần giáo dục ngày nay và đề nghị phương pháp sửa chữa. Tăng cường hiệu năng các hoạt động văn hóa, đồng thời

đón nhận những tình hoa Âu Mỹ... Đào tạo người phụ nữ Đông phương tiến bộ. Nâng cao trình độ văn hóa và cải thiện đời sống người phụ nữ VN...

Đoàn đặc biệt quan tâm đến thành phần phụ nữ buôn gánh bán bưng, hướng dẫn kẻ nghèo tự giúp mình chứ không phải giúp kẻ nghèo. Cố vấn của đoàn không bắt buộc là nữ giới.

Nhân đây, chúng tôi muốn giới thiệu một nhóm (chưa hẳn là hội) phụ nữ thi nhân, đó là THI ĐOÀN QUỲNH DAO Thi đoàn này thành lập đã 8 năm nay, gồm khoảng ngoài 20 nữ thi sĩ. Vị niên trưởng hiện nay đã 95 tuổi, là nữ thi sĩ Cao Thị Ngọc Anh. Cụ sáng tác đủ các loại thơ. Hầu hết trong nhóm đều đã có thơ xuất bản, người nhỏ tuổi nhất là nữ thi sĩ Trần thị Tuệ Mai (được giải văn chương toàn quốc về Thơ trong năm 1967). Tuy chưa chính thức là một Hội, song Quỳnh Dao sinh hoạt rất đều đặn. Thường thì mỗi tháng đều có một cuộc họp tại nhà của một hội viên. Khách dự đều có mang theo sáng tác mới xướng họa, ngâm vịnh cùng nhau rồi uống trà, dùng bữa thân mật sau khi thưởng thức thơ.

oOo

Thành lập được một Hội Đoàn là điều khó, đến như việc điều động cho Hội Đoàn sinh hoạt được điều đặn là một điều khó hơn. Làm cách nào để nuôi mãi được ngọn lửa nhiệt thành giữ, được thiện chí ở mỗi hội-viên chứ đừng như ngọn lửa rơm bùng lên rồi tắt mất; làm thế nào để sự phân công chu đáo, tận dụng hết khả năng ở mỗi người, làm thế nào để dung

hòa mọi dị biệt, mọi cá tính, thuyết phục được mỗi người đều nghĩ đến mục đích chung, đều tin tưởng vào công việc làm của mình, không chán nản trước thất bại, không quản ngại ngại trước dư luận khắt khe vv... quả là cả một vấn đề.

Khi người phụ nữ nhận thấy hoạt động xã hội là cần thiết, ta hãy chọn một Hội đoàn nào hợp với sở

thích ta và dù đứng trong Ban Chấp hành, hoặc chỉ là một đoàn viên, ta hãy nên nhắm vào lợi ích thiết thực, vào mục tiêu chung mà bỏ qua những tiểu tiết không thích hợp.

Phương ngôn có câu «Hãy thấp ngọn nến nhỏ hơn là ngồi nguyên rửa bóng đêm» có lẽ áp dụng vào tình trạng xứ ta, và trường hợp mỗi người trong chúng ta hiện nay rất đúng.

MINH QUÂN

Trong tháng 1-19 9 :

Quý vị Độc-giả và Phật-tử nhớ tìm đọc hai tác phẩm chọn lọc của Nhà Xuất-bản VẠN-HẠNH :

1/ Xây dựng Nhân sinh quan Phật giáo

của THÁI - ĐẠO - THÀNH

2/ Trao cho thời đại một nội dung Phật chất

(Buddhistic Revelation to the modern World — Letter to World Inteligentsia).

của ĐỨC - NHUẬN

bản dịch Anh ngữ của PHẠM - KIM - KHẢI

Nơi tổng phát hành : CHÙA GIÁC - MINH 578, Phan thanh Giản Sài Gòn

Quý bạn đã đọc **CHỢ ĐÊM**,

Tập truyện mà BÙI-KIM-ĐỈNH đã phơi bày những thủ đoạn tranh sống tàn khốc trong một xã-hội vô-luân của thời tao loạn.

Quý bạn hãy đón đọc **NGƯỢC CHIỀU**.

Truyện dài xã-hội thời đại của BÙI-KIM-ĐỈNH.

Truyện mở tung những cánh cửa bí mật, sâu kín bần thiêu của thời đại mà thiện-chí và lòng nhiệt thành đang bị dập vùi.

Truyện của những tâm hồn trẻ chất đầy nỗi bi thảm, xót xa đang bị dồn vào chân tường.

Do ĐÔNG-PHƯƠNG xuất bản.

phát hành trong tháng tới.

Vai trò nhà giáo trong thời hậu chiến

● TRẦN-KIM-THẠCH

Khi hòa bình vẫn hồi trên đất nước, mọi người mọi giới phải chung lưng góp sức kiến tạo xứ sở. Trong công-tác xây dựng vĩ-đại đó, ta không nên quên vai trò vô cùng đặc biệt của nhà giáo vì họ giữ một địa vị then chốt trong xã hội ngày mai. Thực vậy, cha mẹ nào cũng lo cho con cái ăn học, vì cái học là điều thiêng liêng của dân ta. Nhờ đó đối với mỗi gia đình, nhà giáo là một người cố vấn, một nhân vật thiết yếu, nếu không nói là vị cứu-tinh. Uy thế của nhà giáo trong địa phương rất rộng lớn. Với uy thế đó, nhà giáo sẽ thực hiện [được nhiều] điều mà cán bộ chuyên môn từ xa đến không làm nổi.

Nhà giáo và kinh-tế tự-túc

Nền kinh-tế của một nước độc lập phải nằm trên căn-bản tự-túc. Gia-tăng sản xuất trong mọi lãnh vực sẽ làm cho xứ sở càng ngày càng giàu mạnh. Nhà giáo phải đóng góp được gì ?

Ngay từ cấp bậc tiểu-học, ông thầy đã có thể khuyến khích học trò lớn bé trồng rau nuôi gà. Không phải chỉ trồng nơi nhà trường, mà quanh nhà, ngoài đồng hoang. Điều này không chỉ có nơi các trường chuyên hóa, mà nên thực hiện ngay trong các trường phổ thông. Với các phương pháp bón phân và chăn nuôi rất khoa học ngày nay, một em bé đủ sức tự-túc về tiền sách vở, quà bánh.

Nhà trường biết canh tác đôi khi có thể tự túc về ngân quỹ trùng-tu, Cấp bậc trung học vừa có thể sản xuất như ở cấp bậc tiểu học, nhưng với hiệu năng quan trọng hơn, vì học trò lớn tuổi hơn, đầy đủ khả năng hơn. Tùy nhu cầu địa phương, một trường trung-học có thể sản xuất dụng cụ giáo dục cho cấp tiểu học, điều chế hóa phẩm thường thức, ráp và sửa máy móc (máy phát thanh, xe đạp, máy cày, máy đuổi tôm), may đồng phục, quần trang, quần áo thường thức, thức ăn, v.v... Một trường nữ trung-học có thể quán xuyến công tác mai dịch cho cả địa phương một cách dễ dàng. Một trường nam trung học có thể lãnh công tác ráp máy phát thanh cho cả quận.

Dạy dỗ như vậy, nhà giáo đóng góp vào kinh-tế địa phương không nhỏ. Nhiều địa phương mà [có kinh-tế tự túc] tất đỡ hẳn gánh nặng cho quốc gia. Thêm vào đó, ông thầy còn tập cho học trò óc thiết thực, liên kết được việc học với đời sống, tập nghề thường thức cho trẻ em và dạy chúng tháo vát, không sợ cực khổ. Lối dạy thiếu cạnh khía sản-xuất ngày xưa khiến cho lớp sĩ-phu có thói quen sống nhờ, sợ xông pha, sợ mệt. Sự kiện đó đã tạo ra những vấn đề trầm trọng nơi xã-hội tiền chiến.

Riêng nhà giáo, ngoài việc hướng dẫn sản xuất thiết thực nơi trường, họ còn có công tác kinh-tế nào nữa không ? Ở mỗi địa-phương như quận, xã, nhà

giáo là người thu thập mọi tin tức về tài nguyên thiên nhiên để kịp báo cáo lại cơ quan chuyên môn sở tại hoặc cơ quan trung ương. Qua trung gian của học trò, mọi phát-kiến từ đất đai, hoa màu, gia súc, ngọc ngà, quặng mỏ đều đến nhà giáo trước, nếu họ biết khuyến khích học trò luôn luôn nghe ngóng, chịu khó lục lạo khắp nơi. Kinh nghiệm cho thấy sau mỗi khi về quê, học trò thường đem đến cho thầy nhiều biến chuyển quan trọng của vùng họ ở : Một đỉnh núi sắp sụp, một kẽ hở có khí cháy bốc lên, một thứ cây độc, một màu quặng sắt... mỗi cái như vậy có ảnh-hưởng kinh-tế rất sâu xa, vì chuyên gia kinh-tế trung-ương chưa chắc có dịp may khám phá bằng một cậu học trò biết quan sát. Do đó, ta tiện tận được không biết bao nhiêu thời giờ, tiền bạc và nhân lực của chính phủ.

Nhà giáo còn có thể góp phần vào các kế - hoạch khuyến - trương địa-phương. Một giáo-sư địa-lý nghiên-cứu về sự bành trướng của quận lỵ, thị - xã chắc chắn sẽ đem đến kết quả mong muốn. Một giáo sư sinh-lý-học góp phần vào việc phổ biến phương-pháp trị bệnh của heo gà cho các gia-đình học trò, là một điều thiết thực đúng với sở trường. Một giáo sư về triết - học có thể phổ-biến một phương-pháp làm việc mới thích hợp cho địa-phương. Một giáo-sư toán giúp nông-dân tính xác-xuất về lai giống hay làm thống-kê về hoa màu, về bệnh gia-súc, là điều quý báu nhất.

Nơi cấp trung-ương, nhà giáo đại-học góp phần đáng kể vào việc đào-tạo cán bộ chỉ - huy trung cấp hoặc cao - cấp cho những kế - hoạch kinh - tế ngắn hạn hay dài hạn.

Một kế-hoạch thuộc về kinh-tế tự túc không thể nhập cảng chuyên viên ngoại quốc hàng loạt và lờ đi việc đào tạo chuyên viên trong xứ. Trái lại, bước đầu của mọi dự - án tự túc là phải có cán bộ tự lực trước đã, vì chủ yếu của mọi thành công vẫn là con người.

Sự phối hợp giữa nhà giáo ở Đại-học với các nhà giáo nơi nông thôn, ngoài ích lợi về thăng tiến nghề nghiệp lẫn nhau, còn giúp cho việc kê khai tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và gìn giữ sức mạnh kinh-tế. Nếu nhìn thấy như vậy, chúng ta mới bỏ được quan niệm phiến diện là nhà giáo chỉ có thể dạy học trong lãnh vực dựng nước và giữ nước. Nhà giáo, trái lại, sẽ là người liên lạc giữa tất cả các cơ-sở chuyên-môn và kỹ thuật của từng địa phương, từ nông-vụ, mục-súc đến y-tế, công-chánh, hầu điều hòa và phổ biến những kinh nghiệm, phát kiến, ứng dụng đến mọi gia-đình, qua ngả của học trò mình.

Nhà giáo và sự phát-huy kiến-thức

Mái trường làng là nơi thiêng-liêng nhất đối với dân ta. Truyền-thống của Việt-Nam là học, học để đổi được vận-mệnh, học để mở mắt với người và học để trở thành công - dân hữu - ích. Nhà giáo dạy học đúng lương-tâm bao giờ cũng được sùng kính. Trong cổ truyền phong kiến, nhà giáo đứng trên cha mẹ. Trong xã - hội tiến bộ, nhà giáo chỉ đứng dưới tổ - quốc. Đành rằng phải làm việc thiết yếu nhất là đem hiểu biết đến cho mái đầu xanh, nhà giáo còn là trung-tâm phát-huy văn-hoá, khoa-học, là tiền đồn của tư-tưởng mới chống bóc lột, chống ngu dốt, chống mê-tín dị đoan trong

mỗi địa-phương. Cũng qua ngã học trò, nhà giáo ảnh hưởng đến phụ huynh, đem văn-minh đến cho họ, giúp họ cải tiến kiến-thức, thay đổi nếp sống cồ hủ, khiến họ dễ thâm nhập đường lối của chính phủ hơn. Ở đây, một cán bộ tuyên truyền chính trị không thể tranh nổi ảnh-hưởng to rộng của nhà giáo được.

Người ta cứ ngỡ rằng đem điện và nước về nông thôn là thực hiện được cuộc cách-mạng xã-hội. Điều đó may ra có thể đúng ở Tây-phương. Ở Việt-nam, truyền thống khinh miệt vật chất của dân-tộc đòi hỏi thêm sự du nhập, bằng mọi giá, của một văn-minh tinh-thần thể-hiện qua nhà giáo chân chính. Có như thế, văn-minh vật chất mới không đảo lộn nếp sống nơi thôn xóm. Ở những địa phương xa xăm, nơi mà luật nhà nước khó qua lệ làng, ông đồ còn có khi phải đóng vai trò phán-quan để bảo-trì công bằng xã hội, vốn cũng là một cạnh khía của văn-minh. Đã thế, ông đồ còn là một nơi liên lạc giữa dân và nhân loại. Ông có thể giải thích ngay những tư tưởng và những phát minh vừa mới xảy ra ở bất cứ phương nào trên Quả Đất với người địa phương. Một buổi diễn thuyết, một cuộc nói chuyện của ông sẽ có âm-hưởng sâu xa bằng cả năm tuyên truyền qua máy phóng thanh hay qua sách vở. Đối với dân quê chất phác và đa cảm, lời giảng dạy, khuyên nhủ, cử chỉ khích-lệ, phút giây tâm tình là những cái gì quý báu hơn cả tiện-nghị vật chất.

Nhà giáo và việc phụng-sự tổ-quốc

Đề cao vai-trò và sở trường của nhà giáo trong hai lãnh-vực kinh-tế và giáo-

huấn mới chỉ nói lên việc góp sức chưa đáng kể của nhà giáo vào công tác cải tiến xã-hội hiện tại. Khi nào nhà giáo đào tạo xong một vài thế-hệ tương lai, hồi đó họ mới phụng-sự tổq-uốc.

Con người Việt-Nam của thế hệ sau phải như thế nào? Làm sao mẫu người đó nổi bật được trong cộng-đồng nhân-loại? Làm sao nó góp phần xứng đáng vào việc giải quyết các vấn đề trong quốc gia và giữa các quốc gia? Nhiệm vụ của nhà giáo quả thật rất nặng nề.

Nền giáo-dục hiện tại, như Đại-hội Cải-tổ Chương-trình Khoa-học ngày 10-9-68 tại Saigon công bố, là cái gì còn sót lại của chương trình của một nước nô-lệ. Đó là chế độ giáo dục dành cho một nước bị trị, pha lẫn với vài nét cồ truyền của thời phong-kiến địa-phương. Nếu mẫu người hoàn toàn phong-kiến hết, thì ít ra nó còn nhiều cạnh khía tốt. Nếu nó pha lẫn cái xấu của nô-lệ với cái cồ lỗ của phong-kiến, thì thật nguy vô cùng. Mẫu người quốc-gia chân chính trong thời kỳ hậu-chiến nên nằm ngoài hai khuôn kẻ trên.

Có lẽ thanh-niên mới sẽ có khuôn mặt cao thượng, yêu nước, bất vụ lợi, nhân từ và cầu tiến. Nhà giáo nào chẳng quan-niệm người học trò của mình như thế. Nhưng cái khó là làm sao tạo cho được một môi-trường thuận lợi, soạn được một chương trình giáo dục thích hợp và có những phương-tiện dồi dào để thực hiện công tác điều-khắc của mình. Hơn nữa, chính nhà giáo phải sống y như khuôn mẫu mà mình mong ước tạo thành. Thi-hào Tagore bảo rằng nhà giáo như ngọn

nến, không cháy sáng thì sao mỗi được lửa cho nến khác. Và một trăm quyền sách luân lý, triết học không bằng một tấm gương sống. Mảnh gương sống đó, ở mỗi góc trời Việt-Nam, phải là nhà giáo.

Kết-luận

Nhà giáo Việt Nam còn không biết bao nhiêu công việc phải làm. Công việc đó sẽ khiến cho họ đầu tắt mặt tối trong thời hậu-chiến. Sự đóng góp

của nhà giáo ảnh hưởng đến nhiều thể-hệ, đưa dân-tộc vào lối rẽ mới huy-hoàng của lịch-sử. Cho nên chính-nghĩa thực sự bao giờ cũng bắt đầu bằng việc đề cao vai trò nhà giáo. Một thể-chế chính-trị, nếu biểu hiện được chính-nghĩa, sẽ được tất cả các nhà giáo nỗ lực hỗ-trợ như những chiến sĩ tiền-phong. Còn trong chế-độ phi-dân, nhà giáo bị đẩy đoạ xuống hàng bán chữ bán và bằng cấp.

TRẦN-KIM-THẠCH

☆ Muốn tìm gặp một tâm-hồn thanh cao ở ngay giữa chốn bùn lầy, nhớ-nhớp.

☆ Xin tìm đọc : một mối tình bi-thương, mơ mộng...

CHỖ CỦA HUỆ

Truyện dài đầu tay của DOÃN-DÂN, cây bút quen thuộc của tạp-chí BÁCH-KHOA T.Đ. từ nhiều năm nay...

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

14338YT D.P.Đ.

Lang thang trên các địa hạt

Bởi thấy chế-độ Cộng-hòa I có tính cách nhân-trị hơn là pháp-trị, tôi đã cố theo dõi ảnh-hưởng của ô. Diệm trên các lãnh-vực, hơn là thành-quả của chánh-quyền 1954-1963.

Vả lại, đối với riêng tôi, ông là một con người mà tôi muốn tìm hiểu, hơn là một quốc-trưởng với một công-cuộc chưa thể phê bình dứt khoát. Nên tôi đã chú ý nhiều đến tác-động cá nhân của ông, trong khi xem công việc của từng cơ-quan.

oOo

Khi nói rằng Hành-pháp mạnh, nhiều người chỉ mặc-nhiên so sánh với Lập-pháp, và thường nghĩ tới một Tổng-thống không thuộc quyền kiểm soát chế ngự của Quốc-hội, hoặc có uy-lực chi phối được đa-số Dân-biểu...

Song một Hành-pháp mạnh còn phải đủ sức điều động dễ dàng guồng máy quốc-gia, khiến lệnh cấp trên được cấp dưới tuân hành mau lẹ.

Về phương-diện này, ô. Diệm đã sớm đạt ý muốn, bằng cách dồn quyền lên cấp tối-cao.

Các Đại-biểu chánh-phủ, tuy đã mất bề-thể và phương-tiện của của các Thủ-nhiên thời trước, lại bị giảm quyền lẫn nữa, và từ 1956, chỉ giữ nhiệm-vụ phối hợp và thanh-tra. Đô-trưởng, Thị-trưởng, Tỉnh-trưởng, rồi Quận-trưởng đều do Tổng-thống bổ-nhiệm hoặc cho bổ nhiệm, và nhận chỉ-thị trực-tiếp của ông bằng công-văn, điện-thoại hay khẩu-lệnh nhân dịp diện kiến. Cứ như vậy, khi bộ Nội-vụ được giao cả cho Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, hoặc cho một Bộ-trưởng chuyên-trách.

Tại Trung-ương, quyền của các Bộ cũng bị rút theo một lối rất giản-dị, là đặt trực thuộc Phủ, nhiều cơ-quan đáng lẽ phải nằm trong các Bộ : Bảo-an, Dân-vệ, Dinh-diện, Nông-tín, Công-dân-vụ, Xổ-số, Truyền-thanh, Du-lịch, Địa-dư, Thanh-niên, Thông-tin, v.v... Tuy một số được trả về các Bộ năm 1961, số còn lại vẫn nhiều : Xã-hội, Công-tác Xã-hội miền thượng, Nguyên-Tử-Lực-Cuộc, Viện Pasteur, Học-viện Hành-chánh, Kiến-thiết, Công-vụ, Ngân-sách Ngoại-viện, Kế-hoạch.

Thực ra, chỉ cần nắm vững ba Tổng-nha sau chót, ba bộ-phận then chốt chuyên nhiệm về người làm, tiền tiêu, và các dự án... là có thể điều hợp

và hướng dẫn cả guồng máy. Song ông Tổng-thống không chịu một giới-hạn nào hết ; nên mỗi khi ông tỏ ra hiểu biết một vấn-đề quan-trọng, hoặc có vẻ chú ý đặc-biệt đến một loại công-tác, là tôi chờ đón một lệnh đem cơ-quan liên-hệ về Phủ.

Chính-sách này đã bị một bạn tôi kêu là « chính sách bạch-tuộc » nắm cả mười tay, nhưng lạ thay, lại được nhiều cao-cấp hoan nghênh. Có mấy ông lên phàn nàn về những nỗi khó khăn đã gặp ở phía cơ-quan khác. Tôi nghĩ bụng : không khéo lại viện cớ xin trực thuộc đây... Rồi quả-nhiên, ông máy riêng tôi với một nụ cười hữu-ý : có thể kéo quách về không ?

— Về đây, thì sẽ bị hành luôn luôn, nghe quát tháo chớ sung sướng gì ? gần mặt trời mà không lo sạm mặt sao ?

— Cụ rày là còn hơn là ông khác hạch suông. Cụ là hộ thì việc chạy. Dựa vào Cụ mà bảo, thì hẳn được nghe theo. Nhờ ông Bộ tranh đấu, lắm khi chẳng ăn thua gì, việc vẫn bị Bộ khác ộp.

Kề thì cũng đúng : hễ trình việc, mà được Cụ ừ rồi, thì dầu phải liên lạc với cơ-quan khác, vẫn được thông cảm dễ-dàng. Còn ai nở từ chối chiếu-hội hay thoả-hiệp khi thấy chữ Y đỏ trên hồ-sơ, thế là khỏi điều đình thảo luận lời-thôi. Kết-quả đó cũng đạt mau lẹ, nếu quả quyết rằng « thượng-cấp » tuy quên phê, đã gặt hoặc quở răn gao việc kéo dài ?

Có ông còn cho biết : ở Bộ, thì dễ bị thay đổi cùng Bộ-trưởng ; về Phủ, nếu được Cụ ưng thì có thể lâu bền và khá hơn. Điều này cũng không sai. Ô. Diệm có lối xem xét đề thử thách trước khi trọng dụng, như lấy về làm si-quan tùy-viên rồi cho đi Tỉnh-trưởng ; đã có người được lên Bộ-trưởng hay Đô-trưởng sau một thời-gian phục vụ bên ông. Nên tháng 5-1961, khi nghe nói một số Nha Sở sắp bị trả về các Bộ, một vị lên Phủ vận động, và xin cả Cố Nhu can thiệp để duy trì trình-trạng trực-thuộc.

Những lý-do tự-quyền đó, hẳn là vượt cả sức suy-luận của những nhà luật-học uyên-thâm, và chỉ có thể tìm thấy bởi những cáo già công-sở, nhưng rất dễ hiểu trong hoàn-cảnh chính-giới thiết-thực trước 1963. Dù sao, tinh-thần « hướng thượng » của nhiều công-chức, cũng khéo hoà hợp với chính-sách của cấp lãnh-đạo. Ô. Diệm muốn đưa nhiều cơ-quan về Phủ để các hoạt-động theo sát đường lối ông ; người chuyên-trách cũng muốn nhờ thế ông cho gọn việc mình.

Sự can-thiệp của ông nhiều ít tùy ý-niệm chủ-quan về khả-năng ông. Ông làm lấy hay xen vào khi cho là hiểu biết hơn người, như về nông-thôn và hành-chánh ; ông đề cho làm, nếu lượng sức mình không đủ, như đối với việc kỹ-thuật. Xét chung, thì dĩ-nhiên dấu vết của ông rõ-rệt nhất ở các địa-hạt bị coi là trực-thuộc.

Vấn-đề Công-vụ đối với ông không phải là quyền-lợi của công-chức hoặc là tồ-chức công-sở với những quy-chế, ngạch-trật, đảm-bảo nghề-nghiệp... nhưng trước hết hoặc chỉ là vấn-đề chánh-trị, tác-phong và bòn-phận.

Ông không quan tâm đến sự cải-thiện đời sống của người giúp việc, dù xa hay gần ông : ông cho là giới nhân-viên chánh-quyền được ưu đãi rồi. Chỉ-số lương căn-bản trong 9 năm, không được xét lại lần nào. Hàng chục hồ-sơ xếp ngạch hay thăng trật, bị ông bỏ mặc vài năm chưa xét. Có lẽ ông không ý thức nổi nhu-cầu sinh-hoạt của các gia-đình, nhưng chắc-chắn là ông chỉ nghĩ đến sự thi-hành trách-vụ của mọi cấp, nhất là đến sự trung-thành đối với riêng ông.

Điều này được những người tinh-khôn nhận rõ. Một vị cho biết : trình ông phiếu diễm nhân dịp tư thăng, thì ông không nói gì khi thấy phê là « trung thành với chánh-nghĩa quốc gia » nhưng ông ôn-tồn hỏi thêm về năng-lực, về tính-hạnh, ngay cả về gia-thể nếu đương-sự « tuyệt đối tin tưởng vào Ngô Tổng thống và sự lãnh-đạo anh-minh của Người ». Chuyện này được loan truyền rĩ tai mau lẹ, và sau đó, trên các hồ-sơ cá-nhân, công-thức thứ nhất sớm nhường chỗ cho công-thức thứ hai được coi là hữu-hiệu hơn nhiều.

Ông đã tin dùng một số người không trung-thành cho lắm, hoặc được ngộ-tưởng là có biệt-tài. Ông cũng không tránh khỏi thói thường của nhiều nhà cầm quyền thuở trước : ưa ca-tụng nên dễ bị lừa. Tuy-nhiên, cũng có một số khác được người hiểu biết tiến cử lên ông, và sau thời-gian ngắn đã tỏ ra đặc-lực : ông trọng dụng, cho giữ chức vụ cao tuy còn ít tuổi và chưa đủ thâm-niên.

Muốn tìm người khá, ông không ngần ngại gạt bỏ thông-lệ và cho hưởng những quyền-lợi đặc-biệt : đó là trường-hợp của những thanh-niên từ ngoại-quốc rở về phục-vụ. Bởi thế, và mặc dầu có sự tị-nạnh, ông đã đặt ra đoàn Tham-vụ chuyên-môn với những trợ-cấp và thang lương cao hơn của công-chức các ngạch cao-đẳng; có người còn được trả một phần lương bằng ngoại-tệ để gửi cho vợ con chưa theo về VN.

Thực ra, trong giới công-chức, chỉ có hạng chuyên-viên là được ông nâng đỡ. kỹ-sư, dưới mắt ông, cần hơn các hạng nhân-viên khác cho công-cuộc phát-triển kinh-tế mà ông muốn thực hiện gấp ; ông hỏi họ luôn, và nghe họ khá nhiều. Còn về chánh-trị, xã-hội, hành-chánh, thì Tổng-thống « dạy » chứ không cần học ai cả ; cố-vấn Mỹ cũng bị ông coi thường : họ còn phải tìm hiểu nhiều trước khi đề xướng.

Những trường-hợp ưu-đãi, tất-nhiên đã gây sự suy bì và làm tăng nỗi bất-mãn ngấm ngấm trong hàng ngũ công-chức. Có lần, một Bộ-trưởng đi lưu ý ông : chế-độ dựa nhiều vào giới này. Ông Bộ muốn Tổng-thống nhận rằng cần có cách đối-xử thích hợp hơn, nên đã nhấn mạnh : bất-cứ biện-pháp chánh-trị nào cần thí-nghiệm, là cũng trông cậy vào công-chức hơn vào các tầng lớp

khác ; Cải tiến Dân-sinh, Phát-triển Cộng-đồng ? Công-chức phải lo trước ; Phong-trào chống Cộng ? Công-chức phải học tập ; Phong-trào Cách-mạng ? Công-chức phải tham gia ; Thanh-niên Cộng-hòa, Phụ-nữ Liên-đới ? Công-chức cùng vợ con đi trước ; Ấp Chiến-lược ? cũng lại Công-chức...

Ông lắng nghe, nhưng chỉ hỏi lại : coi phụ-cấp hành-quân có cho cả Bảo An và Dân Vệ không ? Quân-tiếp-vụ có cung cấp được đủ cho quân-đội chưa, nghiên cứu về lương khô đến đâu rồi ? Nghĩa-tử-cuộc xây mãi chưa xong, bao giờ cho ông khánh thành ?

Về phần công-chức, ông dặn : phải làm sao cho hoạt động nhiều hơn trong Liên-đoàn Cách-mạng, nghe nói còn lắm kẻ lờng chùng. Các lớp học Nhân-vị được bao nhiêu người, thì cho ông biết.

Vài cao-cấp nghe chuyện, phản nản rằng ông chỉ nhìn theo một chiều, công-chức chỉ kéo cày mà thôi, tình-cảnh ra sao ông không cần rõ, tuy giá sinh-hoạt cứ tăng, dưới các trào ông Hữu ông Tâm, nhân viên còn đủ ăn hơn.

Song cũng có vị nhắc tới một trở-ngại khó vượt : tăng lương, nên lắm và có thể thu xếp, nhưng nếu tăng cho công-chức, thì không thể bỏ quên quân-đội, mà tăng cả hai bên, thì thiếu tiền, vậy nếu ông Tổng-thống muốn cho nhân-viên toại nguyện, cũng chẳng ai mách nời ông lấy gì bù đắp số thiếu hụt của ngân-sách.

oOo

Ông không thông-thạo về tài-chánh, tuy đã làm việc công lâu năm. Ông chỉ nhìn nhận ra phần rườm rà của các thủ-tục mà ông không buộc phải theo khi còn làm quan.

Ông muốn được việc trước hết, nên hề cần xúc tiến, ông sẵn sàng chấp thuận những biệt-lệ đề chi tiêu, như về dinh-diện, công-tác phi-trường v.v...

Chính ông giữ chừng 100 triệu : khi đi kinh-lý, nếu thấy việc nên làm gấp, ông cấp luôn tiền cho khởi công hay hoàn tất rồi lo liệu giấy tờ hợp-thức hoá sau : quốc-lộ 14, quốc-lộ 19, nhiều khu định-cư hay trừ-mật... đòi hỏi mấy triệu thì ông cho liền.

Sự dễ-dãi này đã gây hiểu lầm về quỹ mật của ông, và đề ngỏ cửa cho sự nhùng-lạm của những cấp thừa-hành quá khôn-ngoan.

Đáng lẽ các dự-án đều phải được thoả-hiệp của *Tổng-nha Ngân-Sách*, rồi ông hãy duyệt y. Song lắm khi ông sốt ruột, và tin rằng chính ông xét và ưng là đủ.

Khi ông quyết định đưa *Tổng-nha* trên về phủ Tổng-thống, một Cố-vấn Mỹ đã lưu ý ông : nếu muốn cơ-quan này làm tròn nhiệm-vụ, thì phải để cho quyền ngăn chặn mọi sự quá mức bất-cứ của ai. Ông đồng ý, và bảo kiếm một Tổng-giám-đốc nào dám từ chối nếu cần, ngay đối với ông. Riêng tôi trộm nghĩ vị đó chưa giáng-trần hay chưa hạ-sơn.

Mỗi lần coi qua dự-án ngân-sách, ông thấy tăng các khoản chi, lại cần phải hết sức tiết kiệm, và chẳng năm nào không ký một thông-tư khuyến cáo mọi cấp. Ông hạn chế số công-xa, ông soát lại từng trường-hợp phân phát và đòi thu cả xe của các Tổng-thư-ký Bộ, ông ra lệnh bãi bỏ hết mọi khoản xa-hoa.

Nhưng phản-ứng của Ông không khác nào của lăm bà nội-trợ rộng tay và cả nể, tính sổ cuối tháng thấy tiêu nhiều quá thì sốt ruột và quyết giảm chi hàng ngày, rồi chẳng bao lâu lại trở về thói cũ vì không nỡ để chồng con phải thiếu thốn.

Tuy bắt thắt chặt, chính ông thường nói nút khi được nài van : tiền mua khăn giường ngủ cho vị này, tiền sửa nhà tắm đồ cho vị khác... Tổng-nha chuyên-trách vẫn bác, theo đúng chỉ-thị của ông, song chỉ mang oán vô-ích mà thôi.

Dự-án chi thu của các Tỉnh được đưa về mỗ xẻ tại Nha, và bị cắt xén những khoản dự trù quá đáng. Ít lâu sau, lại phải cho số triệu đã rút, vì « Tỉnh tôi có khẩu trình nhân dịp Thượng-cấp kinh lý, và Người đã chấp thuận... »

Về ngoại-viện, ảnh-hưởng cá-nhân của ông không rõ-rệt ; vì việc xử-dụng phải tùy thuộc những qui-lệ và thể-thức chặt chẽ của các cơ quan viện-trợ, nhất là của Hoa-Kỳ ; ngoài ra, còn phải căn cứ vào những dự-án chuyên-môn tỉ-mỉ, nghĩa là những sự-kiện mà ông chẳng có ngày giờ và đầu óc nào để tự ý quyết định.

oOo

Cũng vì thế, mà ông không can thiệp nhiều vào hoạt-động của Tổng-nha Kế-hoạch, mặc dầu ông vẫn đòi phúc trình luôn.

Vả lại, việc của Nha này thường liên quan đến nhiều Bộ, nên phải đưa ra xét tại các Ủy-ban, Hội đồng liên-bộ, Hội-đồng tiền-tệ mà thăm quyền bao trùm lãnh vực kinh-tế tài-chánh : nên ông yên trí rằng việc được nghiên cứu kỹ.

Ngay về chánh-sách, các ý-niệm căn bản do Tổng-nha trình lên, cũng không được ông chú ý hoặc chấp nhận dễ-dàng. Ông không thúc đẩy Phát-triển Cộng đồng tuy công-cuộc phù hợp với chủ-trương đồng-tiến. Chế-độ đầu-tư, mặc dầu rất cần được qui định sớm để thu hút nhiều tư-bản ngoại-quốc, cứ bị bỏ lửng rất lâu: Bộ-trưởng trong Phủ phải năn nỉ nhiều lần, ông mới chịu ký bản tuyên-ngôn 1957, và đạo luật mong đợi, mãi tới 1963 mới được ban hành.

Đâu phải là ông hờ hững, khi ông chỉ đòi tiến mạnh ? Song ông làm thinh vì trí não ông không quen lý hội sự gì trừu-tượng và tổng-quát. Ông chỉ ưa việc cụ-thể, ông hình dung được rõ mới chịu là cần và để cho làm ; ông xét định về từng trường-hợp và từng công-tác dễ hơn là về

toàn-diện vấn-đề. Bởi thế, Phát-triển Cộng-đồng với lãnh vực mệnh mông, đối với ông không đáng chăm sóc bằng nhà máy Xi-măng Hà Tiên, Xa-lô Sài-gòn — Biên Hòa v.v. mà các dự án được chấp thuận khá mau lẹ.

Cũng tại bộ óc của ông như trên, mà hoạt-động của Tổng nha phải đòi chiều. Ông đem từng xí-nghiệp quốc doanh hay hợp doanh giao cho người phụ-trách kế-hoạch, nên ông này phải dành nhiều ngày và sức vào những việc quản-trị, nhưng không được phù trợ đủ để thi hành những nhiệm vụ chính yếu như phối hợp sự thực-hiện các chương trình trên mọi địa-hạt. Một cố-vấn Mỹ có lưu ý ông Tổng-thống về điểm này, nhưng ông bảo: tôi giao việc gì, làm nổi việc ấy, đủ rồi, cần chi khác, việc ai nấy làm, lo chi hộ?

Nghe nói đến lợi-tức quốc-gia hay viện-trợ kỹ-thuật, thì ông không có phản-ứng gì. Song một việc của Tổng-nha được ông theo dõi nhiều nhất, là xuất-ngoại du-học. Ông định tỷ-lệ phân chia cho từng Phần, ông xét lấy trường-hợp các tu sĩ đi học đạo, ông quở trách sao đã để một phụ-nữ thiếu đức-hạnh ra ngoài gây tai tiếng... Có người cho là ông xen vào việc, vì khía cạnh chánh-trị; nhưng tôi vẫn nghĩ còn lý-do nữa, là việc có tính-cách cụ-thể nên hợp với bản-chất của ông.

oOo

Khắc-khở như ông, tất không dung thứ những hành-vi hay những tập-quán trái với thuần-phong mỹ-tục theo quan-niệm cổ-truyền.

Nên ngay khi lên cầm quyền, ông đã tỏ rõ tham-vọng bài trừ các tệ-đoan ở ngoài cũng như trong chính-giới.

Sự đóng cửa sòng bạc và khu giải-trí Đại-thế-giới, phải chăng chỉ là biện-pháp chánh-trị làm cạn nguồn lợi-tức của một lực-lượng đối-lập? Nếu dựa vào tính-tình ông mà xét, thì cũng có thể nghĩ rằng quyết-định kia là phản-ứng tất-nhiên của một người nuôi mộng gột rửa cho xã-hội sạch-sẽ hơn. Cũng vì lý do này, mà năm 1958, ông bác bỏ đề-nghị có lợi về mặt du-lich và kinh-tế của một hãng hàng-không Mỹ muốn bỏ vốn xây một khách-sạn tối-tân hạng quốc-tế, mà Sài-Gòn đang cần gấp: ông không thể chấp nhận điều-kiện cho đánh bạc và tổ chức những trò chơi không hợp với đạo-đức.

Phong-trào chống Tứ Đồ Trường mà ông thúc đẩy từ 1955, đã gây nhiều bất-mãn trong giới ăn chơi, và còn bị nhiều người lành-mạnh chỉ trích vì những cử-chỉ quá đáng hoặc vụng về của cấp thừa-hành trong việc ngăn cấm. Đã xảy ra những vụ bắt oan, những chuyện phẫn uất-làm cho dư-luận sôi nổi. Ô. Diệm cũng biết, nhưng sự cương ngạnh của ông không thể lay chuyển: Ông đã đóng cửa sòng Chợ lớn dù có thể bị lật đổ bằng võ-lực, thì không khi nào ông sờn lòng vì những lời oán trách hoặc chế giễu mà ông tin là xuất phát từ những người bất-chính. Chỉ-thị-ủa ông: nhân-viên có lỗi thì bị phạt, nhưng không vì thế mà chính-sách phải thay đổi.

Các đạo luật Gia-đình và Bảo-vệ luân-lý rất phù hợp với triết-lý và quan-

niệm xã-hội của ông, nên được ông bênh vực, mặc dầu Chỉ-đạo ngoài Huế nhân tin khuyên ông dè dặt. Hình như theo ông Cần, thì « việc muốn hay còn phải tùy người đưa ra mới hay ». Song Ô. Diệm làm ngơ, có lẽ vì ông cũng đồng-ý rằng « kẻ nào có tật mới sợ luật Gia-đình » một câu đã khiến ông Cậu nổi đóa.

Trên địa-hạt xã-hội, xét ra sự can thiệp của ông chỉ có tính-cách tiêu-cực : cấm đoán, diệt trừ, trừng trị. Còn những tổ-chức và hoạt động nào có tính-cách tích-cực thì không mang vết tích gì của ông : tòa án thiếu-nhi, quán cơm xã-hội, trại hè, lớp cán-bộ, nhà thanh-niên v.v... Chỉ có Trung-tâm Hướng-nghiệp vườn Lài được ông chú ý đạo đầu, đến 1959, ông bảo đem giao cho các bà phước, rồi bỏ mặc không nhắc tới nữa.

oOo

Người miền Thượng được ông săn sóc nhiều hơn, có thể nói là săn sóc đặc-biệt.

Khi bãi bỏ Hoàng-triều Cương-thổ, chính ông đặt ra danh-từ « đồng-bào Thượng » để thay những chữ « thiếu-số » hoặc « sơn-cước » đã gây những sự hiểu lầm.

Nha Công-tác Xã-hội miền Thượng trực thuộc Tổng-thống hơn là trực-thuộc phủ Tổng-thống : vì mọi việc phải trình ngay lên ông, giấy tờ cũng không do các văn-phòng xét trước, song phải đệ thẳng cho ông xem và phê.

Ông bảo : người Thượng đã tuyên thệ trung thành với ông, thì ông trông nom lấy càng nhiều càng hay, và có như thế, đồng-bào Thượng mới sớm tiến theo cùng nhịp với người Kinh.

Ông đã dùng những chữ khai-hóa và giáo-hóa khi nói về công-cuộc mở mang Cao-nguyên. Ông chú trọng đến mọi trạng-thái sinh-hoạt của các sắc-tộc, và muốn huấn luyện hướng dẫn từ sự ăn mặc đến cách làm việc. Ông sửa lấy những kiểu áo quần muốn cho may và đem phát, ông rất phiền khi thấy nhiều người còn phơi trần thân-thề.

Theo thói riêng, hề quan tâm đến việc gì, là ông đi sâu vào chi-tiết, muốn làm và muốn biết quá nhiều. Ông thường sửa chữa những dự-thảo công-văn liên-quan đến miền Thượng, có khi đọc từng câu cho ghi chép nguyên-văn. Một tỉ-dụ điển-hình nhất, cho thấy ông nghĩ và làm lấy việc ra sao, là thông-tư 27/TTP/VP ngày 17-3-58 mà hầu hết là tác-phẩm của ông, với ý ông, lời ông và giọng ông : xúc-tích đến nặng-nề, cần-thận quá hóa tỉ-mỉ, phân tích mà không tổng hợp, cần nội-dung chứ không kể đến từ-ngữ và hành-văn.

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

gởi

Các Tỉnh-trưởng Đồng-nai-thượng

Pleiku

Kontum

Darlac

Các Tỉnh-trưởng các tỉnh Nam-phần và Trung-nguyên
Trung-phần có dân-cư Thượng

Lâu nay đã nhắc nhiều về vấn-đề nghiên-cứu và thi-hành phương-pháp để bài-trừ sự đốt rừng làm rẫy có hại lớn cho lâm-sản đất đai, và về vấn-đề liên-hệ với vấn-đề trước là việc cải-tiến dân-sinh cho đồng-bào Thượng.

Có những tỉnh chậm-trễ chưa phúc-trình cho thiết-thực.

Về vấn-đề cải-tiến dân-sinh, có nơi thì quy nhiều làng gần nhau thành liên-xã, rồi lập hợp-tác-xã để cho đồng-bào Thượng bán lúa của họ ; khi sau họ thiếu lúa thì bán lại cho họ theo giá họ đã bán ; đồng thời khuyến-khích họ trồng thêm thuốc, đậu, v.v... để họ có thể đến hợp-tác-xã bán rồi mua đồ như savon, vải bông, v.v... Tức là tổ-chức trước tiên những nơi mà đồng-bào Thượng đã có ruộng sẵn, tiện để cho họ tập cày bừa, nuôi heo lấy phân, cày thêm ruộng. Hợp tác-xã cũng là do người Thượng chuyên làm, địa-phương chỉ cho người đi kiểm-soát giúp một ít mà thôi.

Có nơi thì làm trụ-sở liên-xã, với phòng cho thuốc, khuyên một ít người Kinh đến ở gần, bày vẽ cho họ nuôi heo, cày bừa, trồng cây, dùng phân-bón, và tổ-chức những lớp huấn-luyện cán-bộ trong một thời-gian ngắn về các phương-diện chánh-trị xã-hội, v.v...

Có nơi thì thêm sự luyện-tập cho họ làm nghề, may tay, may máy, làm thợ mộc, thợ rèn, hớt tóc, và những lớp dạy về vệ-sinh thường-thức và cấp-cứu.

Có nơi thì tập-trung đồng-bào Thượng một số nhiều vào những vùng có nhiều đất để làm lúa bắp, bông dệt vải, mà khi trước họ đã có làm một phần rồi, đã quen thuộc rồi, để nội trong mùa tới, họ có thể cày cuốc và tự-túc với số tập-trung định-cư.

Có nơi thì tập-trung vào những vùng có thể làm ruộng được, nhưng đất đó người Thượng trước chưa có làm ; cày vào phương-tiện máy móc để khai-khân để số dân định cư đông-đúc được hưởng và tự-túc.

Có nơi thì nghĩ có đồng-bào Kinh đến lập nông-trường rồi người Thượng bắt chước theo để cải-tiến dân-sinh mau chóng.v.v...

Cần có một cuộc trao-đổi ý-kiến, thảo-luận chung.

Vậy các tỉnh có dân-cư Thượng phải từ nay đến ngày 27 tháng ba năm 1958

gửi về Phủ Tổng-Thống (phòng Bt-thư) một bản trình về những sự đã thực-hiện trong việc bài-trừ nạn đốt rừng làm rẫy và việc cải-tiến dân-sinh — kể cả các sự tổ-chức hành-chánh trong các thôn xã — về kinh-nghiệm và những phương-pháp nào thích-hợp hơn. Phải có bản đồ chỉ rõ những địa-điểm đã thi-hành, chụp hình những sự đã thực-hiện. Chụp những nơi người Thượng đã biết cày, những nơi mới tập cho họ cày, những đồ dụng-cụ canh-nông gì hợp với công việc làm nông của họ, những kiểu nhà đã làm. Họa những kiểu nhà nên làm. Kể những phương-pháp gì đã dùng hay sẽ dùng để trừ nạn uống rượu, sự xa xỉ sau mùa gặt, trừ những tệ của những người Kinh lợi dụng đơn-sơ của người Thượng trong việc mậu-dịch.

Tập phúc-trình ấy phải gửi đúng ngày, vì cũng đã gần đến mùa mưa, gần đến lúc phải trồng-trọt cày cấy. Phải lập thành nhiều bản để gửi cho các tỉnh xem trước.

oOo

Theo kinh-nghiệm, có những điều xem có nhiều tiện-lợi là lựa những nơi đã có sẵn đất ruộng để khởi sự trước.

Những điều nên chú-trọng nghiên-cứu là việc dùng trâu, cách gì tiện để cải trâu cho có mà cày, tập cày bừa, cuốc, đào lỗ. Cách gì dạy cho họ mau làm chuồng nuôi heo lấy phân; (nếu cần khuyến-khích thì lúc đầu Chánh-phủ có thể mua giúp cho họ): cách dẫn-thủy nhập-điền, tiện cho họ tùy theo địa-thế. Về sự đưa ít người Kinh ở với họ để làm gương, thì cách gì để tránh khỏi sự nghi-ky xich-mích.

Vấn đề tập-trung số đồng-bào Thượng tại nơi đất chưa khai phá là một vấn-đề phức-tạp, vì nếu không đủ phương-tiện cải-hóa đất ấy thành đất ruộng màu hay thành đất trồng hoa-màu liền đến mùa sau họ có thể tự làm lấy và tự-túc, thì sẽ gặp những sự ngặt nghèo, người Thượng có thể chán-nản. Công việc làm nhiều nhà không phải khó, nếu đủ ngân sách giúp, nhưng nếu sau mấy tháng giúp đỡ mà người Thượng không nhờ cậy được nơi đất ấy để tự-túc, thì công việc làm nhiều nhà kết-quả cũng như tổ-chức một cái hội chợ nhất thời, phí công hiệu-dụ cho người Thượng tập-trung, phí ngân-sách. Người Thượng chưa quen lễ-lối làm lụng như người Kinh: một khi phải chờ đợi kết-quả lâu mà họ chán-nản, thì sẽ sinh ảnh-hưởng tai hại cho những dân Thượng ở gần đó. Vậy vấn-đề ấy phải tru-hoạch rất cần-thận; máy móc dụng-cụ không phải là nhiều, việc chuyên chở việc tiếp-tế phải tùy phương-tiện thông-thương mới có thể kịp thời-tiết, v.v...

Về sự lập lớp huấn-luyện cho người Thượng, thì, trừ một địa-điểm trên Cao-nguyên và ở Huế do nha Công-tác Xã-hội ở các Phần phụ-trách, còn bao nhiêu sẽ do mỗi Tỉnh hay là trong khuôn-khò liên-tỉnh chuyên lo lấy. Điểm này sẽ xét theo đề-nghị của các Tỉnh-trưởng. Việc lập lớp huấn-luyện cần giản-tiện, thiết

thực, lợi về các phương-diện chánh-trị, xã-hội. Trong tập phúc trình, mỗi tỉnh phải trù-hoạch về việc đó.

oOo

Sau khi đã được các tập phúc-trình đủ tài-liệu của mỗi tỉnh, thì sẽ phân làm mấy địa-diểm cho các tỉnh-trưởng nhóm họp đề trao đổi ý-kiến, thảo-luận, và đề-nghị những phương-pháp thích ứng.

Saigon, ngày 17 tháng ba năm 1958

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

oOo

Ô. Diệm bắt đầu hỏi nhiều về công việc của Nha Kiến thiết từ 1956, khi ông muốn trùng tu các lăng-tăm và cung-diện ngoài Huế.

Người lật đổ cựu-hoàng nhà Nguyễn, lại chính là người thắc mắc nhiều nhất đến di-tích Nguyễn-triều.

Ông phàn nàn luôn rằng việc kéo dài, mãi tới 1963 mà cửa Ngọ Môn, lăng Tự Đức điện Cần Chánh và cung Huệ Nam còn phải tiếp-tục sửa chữa.

Có lẽ cũng vì một số nhân-viên khá còn bị ông huy động vào sự thiết-lập các khu Trù-mật.

Các khu này quy tụ nông-dân, để dễ bảo vệ, cứu trợ và cải tiến. Trên lý-thuyết, khu là gạch-nối giữa thành-thị và hương-thôn, với các phương-tiện sinh hoạt và phát triển.

Đưa việc này lên hàng trọng-tâm công-tác, ông bắt ngừng xây cất các cư-xá công-chức để dành tiền Xổ-số cho các khu. Ông đi kinh lý, ngắm địa-thể, tìm vị-trí, cấp ngân-khoản, với một vẻ hăng say tin-tưởng khiến nhà chức-trách địa-phương, vốn nòi nhậy cảm, vội thi đua lập khu hay lập công. Nên tới giữa 1959, đã có 25 khu thành lập : 25 thị-trấn hoàn thành trong thời gian kỷ-lục chưa đầy 2 năm, được coi như một kết-quả không ngờ.

Nhưng ông Tổng-thống cũng không ngờ những phản-ứng trong dân-gian. Lời ta thán và đơn khiếu nại tới ông mỗi ngày một nhiều : bị đe dọa nên phải rời nhà, bị thiếu thốn về mọi mặt thay vì được trợ cấp, công-nho bị biên-thủ, kinh-phí bị phóng đại, tài-sản bị xâm-phạm v.v.

Ông cho điều tra : sự oán trách không phải là vô căn-cứ. Nhiều khu được dựng lên quá hấp tấp, dân-chúng chưa hiểu rõ thiện-chí của chánh-quyền, sự giúp đỡ không đền bù các thiệt-hại, và vấn-đề quan-trọng, nhất là sinh-kế chưa có giải-pháp thích-ứng : nhà nông không thể tiếp tục công việc hàng ngày, khi vườn mọng cũ ở xa khu mới.

Cực chẳng đã, ông đành bảo tạm đình, và phải nghiên cứu kỹ hơn, trước khi khởi công phải trình ông xét.

Gia - Cát - Lượng đã than rằng : mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Chắc Ô. Diệm phải nhận rằng mưu sự tại ông, nhưng thành sự tại những người chấp hành ?

Quả vậy, ở trường-hợp công việc được thực hiện theo những kỹ - thuật sẵn có, do những người có huấn - luyện và kinh-nghiệm, thì ông được toại ý hơn nhiều, như trong sự kiến - thiết hạ-tầng cơ-sở kinh-tế : kinh rạch, đập nước, sân bay, đường cái, vv...

Ông thường trách người Pháp trước kia không chịu mở mang giao-thông nên rất nhiều vùng xa lánh hoặc hiểm trở rất khó bình định và khai khẩn. Nên ông quyết dành ưu-tiên cho sự khuếch-trương hệ-thống liên lạc thủy, bộ và hàng-không ; ông chấp thuận cho các cơ - quan công-chánh những phương tiện và thề - lệ đặc biệt để xúc-tiến công-tác trên nhiều đoạn quốc - lộ và hàng chục phi-trường.

Một chuyên viên theo ông đi kinh-lý về, có bảo tôi : Ông ấy xạo xục quá, thăm đường mà hỏi căn vặn hơn kỹ - sư Bigorne thời Pháp - thuộc, nhưng có thể việc mới chạy, giá ông làm Tổng-thanh-tra như Bigorne thì không biết chừng được việc hơn làm Tổng-thống.

Tôi nghĩ ông có làm Tổng-thống mới đạt nổi kết-quả mong đợi ở một Tổng-thanh-tra.

Dù sao, ông đã bị chỉ-trích về hai quyết-định quan-trọng : cho làm lại thiết-lộ Sài-Gòn Huế, và mở xa-lộ Sài-Gòn Biên-Hòa.

Đường xe lửa Liên-Việt đã bị phá hoại mấy ngàn lần, trong thời chiến tranh Đông-Dương, nên từ 1955 đã có người lo ngại rằng sẽ khó bảo vệ ở trường-hợp tái - thiết, thà đề ngân-khoản chữa lại quốc-lộ số 1 : như vậy, sẽ tránh được nhiều phí tổn và thiệt hại, còn khuyến khích được sự phát triển ngành vận tải bằng xe hơi xe đò ; đường đá dễ trông nom hơn đường sắt.

Người khác đề nghị dành tiền lập những đoàn tàu cận-duyên, để liên lạc với miền Trung : đỡ tốn hơn, khó bị cản trở, và nếu đường bộ bị cắt, thì hải-thuyền vẫn chạy ; vả lại, VN là xứ có nhiều bờ biển, rất cần lập ngành hải-vận, đã có Hàng-không VN, thì càng nên có Hàng-hải VN.

Hai ý-kiến trên đều đã bị gạt bỏ, nhưng về sau, thời-cuộc cho thấy là thiết thực hơn. Sự phá hoại đã khiến xe lửa phải ngừng chạy trên nhiều quãng dài, cơ-quan Hoả-xa bị thua lỗ mãi, rồi khi xảy ra vụ lụt kinh khủng ở miền Trung, năm 1964, đồ cứu trợ bị chong chát tại Sài-Gòn vì thiếu tàu biển, hậu-quả rất đáng buồn cho hàng chục vạn nạn nhân.

Về xa lộ Sài-Gòn - Biên-Hòa, đã có nhiều người trách : hao tổn quá, thiếu chi việc đáng làm hơn, mà bỏ ra hàng chục triệu xây đường hóng gió hoặc mở lối đi lại cho xe hơi của làng Đại-Học... Song mục-dích, thực ra là khai thông một khu

kỹ-nghệ tân-tiến cần có đủ trang-bị và tiện-nghi, và nhất là tạo cơ-hội huấn luyện chuyên-môn từ thợ đến kỹ-sư, cho họ rút kinh-nghiem về kỹ-thuật lực-lộ mới nhất và tốt nhất, Nếu gửi nhân-viên ra ngoại-quốc tu nghiệp, bắt quá dăm bảy người, còn thí nghiệm ngay trong nước, thì 5000 người được dịp học hỏi bằng cách thực-tập.

Tôi còn mong rằng ở nhiều ngành khác cũng có những công-tác đại qui-mô thực hiện theo các phương-pháp mới, để các cấp chuyên-trách hiểu biết thêm mà phục vụ đắc-lực hơn. Chúng ta không thể trải mãi nhựa đường theo lối Công-chánh Bắc-kỳ 1920 hay Nam-kỳ 1930 : đặt thùng hắc-in bên vỉa hè, lấy củi than đốt khói mù khét lẹt, rồi mấy anh chị công-nhân khoan thai cầm chổi quét nhựa bầy-nhầy lên những lớp sỏi đá mấp-mô lẫn cả những mảnh sắt vụn, chìa khóa gãy hay nắp hộp cũ...

Nếu cứ tô điểm sơn-hà như vậy, thì còn quá thiếu những con đường dẫn tới bến vinh-quang...

Đ. T.

Kỳ tới : Quân-sự Nội-trị và Ngoại-giao

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Quán qua đêm

● HOÀNG-NGỌC-TUẤN

*. . . như lệ nồng nàn rơi mòn lồng tim say
và môi bỏng cháy mềm điệu thuốc cuối cùng
đêm không dài sao chờ hoài chưa qua mau*

H. N. T.

Một vài ánh sáng vàng vọt hắt ra từ những khung cửa sò, không đủ soi sáng mặt đường. Thành phố đã đi vào bóng tối như mọi đêm. Tôi đứng bên ngoài cửa phòng, quay đầu nhìn lại một quán nước ở xa xa đèn thấp nhỏ và mờ hồ như ngọn nến. Căn phòng quen thuộc của tôi với chiếc giường bố tôi sẽ nằm như biết bao đêm. Đêm ngủ mê hay đêm thức trắng mắt không hề nhắm lại. Một tiếng gọi của ai đó làm bàn tay đang loay hoay với chiếc chìa khóa phòng của tôi dừng lại. Khoảng không tối đen trước mặt dần dần đậm nét một bóng người. Phối. Gã con trai trong bộ áo nhà binh rộng thùng thình và đầu tóc mới cắt thật ngắn gần như trọc. Phối trước đây cùng ở với tôi trong căn phòng này một thời gian, cùng có những ngày thất nghiệp đi vất vơ và đói cơm như tôi, hắt vào lính cách đây khoảng một tháng.

Hàm răng hằn cười trắng bóng trong bóng tối. Tôi bắt tay hằn và nói vài câu thăm hỏi như thường lệ. Hằn nói được nghỉ phép cuối tuần, ra khỏi quân trường từ hồi trưa nhưng phải đi vài vòng lên nhà người quen vay tiền. Rồi hằn cười không có duyên có gì cả.

Hằn là cái thẳng như thế. Thỉnh thoảng lại cười mặc dầu không có chuyện gì đáng cười cả. Hằn rủ tôi ra phố đi tà tà một vòng. Tôi đã chán chuyện ấy. Tôi nói :

— Mới đi về đây.

— Thì đi nữa. Tìm quán nào chui vào uống một ly cà phê.

— Tao không còn một đồng trong túi.

Phối đưa tay sờ vào túi quần của hằn. Hằn nói còn gần được hai trăm

đồng, thừa đủ cho hai ly cà phê và bao thuốc lá, nhưng không đủ để vào một phòng trà nào đó nhìn mấy cô nàng ca sĩ nhún nhảy dưới ánh đèn màu.

Phố phường tôi đã đi mòn chân, quen thuộc và nhàm chán như nhìn thấy mãi bộ mặt mình trong gương. Sài-gòn bây giờ mười giờ là giới nghiêm, nhưng sinh hoạt thành phố dường như đến mười giờ là ngưng hẳn lại. Tôi cùng đi với Phối ra phía đường phố. Chỗ tôi ở là một khu đất nằm thu mình trong bóng tối đen ngòm sau lưng những con đường chính trong trung tâm thành phố. Tôi hỏi Phối còn thuốc lá không. Hắn đưa cho tôi bao thuốc lép kẹp, nhàu nát như một miếng dẻ rách. Điều thuốc cong queo rung rung giữa kẻ môi tôi. Ánh lửa sáng lên từ một cây diêm nhỏ, khói cay ủa vào trên lưỡi chỉ thấy đắng nghét và khô nóng. Bụng hơi cồn cào một chút, bữa cơm chiều với một đĩa cơm nhỏ, hai miếng tàu hủ, ly trà đá và bộ mặt nhăn nhó của bà chủ quán tiêu hóa đi đâu mất thật nhanh làm tôi hơi đói bụng.

Những bàn đặt bên ngoài quán không có ai ngồi. Chúng tôi chọn được một chỗ ngồi vừa ý, bàn đặt trên lề đường, từ đó con đường phố gần sát trước mặt. Xe cộ chạy ngược xuôi ồn ào, những vệt ánh sáng từ cặp đèn xe hơi nhẩy múa như người điên. Bây giờ có lẽ mới bảy giờ tối. Con đường mới ban chiều còn nhộn nhịp bước chân người và màu áo đàn bà tươi thắm, bây giờ vắng lặng. Thỉnh thoảng một vài thằng bé đánh giày lững thững đi qua, hộp đồ nghề trong một tay và điều thuốc lập loè đỏ chói trong bàn tay kia.

Tôi gọi một ly cà-phê, Phối cũng thế mặc dầu cà phê ở đây rất tồi, thứ cà phê hạng bét lại còn được pha theo kiểu "bít tất" vội vàng. Phối nói vắn vơ về những ngày trong quân trường của hắn. Một nhọc, ánh nắng mặt trời, áo lính dày thấm ướt mồ hôi và thèm ngủ. Tôi nói thèm ngủ sao bây giờ lại còn rủ đi uống cà phê. Hắn cười không nói gì. Rồi cũng như tôi, cũng như những thằng con trai trên trái đất này, hắn gắn một điều thuốc lên môi và hút liền tay.

Ghế đá nằm dài theo hai bên đường. Trên đó, một vài cặp tình nhân ngồi bên nhau như hai bóng ma. Vài ả gái giang hồ mặc áo quần cốp theo mốt mới nhất ở Pháp, ngồi đợi một chiếc xe hơi nào đó đến rước đi. Vài ả ma ri sến trong bộ áo bà ba cổ truyền, cũng đợi một anh chàng có xe gắn máy nào đó đến tán tỉnh. Sài-gòn ban đêm bây giờ hình như chỉ những quán rượu cho khách ngoại quốc và phòng trà ca nhạc là còn mở cửa và nhộn nhịp tiếng người. Hai hàng phố chính cửa đóng kín, những người bán dạo đang thu dọn đồ đạc vào trong một chiếc xe gỗ nhỏ, sửa soạn về nhà. Ánh sáng phảng phất từ một căn lầu bên kia đường sáng chói. Tiếng hát của một cô ca sĩ xa xăm vọng xuống chỗ tôi ngồi, âm thanh và nhạc điệu nghe mơ hồ đứt đoạn. Giọng hát cao lạnh lạnh vang lên thật cô đơn trong đêm, như một loài chim đêm không tìm được đường bay về tổ ấm.

Giọt cà phê chỉ có mùi đắng trên lưỡi. Điều thuốc thắp đỏ lên rồi tàn

mau chóng. Một cô bé gái đi lại phía chúng tôi, trên tay là một xấp vé số.

— Mua giùm em vài tấm đi anh, chiều mai xò.

— Tụi này giúp vốn cho chính phủ về cái vụ này nhiều lắm rồi, chẳng bao giờ trúng cả. Số tụi này đen lắm, đánh bạc còn thua hoài mà.

Cô bé chừng mười tuổi. Cô bé cười làm duyên, ngồi xụp xuống dưới chân tôi như một tên nô lệ thường thấy trong phim dã sử La mã. Hai tay cô bé đặt lên đùi tôi, xoa nhẹ nhẹ như bàn tay của một ả giang hồ lạnh nghề. Đôi mắt cô bé gượng tình tứ, lóng lánh và ngơ ngáo làm tôi muốn khóc hay muốn nôn mửa được.

— Mua đi anh, em còn có vài tấm. Mấy tấm cuối cùng hay trúng độc đắc lắm anh à.

Tôi cảm thấy nhức nhối trong đầu óc. Vừa mệt vừa khó chịu, không phải vì cái giọng van nài lải nhải, mà vì giọng nói bé bỏng thật trong veo, yếu đuối như một cô nữ sinh lớp ba đang đọc bài tập đọc.

— Mày còn có hai chục, mua cho nó một tấm đi Phối.

Phối đưa cho nó mấy tờ giấy bạc và lấy một tấm vé số nào đó. Cô bé tần ngần đứng dậy, có vẻ chưa muốn đi ngay. Có lẽ nó chờ đợi những lời hỏi han mà nó thường gặp. Những ông khách dư dả tốt bụng, thường ra vẻ xót thương hỏi nó mấy câu : Em mấy tuổi, ba em làm gì, em có đi học không. Những ông khách ra vẻ chú ý đến hoàn cảnh của một người nghèo khổ, thường chộp miệng thử dài đúng trong một giây rồi quay lại với món bồ câu hầm đậu xanh và chai rượu vang trắng. Tôi chán cái trò ấy, tôi nói hình như hơi lớn tiếng : bán xong rồi đi chỗ khác chơi ! Tôi cố gắng làm cho giọng nói được dịu dàng, nhưng không hiểu sao vẫn đầy một vẻ nóng giận không lý do. Con bé sợ hãi nhìn tôi rồi lui đi mất. Tôi cảm thấy buồn bã lạ thường. Thân hình gầy nhỏ của cô bé mất hút dễ dàng trong bóng đêm, như một giọt nước rơi trên cát nóng.

Một khoảng thời gian im lặng, không biết chừng bao nhiêu lâu. Rồi tiếng nói của người bồi sau lưng làm tôi giật mình.

— Xin hai ông về cho, đến giờ quán đóng cửa rồi.

Phối ngạc nhiên :

— Mới hơn bảy giờ, đóng cửa gì sớm vậy ?

Mặt người bồi trông trạc tuổi tôi, anh ta gật gật đầu, cố gắng mỉm cười và giọng nói nài nỉ.

— Dạ, ông chủ bảo dọn dẹp bàn ghế sớm thì cho tôi nghỉ sớm. Chỗ tôi ở tám giờ là giới nghiêm rồi.

— Anh ở đâu ?

— Gần chợ Gò Vấp. Giờ này mà về là cũng trễ rồi.

— Đón xe gì về ?

— Dạ tôi đi xe mô-bi-lét, lạy t ời cho chiếc xe ấy đứng nằm vạ giữa đường. Thời buổi này mà ngơ ngơ trong giờ giới nghiêm lính tráng họ bắn liền.

Chúng tôi đứng dậy. Trên bàn còn hai ly cà phê đang uống dở và bao thuốc trống không. Phối đưa tiền cho người bồi. Anh ta nói cảm ơn rồi lui hui xếp bàn ghế quanh quán để khiêng vào nhà. Phối nói bây giờ đi đâu đây. Tôi nói ở đầu đường này có vài quán nước chắc bây giờ còn mở cửa. Phối dừng lại một lúc ở sạp bán thuốc để mua bao thuốc lá, hẳn định mua một bao thuốc bạc hà có đầu lọc để hút cho khỏi khô cổ, nhưng tôi đề nghị mua bao thuốc có vẽ hình con lạc đà. Tôi thích cái hình vẽ trên bao thuốc này, con lạc đà nhỏ nhoi đứng thật âu sầu trong sa mạc.

Quán sách của cô Nga ở ngã tư đường vẫn còn bán, nhưng có lẽ giờ này không còn ai đến mua. Tôi liếc nhìn hình bìa của những tờ tạp chí treo thành hàng dài và những chồng sách xếp cạnh nhau nằm trên sạp. Tôi nói với Phối mua một cuốn gì đó hay chốc nữa về phòng tôi lấy vài cuốn sách đem vô trường đọc. Hẳn lắc đầu, nói ở trong đó không có thì giờ nhai cơm hay đi vệ sinh nữa. Dư được phút nào là ngủ phút ấy, có khi ngủ li bì trong giờ học ngoài bãi nắng.

Cô gái bán sách mặc chiếc áo bà ba trắng. Nàng đang cầm trên tay một tờ báo phụ nữ và có vẻ lắng nghe tiếng hát từ trên phòng trà vọng xuống. Tôi ho một tiếng là nàng giật mình nhìn lên.

— Giờ này mà chưa về nhà sao chị Nga ?

— Chốc nữa. Mỗi ngày bán từ sáng đến hơn tám giờ tối, mình buồn bán thêm được phút nào hay phút nấy.

— Bây giờ còn ai mua nữa đâu. Chị không thấy mấy hàng sách khác họ đóng cửa hết rồi.

Cô gái mỉm cười, giọng nói của nàng không biết buồn bã hay thản nhiên :

— Người ta giàu. Mình nghèo mình phải chịu khó mới sống nổi chứ.

Tôi quen thuộc với quán sách này. Quán của hai mẹ con cô Nga. Người mẹ bán vào buổi sáng, cô gái bán từ trưa đến tối. Lát nữa, nàng sẽ một mình xếp những chồng sách vào chiếc thùng gỗ, và có lẽ nàng sẽ tần ngần một lát để nghe đoạn cuối của bản tình ca do một cô ca sĩ nào đó đang hát trong phòng trà. Rồi nàng lặng lẽ gọi một chiếc xe xích-lô, một mình trong đêm trở về căn nhà nhỏ ở ngoại ô thành phố, bên kia cây cầu, có bà mẹ đang đợi chờ bên mâm cơm. Và sáng mai sẽ trở lại thành phố ồn ào này.

— Còn anh, giờ này còn đi đâu vậy ?

— Tụi này kiếm một cái quán cà phê nào đó chui vào ngồi.

— Uống đề mà thức trắng đêm à? Có mấy cuốn sách mới xuất bản kìa, anh mua không?

— Đề mai sáng mua, chị Nga. Bây giờ hết tiền rồi. Vả lại đi chơi mà cầm sách trong tay coi kỳ cục lắm. Tôi chỉ khoải bỏ hai tay vào túi quần thôi, dĩ nhiên là nếu có kẹp điều thuốc thì phải bỏ một tay ra ngoài.

Tôi không hiểu sao lại có thể nói một câu vớ vẩn không đầu không đuôi như thế.

Tôi kéo áo Phối dọc đi. Cái thằng này có vẻ như ngủ gục trên những bước chân nặng nhọc của nó. Chúng tôi băng qua đường. Ngọn đèn đường với ba màu thay đổi bây giờ dường như không còn cần thiết vì đã ít xe cộ. Quán nước ở đầu đường đã đóng kín cánh cửa song sắt, bên trong là bàn ghế xếp vào một xó. Hai ba quán gần đó cũng đã đóng cửa, không hiểu tại sao người ta nghỉ bán thật sớm, làm như giờ này thiên hạ đều nằm trong nhà ngủ hết. Phối hỏi bây giờ mình đi đâu đây. Tôi nói chính hẳn là người rữ tôi đi chơi đêm nay, phần tôi chỉ muốn quay về nhà. Phối nói đầu sao một tuần hẳn mới được ra phép một lần, nhìn thành phố này một ngày và mai lại trở về quân trường rồi. Cứ đi lang thang để nhìn lại những con đường và phố phường quen thuộc. Phối hỏi:

— Quán cà phê Văn bây giờ còn bán không?

— Đẹp tiệm từ hồi Tết rồi. Cái bọn thi sĩ bán quán ấy coi bộ không biết cách làm ăn, chúng hạ bảng hiệu sau khi không còn được ba chục đồng đề mua một trăm gam cà phê.

Trước kia đêm nào tôi cũng ngồi ở quán Văn, một cái quán cà phê luộm thuộm và bê bối hết chỗ nói do một bọn sinh viên điều khiển. Ở đấy cà phê pha lạt thối và cứ phải nghe mãi những bài hát quen từ một cái magnétophone cũ mèm. Nhưng tôi yêu cái không khí dễ thương, thân mật của quán. Và cũng vì tôi có một vài người bạn thân ở đấy: Toại, Sơn và một cô gái tôi không còn nhớ tên, ngồi như con mèo con sau quầy hàng. Cô gái có chiếc răng khềnh ngộ nghĩnh và đẹp êm ái như loài hoa Orchidée, thứ hoa mà nàng rất thích. Đêm nào tôi cũng bắt gặp một nhánh Orchidée màu tím mềm mại trong chiếc bình con trước mặt nàng.

Tôi chợt nghĩ đến quán Thu Hương ở Tân Định. Tôi nói điều đó với Phối nhưng hẳn bảo bây giờ có xe gì mà đi, không lẽ cuốc bộ gần hai cây số để uống một ly cà phê rồi lủi thủi đi về. Tôi biết chuyến xe buýt Sài-gòn — Gò Vấp có một trạm dừng lại trước quán ấy. Chúng tôi chậm chạp đi đến trạm xe buýt chờ xe.

Trạm chờ xe vắng ngắt không một ai đứng đợi. Một lão hành khất ngủ co quắp trên băng ghế. Tôi đứng dưới tấm bảng màu vàng đầy những chữ, nhìn về phía chợ Bến Thành là nơi xe buýt sẽ từ đó chạy lại. Không biết giờ này

còn chuyển xe nào không. Phối bỗng kêu lên : có xe. Tôi chạy ra giữa đường đưa tay vẫy với tất cả những dáng điệu tội nghiệp nhất để gã tài xế cho xe dừng lại. Chiếc xe dừng lại một lúc ngắn ngủi đủ cho chúng tôi nhảy vào cửa, rồi nó rú ga phóng nhanh như một chiếc xe đua.

Lão già bán vé với xấp vé trên tay đi đến chỗ chúng tôi ngồi. Phối móc túi định lấy tiền nhưng lão khoát tay lắc đầu, lão cũng không buồn bán vé để thu thêm vài đồng bạc cắc. Lão mệt nhọc đi từng bước trên chiếc xe tròng tránh về phía người tài xế, lão nói vài câu gì đó với người tài xế rồi dựa người vào băng ghế, mắt lim dim lắng nghe tiếng ca mùi mẫn của một cô đào cải lương vang lên từ chiếc ra-dô nhỏ. Hai thằng bé bán cà rem ngồi ở băng ghế trước mặt tôi, đang thò đầu ra khỏi khung cửa xe để ngắm xe cộ. Trên băng ghế đằng cuối xe là một cô gái ngồi im lặng với điệu thuốc lá đỏ rực trên môi, chắc cô ả là một gái điếm.

Tôi buồn buồn nhìn hàng cây vệ đường chạy ngược chiều về phía mình. Những cột đèn đường còng xuống như lưng người già.

Xe dừng lại. Chợ Tân Định đang kia mập mờ ánh đèn vàng. Người tài xế dục tôi và Trịnh xuống nhanh.

— Chốc nữa còn chuyển nào chạy trở lại Sài-gòn không ông ?

— Không, chuyển này là chuyển cuối. Hai cậu đón xe Tắc xi mà về.

Tôi quay sang cười với Phối.

— Thề là lát nữa phải cuốc bộ về nhà, chân mày có vẻ rã rời rồi phải không ? Đừng trách móc gì cả, vì cái thằng cù rữ đi uống cà phê đêm là mày.

Phối không nói gì. Hắn đang đứng nhìn quán cà phê bên kia đường trước mặt. Ánh đèn mờ hắt hiu và loáng thoáng những đầu tóc người trong sân quán, bên ngoài là một hàng xe gắn máy.

oOo

Khách hàng của quán cà phê này thường thích ngồi ngoài vườn hơn là trong phòng có đèn sáng và âm nhạc. Tôi cũng thế, chúng tôi chọn một chiếc bàn ở góc vườn, sát bên cạnh những song sắt của cánh cửa có nhiều tầng lá phủ đầy. Ngoài kia xe cộ chạy từ hướng cầu Kiệu đổ về Saigon tuy thưa thớt nhưng nối tiếp như một dòng nước không đứt đoạn.

Trong vườn tràn ngập khói thuốc bông bành, những bộ mặt trẻ tuổi đã sớm mang nhiều nét già nua mỗi một và tiếng người ồn ào trò chuyện. Người bồi đem đến cho chúng tôi hai ly cà phê với chiếc « phin » nhỏ đặt trên ly; giọt cà phê đen đặc nhỏ từng giọt một. Giọt nước đậm đặc như tảng băng, chậm chạp rơi từng hạt vỡ vụn trên thủy tinh, lan ra những hình thê kỳ dị. Giọt nước hứa hẹn biết bao cảm giác ngon lành và thơm phức, rơi từ tốn để kéo dài thời gian chờ đợi, làm cơn thèm thường càng

thêm tăng. Độ hai mươi phút qua, nước cà phê đã đầy được một phần tư ly, số lượng vừa đủ để chế thêm đá lạnh. Tôi đưa tay ra đầu cho người bồi Gã bồi quán ở đây là một anh chàng khó tính nhất thế giới, hình như gã là bà con gì đó với chủ quán nên chẳng bao giờ gã sợ bị tổng cò ra khỏi quán cả. Mặt gã luôn luôn nhăn nhó một khi có người khách nào đòi hỏi thêm một thứ gì, đầu là một chút đường, nước sôi hay đá lạnh. Gã bồi bỏ vào ly của tôi vài viên đá lạnh trong veo, tôi cho thêm vài muỗng đường rồi khuấy mạnh. Lát sau, chất nước nóng hồi thấm trên lưỡi đậm đà như một thứ trái cây kỳ lạ, thêm với khói thuốc lá và nỗi trống trải thật bao la trong đêm, đã đem lại cho tôi một cảm xúc thi vị mơ hồ, ngây ngất như khi được nghe một bài hát tuyệt hay, chẳng hạn như bản *vết lẫn trầm* của một gã nhạc sĩ lãng tử.

Những lúc có tí tiền, tôi lang thang suốt ngày từ quán cà phê này sang quán khác. Có khi ngồi ở mười quán trong một ngày, đến nỗi ly nước và bao thuốc lá không còn mùi vị. Đã như một thói quen không thể bỏ được, ngồi ở quán cà phê không phải là thêm một ly cà phê ngon, chỉ để cơn trống rỗng thêm trống rỗng, cơn buồn càng thêm buồn.

Một chút tiếng người, một chút âm nhạc, một chút không gian khói thuốc cay, một chút thời gian lắng đọng, một chút nhộn nhịp của bọn người ngợm xa lạ đi qua trước mắt. Tất cả những thứ ấy vây bủa quanh tâm hồn và cảm giác như mùi đất thơm yêu dấu của quê nhà, và tôi đã ngất ngây với mùi hương ấy.

Đêm nay vắng lặng. Trước mặt quán là một tiệm bán quan tài danh tiếng nhất thủ đô, ngay bây giờ tôi có thể nhìn thấy khách hàng đang chọn lựa những vòng hoa điệu tang, ngoài cửa tiệm là một vài chiếc xe nhà binh. Trước kia, một thằng bạn thân có lần cùng ngồi với tôi ở quán này, nó nói đùa «tụi mình từ đây đi qua đó chỉ một bước ngắn». Rồi thằng bạn ấy đi lính và nó đã đi qua cái bước ngắn ấy thật, chết trên cầu Bà Di ngoài Bình Định trong một ngày đầu xuân. Phối bây giờ đang chăm chú nhìn tiệm bán quan tài, hần mím cười và tôi chắc rằng trong óc hần cũng có cái ý tưởng đùa cợt đó. Tôi lo sợ hần sẽ nói ra, chỉ một lần trùng hợp giữa lời nói bông đùa và sự thực cũng đủ làm tôi tin dị đoan. Tôi nói để đánh trống lảng.

— Ra trường chắc mày khoái được đòi về Cần Thơ lắm hả? Ở đó tha hồ mà gặp lại bạn bè, tha hồ nhậu nhẹt suốt ngày với lươn um, ếch chiên bơ, cá lóc nấu chua trong những quán cóc trên bến sông.

— Đâu cũng được. Quảng Trị, Cà Mau, lính tác chiến, lính văn phòng gì đối với tao cũng vậy.

Tôi đã quen thuộc với tính nết của thằng này. Hần to con như một nông phu và có vỏ Đại Hàn dai đen nhưng hiền và dễ tính như Phật, ai chế diễu gì hần chỉ biết nhe răng ra cười. Tôi nói:

— Bây giờ suốt ngày mày chỉ lo chùi súng và tập bắn bia cho chính xác để sau ra trận bắn người cho trúng. Vườn hoa gì đó của mày chắc là đẹp luôn rồi hả.

Phối im lặng, không thấy hần cười. Tôi hơi hối hận đã làm hần buồn. Đêm nào đó hần say sưa kể cho tôi nghe giấc mơ của hần. Có một miếng đất nhỏ ở cao nguyên, Đà Lạt hay Ban mê Thuột, xây một căn nhà gỗ màu nâu, vườn ươm đủ giống hoa hồng và trồng rau trái, nuôi gia súc. Nếu dưới mái hiên rộng rãi sẽ đặt vài bộ bàn ghế và mở quán cà phê, khách hàng ngồi dưới mái hiên mát dịu những thứ hoa leo kín và ngắm nhìn vườn hồng lộng lẫy. Đêm ấy tôi cũng say sưa theo với hần như uống hết một chai rượu nồng, tôi hứa sẽ lên cao nguyên với hần để ngủ suốt ngày trong khu vườn có hoa thắm và chim chóc hót vang.

Giấc mơ nhỏ nhoi đến nỗi không thể gọi là một giấc mơ, nó quá bé bỏng và dễ dàng đối với biết bao nhiêu người. Nhưng bây giờ, đời lính, súng đạn, chiến trường... có lẽ Phối cũng đang nghĩ đến những ngày sắp tới của hần như thế. Biết bao giờ...

Phối nói băng quơ : Hôm nay là ngày chủ nhật, lại bảy ngày nữa mới được ra phép. Tôi cười buồn. Đã lâu tôi không còn nhớ đến ngày tháng. không còn phân biệt được ngày chủ nhật, hay ngày thường. Mỗi tuần tôi có bảy ngày chủ nhật, bảy ngày ăn không ngồi rồi lơ lảo và buồn chán đến chết đi được. Mỗi sáng mai và chiều tà ngồi ở một tiệm cà phê góc đường, ngắm nhìn mặt trời đỏ dần và tắt hần trên ngọn cây. Buổi sáng đợi buổi cơm trưa, cơm trưa xong đợi chiều tối, đêm về nằm dài người chờ đợi một ngày khác trở lại. Ngôi trường đại học không còn quyến rũ tôi với cái vẻ lớn lao của nó như trong những ngày đầu tiên. Chữ nghĩa, thầy giáo, sách vở ngày càng trở nên một cái gì thật vô duyên kỳ lạ, và phải giao thiệp với nó một cách mệt nhọc để triển hạn đời sống thường dân, kéo dài cái ngày vào quân đội. Không một việc làm, không niềm tin, không học hành, không có một người để yêu thương. Tôi kéo dài đời sống với những bước chân thất tha suốt ngày đến bao giờ. Tôi châm một điếu thuốc, nghe tiếng nói lẻ nhè của Phối :

— Bọn mày bây giờ có thằng có công việc gì làm không?

— Cũng một vài thằng, trừ tao, Toại nó làm báo, lương tháng vừa đủ để tao và nó uống la de chừng hai đêm. Tao thì chịu. Không làm ra một đồng nào cả. Đọc cả một đống sách nào là “làm thế nào để trở thành triệu phú”, “làm thế nào để hái ra tiền một cách dễ dàng”, cũng không biết phải làm thế nào cả? Rốt cuộc chỉ có thêm trong đầu óc một kết luận quý quái: “Cách kiếm tiền dễ nhất là đi vay, mày thấy đó, tao dần dần trở nên một ông chúa chồm

Phố. lặc đầu, hần nói vào quân đội mình phải đánh mất nhiều thứ

lắm, đôi khi không còn nhận ra mình được nữa. Tôi không nói gì, những ý tưởng quen thuộc được nuôi sống dai dẳng không biết từ bao lâu trong đầu óc, bây giờ ào ạt tràn ngập như muốn nổ bùng thành lời nói. Tôi nói với Phối bằng cái giọng cốt làm hấn chú ý.

— Nay Phối, cái bi đát của bọn mình bây giờ ..

Phối khoát tay, môi nó trề ra tỏ vẻ khó chịu :

— Thôi dẹp cái trò triết lý ra một bên đi. Lại sắp sửa nói đến bi đát, buồn nôn, phi lý... ra rồi phải không ?

Tôi cười buồn. Phối hiểu lắm tôi rồi. Tôi chúa ghét những thằng triết lý ba xu, chuyên môn xài những danh từ lớn cộp nhặt trong sách giáo khoa triết học.

Nhưng đêm nay, tôi đành chịu không thể tìm ra một chữ nào khác để diễn tả những ý tưởng còn mù mờ như một màn sương. Chính cái đó, cái bi đát, của tôi, của tuổi trẻ chúng tôi là phải mang đeo đẳng trên người một đời sống vất vưởng, ngoại cnộc, không thuộc vào một thể hệ nào cả. Người ta lấy tiêu chuẩn gì để xếp chúng tôi vào một tầng lớp rồi đặt cho cái tên gọi thông thường là thể hệ ? Tuổi tác ư ? Tôi không may mắn như những người trẻ tuổi như tôi, áo quần bảnh bao không kém một người nào ở những nước văn minh giàu có trên thế giới, mỗi đêm vui đùa trên sàn nhảy với bó tiền trong túi, đàn bà ôm trong tay và xe hơi êm ái. Tôi cũng chưa đến nỗi bất hạnh như người lính trẻ tuổi tôi, đêm nay đang lẫn lộn trong sinh lũy ở một miền đất heo lánh nào đó vùng biên giới, cái chết và sợ hãi lớn vồn bên người. Tôi cũng không được vô tư một cách hạnh phúc như những cậu thư sinh ngày đêm miệt mài trong sách vở, chăm chỉ và đều đặn giựt lấy những mảnh bằng, rồi ra đời có một địa vị, một mái nhà và suốt cả đời an bình như một giòng sông hiền hậu. Tôi cũng không hăng hái, đầy nhiệt huyết như những người tuổi đôi mươi lao đầu vào đường chính trị, với biết bao kế hoạch cách mạng trong đầu óc, với sự yểm trợ của lực lượng bên này hay bên kia.

Tôi không ở trong một lớp người nào cả. Tôi thêm được tìm thấy một tâm hồn nào đó có vài điểm giống mình, cũng có những ước mơ, cảm nghĩ, niềm tin như mình. Nhưng đành chịu, hình như tôi sống một mình trên mảnh đất có hai mươi mấy triệu người này. Điều tuyệt vọng nhất của tuổi trẻ bây giờ, hay có lẽ của một mình tôi thôi, là không những chán mứa những kẻ đàn anh, những kẻ thuộc thể hệ, ông cha mình, mà chán mứa ngay với những người đồng tuổi.

Tất cả những ý nghĩ ấy quay cuồng hỗn độn trong đầu óc tôi. Tôi muốn nói với Phối những điều ấy, nhưng tôi không nói được. Hình như một vài cái gì nằm sâu trong tận cội rễ của tâm hồn đều không thốt ra lời được.

Chúng cảm lạnh đã lâu rồi trong tôi, và rồi cuộc cảm lạnh đã là một thói quen thua thiệt.

Tiếng nổ lớn ở một khu phố nào đó trong thành thị làm tôi giật mình. Chắc lại có pháo kích như mọi đêm. Không biết hôm nay là ngày sinh nhật hay ngày kỷ niệm chiến thắng gì của những người du kích cộng sản không. Thời buổi này người ta ăn mừng bằng những quả bánh văn minh hơn, tiếng nổ của đại bác reo vang ầm ĩ hơn tiếng pháo nhiều.

Tôi nhìn khuôn mặt của Phối, nó này giờ không nói gì, mặt đăm đăm buồn bã. Tôi muốn nói một cái gì, bất cứ một điều gì để cho không khí tươi thắm thêm một chút. Không khí của đêm trôi chậm chạp và thuốc lá đã làm tôi mệt mỏi.

— Này Phối...

Hắn giật mình.

— Gì vậy ?

— Tao có chuyện này cần nói với mày. Mày còn nhớ con nhỏ ngồi kết ở quán cà phê Văn hồi trước không ?

— Nhớ. Cô nàng xinh xinh mà bọn khách thường gọi là Bông Hồng của quán phải không ?

Tôi cảm thấy bức mình.

— Cái gì mà gọi là Bông Hồng ? Tao gọi nó là hoa orchidée. Mày không thấy nụ cười của con nhỏ có cái vẻ hoa Orchidée quyến rũ chết người hay sao.

— Ừ. Thôi thì đồng ý với mày cho xong chuyện. Mà mày định nói chuyện gì về cô-gái-hoa-Orchidée ấy.

Tôi nói nhỏ với Phối với giọng trịnh trọng và bí mật :

— Con bé đó có 34 cái răng mày ạ, 33 cái răng thường và một chiếc răng khềnh. Chính nó nói với tao như thế.

Phối ngạc nhiên, hắn hỏi với giọng nói bức bối như người vừa bị đánh lừa :

— Rồi sao ? Có 34 cái răng rồi sao nữa ? Thế mà mày cũng bày đặt chuyện nói.

— Mày không thấy có gì lạ sao ?

— Không. Có cái bộ óc của mày là đáng lạ lùng thôi.

Tôi nói buồn buồn :

— Thế thì thôi vậy. Có lẽ cũng không có điều gì lạ cả, tao nói vắn vơ cho đỡ buồn.

Hình như tôi không còn tìm ra được câu chuyện gì thú vị cả. Hình như suốt đời tôi chỉ nói và làm những chuyện vắn vớ, thật vô ích và lặt lẻo đối với người khác.

oOo

Quán dần dần vắng người. Tiếng nói của người lần hồi nhỏ lại. Bây giờ âm thanh dịu dặt của một bài hát nào đó, từ một góc quán vang lại chỗ chúng tôi càng lúc càng rõ ràng.

Ở đây không có âm nhạc hay. Xen lẫn với một lô nhạc thời trang chói tai, thỉnh thoảng mới có được một bài hát tiền chiến vang lên thật nhỏ nhoi từ chiếc máy hát cũ kim đĩa đã mòn. Bài gì đó tôi đã nghe hôm nào, người đàn bà với điệu thuốc lá giữa kẻ tay và có lẽ với một trái tim buồn dẫu kín, môi đầy âm thanh và khói thuốc bông bênh. *Ôi giấc mơ xưa mộng đời phiêu lãng giang hồ... Sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên bờ sông Danube những đêm sáng sao...*

Chỉ còn là giấc mơ. Bây giờ làm gì mà có thể phiêu bạt giang hồ. Ngay trong quê hương mình cũng không thể viếng thăm cho biết. Chiến sự, cầu gãy, mìn đặt trên đường, tròng súng phục kích từ rừng rậm.. Những con đường quen thuộc trên đất nước biến thành những con đường của chết chóc, còn hơn là đường hẻo lánh trong rừng rậm Phi châu. Tôi muốn được đắm mình trong những dòng sông đã học thuộc lòng tên tuổi trong sách Địa-lý của thời học trò bé bỏng. Sông Hồng Hà, Sông Nhuệ, Sông Mã... tôi chưa bao giờ được nếm say sưa một ngụm nước ngọt ngào, còn nói gì đến dòng Danube xanh biếc xa vời.

Phối hát khe khẽ theo bản nhạc. Giọng hát của nó dờ chưa từng thấy nên tôi phải bảo nó im lặng đi. Hắn nhe răng cười, nói về đi thôi. Tôi bảo hãy hút cho hết thuốc cuối cùng, để được vò nát trong tay bao thuốc rỗng không như tâm hồn mình, ném lẫn lóc ra ngoài đường vắng. Phối gặt đầu, hắn nói chốc nữa về nhà tôi đừng gọi chuyện gì nữa, hắn cần một giấc ngủ để sớm mai còn phải dậy sớm đón xe đò vô quân trường. Hắn hỏi:

— Ngày mai mày có định đi đâu không ?

— Không. Nếu có tí tiền thì lang thang chỗ này chỗ nọ. Không chừng lại tìm đến cái quán quỷ quái này như đêm nay.

— Buồn quá nhỉ.

Tôi nói hắn đã biết điều đó lâu rồi. Hắn đã ở chung với tôi trong một thời gian khá lâu, và cũng đã có những ngày tháng trống không như thế. Những thằng bạn thân khác của tôi cũng vậy thôi. Toại, Sơn, Lai, Hiếu, Hiệp, Giang, Tự, Hối... và danh sách này còn dài nữa nếu cái trí nhớ của tôi không đến nỗi quá bê bối. Chúng đã một thời sống đói khổ với tôi. Một thời ngồi

trước ngõ như một con chó đói chờ một thằng bạn nào đó đến rủ đi chơi, ổ bánh mì là bữa cơm gặm dai dẳng trong hàm răng, điều thuốc đen chia đôi từng hơi những khi sạch túi. Quảng đời này đã như một con vợ trời đánh, nhưng lỡ đã quen hơi, khó lòng từ bỏ được.

Tôi cũng có một vài thằng bạn thân người ngoại quốc, như Holden Caulfield, Peter Caminzend, Meaulness, Nick Adams, Raskolnikoff. Tiếc là bọn này tôi chưa bao giờ thấy mặt chúng.

Đến khi gã bồi quán ra nói với chúng tôi đã đến giờ đóng cửa rồi, tôi mới đứng dậy. Quán không còn một ai. Chúng tôi ra khỏi khu vườn tối. Quán nhỏ bỏ lại xa dần sau lưng như một người bạn gặp giây lát qua đường.

Chúng tôi thất thểu đi qua biết bao con đường hun hút như hầm tối, mặc dầu những ngọn đèn đường vẫn còn thấp đỏ hai bên. Lính tráng và cảnh sát đầy đặc dọc đường, súng cầm lăm lăm trong tay và mắt chăm chú dò xét. Lính nhảy dù đang giăng những cuộn giấy thép gai bao quanh những dinh thự. Có lẽ sắp đến giờ giới nghiêm rồi, tôi phải cố đi nhanh. Bóng người chao động trên con đường vắng vẻ đến nỗi có thể nằm lẫn từ bên này sang bên kia.

Căn phòng nhỏ của tôi, đầy tàn thuốc và bao thuốc lăn lóc, giấy má, rác rưởi và áo quần bần vắt vẻo trên tường. Phòng không có điện nên tối đen như nhà ngục. Mầu nển ngẩn ngui nào đó tìm thấy trong học bàn. Phổi đưa tôi chiếc hộp quẹt chỉ còn một que diêm, rồi hắt nằm dài với cả quần áo giày vớ trên giường, vẻ rã rời như một tên say rượu.

Hai ly cà phê với hai bao thuốc lá trong một đêm cũng đủ làm tôi cảm thấy đắng khô cuống họng thân thể chán và lạt lẽo như một cốc nước lã. Tôi cố gắng thắp sáng ngọn nến. Mặc dầu ánh sáng bây giờ không còn cần thiết nhưng tôi rất thích nhìn đốm sáng nhỏ từ ngọn nến le lói cho đến khi mất biệt trong bóng tối. Cây quẹt diêm cuối cùng bùng lên ánh lửa, thật yếu ớt và chao động tưởng chừng như sẽ tắt đi vì ngọn gió ngoài trời thổi vào, nhưng ngọn lửa cũng len vào đầu ngọn nến. Ánh hồng ve vuốt ấm昧. Tôi muốn tìm thấy một cái gương để nhìn khuôn mặt vô hồn của mình, nhưng không tìm thấy gì cả. Phổi lẽ nhẽ đọc một đoạn thơ nào đó nghe loáng thoáng mơ hồ.

...ngọn nến hồng ai đã thắp khi nào không hay

thấp thoáng nụ cười em che tiếng khóc...

Tôi chười thề :

— Mẹ mày, tao thắp chứ còn ai nữa.

Đêm nay dừng hồng đũa này chịu treo mừng. Tôi nằm xuống, mắt nhìn vào ngọn nến, cho đến khi nến tắt, tôi nhìn ra ngoài khung trời đen. Trời không mưa.

Đêm nay trời đáng lẽ nên mưa một chút để chiều lòng những người lãng mạn, những chàng thi sĩ, những kẻ tình si đang lang thang ngoài đường, đôi mắt gửi cho một khung cửa nhỏ nào đó còn có ánh đèn. Tôi thích trời mưa biết bao. Dưới cơn mưa, thành phố sẽ đẹp lung linh như một cổ thành chìm sâu trong sóng biển,

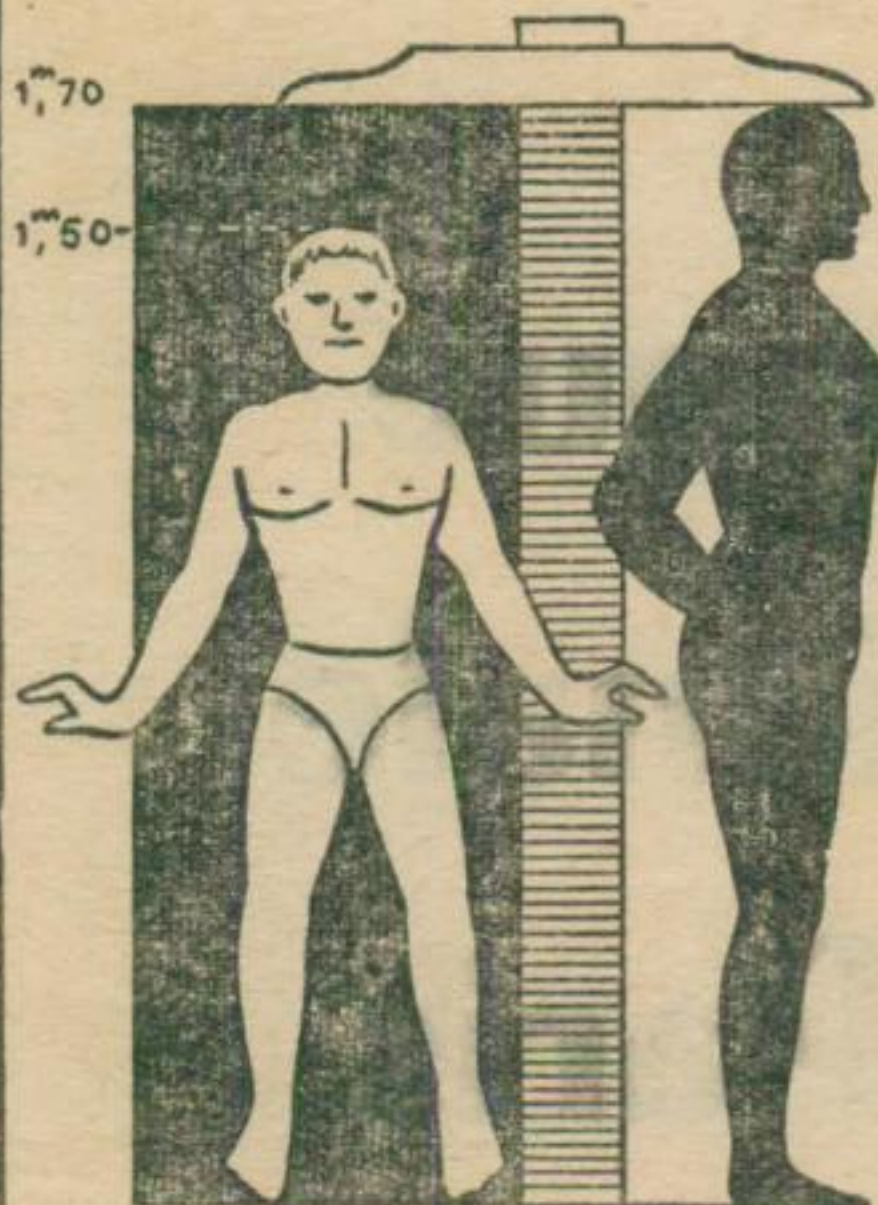
Nhưng trời không mưa gì hết. Trời khô khan như một phiến đá tảng.

tháng 8-68

HOÀNG-NGỌC-TUÂN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 KN 78 MEYT/QCCDP

כפל

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Ngựa nản chân bon

(tặng người mẹ biệt tích của con)

Buổi chiều đã xuống dịu dàng, vuốt ve con mắt. Tôi ngồi trên thùng đạn pháo binh, dựa lưng vào ụ cát của hầm phòng thủ. Khoảng trống vắng bao la, lê thê như một sa mạc sương mù, và tôi chợt thấy mình xa hẳn những phiền lụy, những nỗi băng khuâng. Tôi ngồi yên lặng, ngồi kiên nhẫn, bàn tay táy máy lần mò trên bắp đùi đầy những mảnh lựu đạn chày như những hột mít sừng chai sạn lên khỏi làn da, đến chừng tiếng còi tập hợp của Thượng sĩ thường vụ Đại đội vang lên, đánh thức niềm vắng lặng trong sạch. Tôi đứng dậy, trở vào phòng, những đồ vật quen thuộc, đắm chìm trong màu sắc tàn tạ ma quái, mang một vẻ hiu quạnh tủi thân qua bao ngày tháng. Tôi chạm vào thanh ghế khi với tay tìm bao thuốc. Lấy chiếc kính 7 độ ra khỏi sóng mũi đặt trên quyền sách, tôi lặng yên một cách khốn khổ. Tôi phải làm gì nữa đây trong những giờ phút tiếp đến. Ít nhất phải cho tôi một hướng đi, một chương trình đề sắp đặt cuộc đời của tôi. Ít nhất cho tôi biết tôi còn sống, còn hơi thở, còn những vinh hạnh trong kiếp làm người. Tôi đang chờ đợi gì nữa đây. Tờ giấy trắng, công điện mang tay, mà khi này người lính đưa vào phòng :

Trung đội 1 kích tại trung bình điểm CR...

Trung đội 2 kích tại ba trung bình điểm...

Hỏa châu xanh là hiệu tập trung. Đại đội ứng chiến sẵn sàng chờ lệnh.

Vô tình, tay tôi chạm vào thanh ghế lần nữa. Chiếc ghế ngã, tạo nên một âm thanh khô và ròn. Chiếc ghế, chiếc bàn bằng thùng đạn, những quyền sách củ mốc, dựa lưng vào bờ vách. Tấm hình đứa con gái ngoại quốc, đương trơ trên trên bãi biển. Tóc nàng bay tung toé trên gương mặt khêu gợi... Tôi đứng, hai bàn tay cầm mép bàn. Gian phòng của tôi đó. Hơn một năm tôi đã ra vào, đã đi, đứng, đã khoá cánh cửa, đã nằm trên giường bố, đã nghe tim đập thành thịch trong giấc ngủ, đã làm tất cả nỗi sống chết, nỗi gian khổ. Gian phòng này, là chứng nhân cho một thẳng chuẩn-úy mà hồ sơ quân-bạ với một lần hoãn dịch vì lý do cho sức khỏe, với con mắt phải 7 độ, mắt trái 6 độ, với một tai điếc và thân hình trên dưới 40 ký. Gian phòng đó, tôi xin từng ngày từng tháng, để thấy mặt trời ban mai. Ngày mai tôi nói thầm, sẽ xuống đồi, về thành phố, mượn tiền để trả tiền cơm, sẽ có tiền đi cùng lũ bạn vào quán nhậu.

Chẳng lẽ ta không hưởng khoái lạc chút ít trong cuộc sống bấp bênh này sao. Tôi đứng yên. Đêm nay, một trung đội đi kích. Tôi vốc một miếng nước lá vào trán. Ngoài kia, người thường vụ đại-đội đã dặn anh em những điều cần thiết cho cuộc hành quân sắp đến. Lại hành quân ? Thắng bao trận rồi ? Thua bao trận rồi ? Choàng bao vòng hoa rồi, khóc bên bao xác chết rồi ? Lãnh mấy huy chương rồi ? Gian khổ bao nhiêu đề một lữ tham nhũng, tồi tệ toạ hưởng như mấy hàng tin tức đăng báo hàng ngày. Bốn ngày gạo, và có mặt lúc tám giờ sáng, anh em nghe rõ không ? Rõ. Tiếng đội lại thoảng chốc đột khởi trên đồi. Ngày mai, ngày mốt, ngày nào nữa, đề ngọn đồi này trở nên vắng lặng với những Tháp Chàm buồn muôn thuở hay ngày nào, cũng xông xáo với những việc sửa soạn chém giết. Những người lính đã lục tục xuống đồi. Bây giờ mình làm gì, trong căn phòng hoang vắng này. Thân thể tôi ngỡ ngàng đắm mình trong màu sắc lờ mờ. Bên ngoài, bước chân đã thôi khuấy động trên nền sân trải cát. Tôi nghe tiếng gió hiu hắt từ một nơi nào vọng về, có thể từ bên kia sông, có thể từ những ngọn tháp, hay ở đâu đây, rít trên mái tôn, lạch cạ h những tiếng động náo nức nhưng buồn thảm. Bây giờ phải làm gì tôi ngỡ ngàng quay lại, mới biết mình đang tự hỏi, thì ra cái khối óc khốn khổ hôm nay đã rỗng tuếch rồi. Bao nhiêu niềm xao động đã đục khoét dần mòn. Tôi tiếp tục hút thêm điếu thuốc. Một đêm chờ đợi, mai sẽ đi. Tội nghiệp cho tôi. Tại sao tôi lại không bình thản như trăm người trong đại đội. Mắt nhìn chiếc áo giáp mới lấy của viên đại-úy cố vấn Mỹ vừa chết cách đây một tháng (tội nghiệp cho ông, ông chết rồi cũng không được yên. V.C. đã khoét lỗ mũi của ông vào đêm) Ngày mai sẽ mang nó vào. Công dụng tránh miếng lựu đạn. Một đêm nằm chờ nữa. Sẽ làm gì ? Đánh bạc. Tiền đã hết từ đầu tháng. Hay nằm dài trên giường, mở radio chiến-lược, để nghe một điệu nói nhảm tai, tuyên truyền giả tạo. Những bài ca đầy láo khoét, hậu phương, tiền tuyến ru ngủ. Nhưng tôi đang chấp nhận. Thật tội nghiệp cho tôi. Tôi đang lao vào mà không có lối thoát. Tôi mặc chiếc áo ấm và đi ra sân, nhìn xuống đồi. Bên trái, xóm làng chìm đắm trong màu tranh tối sáng. Những lùm tre mọc chen nhau rải rác khắp vùng đồng ruộng giòng sông Tân An bờ vờ những bãi cát vàng sẫm, giữa màu nước đen đậm. Những cụm khói trắng hồi chiều, do Đại-hàn hành quân để lại, mờ mờ ảm đục. Những cụm khói thả từ những quả đạn lân tinh có sức tàn phá mãnh liệt. Tôi ở trên đồi theo dõi cuộc hành quân, những đường tiến thối từ những cụm khói như những bóng cờ trắng phất phơ trong gió. Bên phải, đằng xa tít chân trời, là thành phố, với những ngọn đèn chói rục mắt.

Ngày mai hành quân. Lại ba-lô, lại súng đạn, lại thêm một chặng đường chông gai nữa. Thành phố đó, ai hiểu cho tôi. Thành phố đó, tôi làm sao quên được những lần về phép hết tiền, ngang qua nhà hàng thơm mùi gia vị, mùi gà chiên, hay những đứa con gái ngồi trên lòng người ngoại quốc giữa tiếng hát vui nhộn của một đĩa ngoại quốc. Cũng thành phố đó, hàng đêm tôi vọng về xót xa cho chính

mình. Đôi mắt Quỳnh, gương mặt Quỳnh, mùi da thịt kỳ bí của nàng. Tại sao tôi lại chịu đựng can đảm như thế này. Thăng Chân, viết thơ về trách: Mày đẹp mỗi tình điên rồ ấy lại. Thời này, con gái ưa gai cuộc sống chó chết của bọn mình. Mình chỉ là những danh từ Hoa trống rỗng, bi đát... Tôi biết trả lời sao đây...

Tôi ra ngồi ở Câu-lạc-bộ. Tôi nói có rượu uống chơi anh em. Câu-lạc-bộ đã hết rượu. Trung-sĩ Ký lái xe Dodge xuống đồi đập cửa quán mua lên một bi đông. Cả bọn ngồi trên thêm xi măng, lát bìa carton, đề mấy hộp cá, thịt quân tiếp vụ. Chừng này nhậu cũng đỡ buồn. Trung sĩ Ký nói thấy ông buồn, tôi mua đề uống chơi. Rượu làm mình tiêu sầu, thiếu úy. Tôi cười không nói, tự hỏi mình còn buồn hay không. Hay đang tìm cơn ngủ, đang muốn im lìm trong cuộc sống dày vò cùng nỗi cô đơn. Tôi ngồi xếp bằng trên xi măng. Chung quanh hè bốn năm người lính. Trung sĩ Ký chạy lăng xăng ra đồi hái lá giang. Chúng tôi kể cho nhau nghe về mầu chuyện ngày qua, những kỷ niệm mà đêm nay, những người còn sống, hồi tưởng. Chúng tôi ngồi trong nhớ nhung. Tôi, tôi nói gì nữa đây. Tôi nói thật buồn Giá có những người bạn còn sống, ngồi đây thì vui biết mấy. Chúng tôi kể những chuyến hành quân xa lắc, xa lơ rờ Dakto, Dak suk, đến Đức Phò, Quảng-Ngải, những chuyến nhảy dù hâu ở Tam-Quan, Bồng Sơn. Hai tấm vải đỏ buộc trên ba lô của hai người lính có nhiệm vụ làm ranh-giới cho toán quân. Những chiếc trực thăng, chỉ biết bên ngoài ranh giới là địch, xả súng bắn ào ào. Chúng tôi ôn lại những ngày mòn mỏi, ăn từng chiếc lá giang, thay nước. Những đêm lội nước lút đi đột-kích một mật-khu...

Ly rượu truyền nhau từng đũa. Tôi ngà ngà và trong đôi mắt, tôi đã hình dung những gương mặt thân ái phất phơ trong gió chiều. Dù sao tôi cũng tìm được trong cuộc sống khốn khổ này những gì cao đẹp nhất. Đó là tình đồng đội.

Tôi chấp chửng trở về phòng với những cảm giác quay cuồng. Nhưng tôi còn nhận rõ, một đêm đang chết từ từ, những cơn gió lùa qua chân tóc. Tôi còn nhận rõ sân vô-lây, những cột trụ, những ống đạn 105 ly. Tôi cúi xuống đi trong đêm nghe thân xác đang lênh bênh từ một nơi nào, xa lắc, có lẽ ở vùng trời đầy mây, đầy sương và những đồ vật pha-lê trong sáng. Có tiếng nhỏ nhẹ của một hạt sương vồ trên má. Tôi cầm thanh sà cửa, nhìn xuống đồi Quỳnh chong đèn học dưới đó hay đã ngủ rồi. Quỳnh đang làm gì? Tại sao tôi cứ bắt mãi ảo ảnh khốn khổ thế này. Mai hình như chủ-nhật, và mai tôi lại sách súng đi lợi. Tôi nhìn ánh đèn nhấp nháy như hàng đũa kim cương chạy dài ven bờ biển. Mai, mai, hẹn những ngày mai vô định, mà bao giờ tôi níu kéo được một hạnh phúc nhỏ nhoi. Nhiều người đã biết được ngày mai và đã nằm yên ngủ cảm lạnh, tuyệt vọng. Tôi có thể là một trong bọn không?

Cả đêm tôi bị trần trở. Tiếng cà nông nổ quấy rối trong đêm về sáng

vọng về xa lạ lạc lõng. Tôi lơ mơ tưởng như tiếng đạn của một cuộc pháo kích hôm nào. Tôi mở mắt trơ trố và thấy tim nhói lên. Bàn tay đặt trên ngực, tôi ôm thật chặt, Có tiếng gọi đôi gác của người lính Thượng ở bên ngoài. Có tiếng máy bay rì rì trên không. Và có tiếng đạn bắn dồn dập. Tôi mở cửa phòng, nhìn xuống. Những vệt đạn lửa vòng cung từ dưới đất, trong cỏi đêm dày đặc bắn lên và thoảng chốc, bốn phía, đan nhau như những tia pháo bông trong một đêm hoa đăng. Những trái hỏa châu bắt đầu thả xuống. Vùng sáng òa vỡ, vàng như màu cỏ khô dưới trưa nắng hạ, có một lúc trái sáng tắt lịm, và chỉ còn bóng tối dày đặc. Tôi sợ hãi. Làm sao để những lời kêu cứu chong đèn gõ cửa. Làm sao bóng đêm cứ được dọi sáng mãi trên quê hương. Đừng cho trái đất quay thêm nữa vòng xa lánh mặt trời.

Tiếng rè rè trong máy C.25 đặt phòng bên cạnh vang lên một giọng nói hốt hoảng: Khánh Băng đây Thúy Sơn 1, anh nghe không trả lời. Im lặng. Thúy Sơn đây Thúy Sơn 1. Im lặng. Tôi la lên Thăng nào trực máy, ngủ hả? Tín ở bên phòng nghe tiếng tôi la thức giấc. Trong ống liên hợp, vẫn tiếng rè rè. Thúy Sơn đây Thúy Sơn 1. Tôi chạy qua phòng, cầm ống liên hợp. Thúy Sơn nghe Thúy, Sơn 1 đây có gì cho tôi. Tiếng mất tiếng còn từ trong ống phát. Tôi báo cho anh, C.47 Mỹ bắn gần chúng tôi lắm. Non bảy, tám trăm thước... Non bảy, tám trăm thước. Anh cho thăng Khánh Băng rõ số nhà của các đứa con tôi, rõ số nhà của các đứa con tôi... nghe rõ trả lời. Tôi đáp: nghe 5 trên 5. Tôi gọi Khánh Băng, đây Thúy Sơn. Bên kia máy, một giọng còn ngái ngủ ai gọi đó. Tôi la: ngủ hả. Thúy Sơn gọi Khánh Băng. Các đứa con tôi gọi anh đó. C.47 của Mỹ đang bắn gần số nhà của nó. Anh liên lạc với Trung tâm hành quân cho Mỹ nó biết. Nói xong, tôi ra ngoài sân, nhìn xuống Phi cơ đang thả trái sáng và tiếp tục bắn xuống. Chắc một căn cứ Mỹ bị pháo kích và phi cơ đang bắn vào những chỗ nghi ngờ. Tôi bỗng nhớ lại một đêm, cũng như đêm nay, trung đội tôi nằm trên một gò mả giữa đồng trống. Suốt đêm chiếc chuồn chuồn cứ đảo vòng chung quanh ngôi làng bên cạnh, thả trái sáng rồi nhả đạn lửa xuống. Có khi con chuồn chuồn lượn trên đầu chúng tôi, nhấp nhánh đèn xanh đỏ. Tôi lay thăng truyền tin giấy, và cả hai ngồi dựa lưng vào gò mả, gọi dồn dập về yếu khu. Không có gì đáng sợ bằng Mỹ bắn lắm. Tôi đưa ra trường hợp một chiếc trực thăng thả hỏa tiễn xuống bộ tham mưu ở Chợ Lớn để chống chế nỗi sợ hãi của tôi với thăng truyền tin.

Bên kia, nóc Tháp hiện lơ mờ và nhờ ánh hỏa châu, tôi thấy lớp gạch vàng sậm, ngả sang màu nâu đỏ. hoang liêu. Những đôi mắt mỗi mòn trong đêm, đầy ma quái. Những tiếng khóc âm thầm từ muôn năm qua, dấy động từ những tàn tích vàng son quá khứ. Tôi đã hiểu. Rồi Việt Nam yêu mến cũng có ngày tàn lụn như thế nếu chiến tranh còn dai dẳng đến một người lính cuối cùng. Sương đã thấm lạnh da thịt tôi rồi

còn gì. Tôi trở vào bàn, tay mò hộp diêm và bao thuốc. Điều thuốc cuối cùng của một đêm và cũng là điều bắt đầu một ngày, khói thơm ngát. Tôi hít tận vào buồng phổi. Tiếng ca buồn của một nữ ca sĩ Mỹ trong chương trình phát thanh Quân đội Mỹ vang lên, xoái tròn, cơ hồ cuốn lốc lấy nỗi cô đơn từ một chân trời nào, như ở đây, ở đó, ở kia.

Tôi vẫn ngồi và thềm một cốc cà phê. Phải rồi, buổi sớm trời lạnh, ngồi bên cốc cà phê, hút điều thuốc, nhìn ngày chợt về, thì còn gì thú bằng. Nhưng tôi ngồi, thềm thuốc, chịu đựng. Sớm mai, sẽ đi. Đi, đi chỗ nào đây. Ở đâu thì cũng thế. Cũng qua làng qua xóm, bỏ hoang, đầy hầm đầy hố, đầy nhà cửa đốt cháy, đầy hố bom, hố đạn. Có thể gặp địch, hoặc không. Ở đâu, cũng là những cánh đồng lúa vàng thơm ngát, không bóng người.

Tôi lấy thơ thằng Chương đọc. Bữa nay, nó viết ít. Tôi thông cảm cho nó. Nó đang sống hối, sống hả. Nó chạy đua với thời gian từng giờ từng phút. Sách này, tao đã hỏi vợ. Tao nghĩ đó là chuyện đời người. Không vui gì đâu. Đám hỏi tốn 20 ngàn. Tao chạy nợ lung tung. Tôi cho mấy đứa con gái, nó khóc...

Nét chữ của chương vẫn phóng khoáng cầu mong nó vẫn mãi mãi như vậy. Tự nhiên tôi cảm thấy buồn buồn. Đến bây giờ, tôi vẫn chưa biết đời tôi sẽ ra sao nữa. Nhưng nếu phải chạy nợ để cưới một cô gái có lẽ tôi phải stop. Cưới vợ đâu phải kêu một con điếm về ngủ với số tiền mua rất đắt. Còn tôi, nội tiền uống rượu nhậu nhẹt cũng đủ dựng tóc gáy để chạy từ ngõ này sang ngõ khác.

Thêm một thằng không thể sống độc thân nữa. Hội lang bạt kỳ hồ cũng đã mất đi một kiện tướng. Tôi nghiệp cho nó, tội nghiệp cho tôi. Chẳng biết nó đã tìm ra nguồn hạnh phúc ở bên lề cuộc chiến này không.

Ờ, tôi nhớ ra rồi có một đêm nào, tôi đi học ở thư viện về, qua nhà Quỳnh. Chiếc xe đạp pha đèn buồn rầu trên ngõ tối hun hút. Nhà Quỳnh vẫn còn đèn đèn và tôi thấy dáng nàng hiện lung linh sau khung cửa. Những chấn song cách biệt hai vùng trời. Tôi lén dựng xe, đứng ẩn mình trước hàng rào dây bụi. Tôi còn nhớ như in, mỗi xúc động rộng lớn, vô biên làm tôi đứng lặng, sững sờ. Một chốc nàng đứng dậy, nhìn ra khung cửa. Tôi thấy gương mặt rạng rỡ dưới ánh đèn vàng đượm hắt hiu. Tôi trở về và nghe tim vang lên một điệu nhạc buồn xa vắng. Thế mà tôi không bao giờ dám hé miệng. Tôi sợ. Tôi sợ. Chẳng thà không biết thì thôi. Biết rồi mỗi đứa một nơi cũng buồn.

Sáng trở giấc. Bầu trời đầy sương mù. Những đụn sương ùn ùn bốc lên từ dưới chân núi đẵng xa, từ những xóm làng dưới thấp. Giòng sông cũng đắm chìm màu áo trắng như một giải lụa thon êm. Tôi co ro,

trở dậy. Mắt bắt chợt nỗi buồn còn sót từ đêm, vương vít nỗi dậy nơi mí mắt buồn ngủ, nơi vàng trán còn nóng bỏng. Ngày bắt đầu. Tôi vươn vai hít khí lạnh. Ngày lại bắt đầu. Và tôi lại được nhìn khoảng sáng chan hòa trước mắt đó, khoảng sáng của sự sống, thêm được một ngày nữa. Có gì buồn phiền đâu. Những bước chân lại tiếp tục đi thêm, những bữa ăn uống sẽ tiếp tục dọn đến, những giọt mồ hôi sẽ đổ thêm nữa. Những nỗi vui buồn sẽ kéo dài rã rời. Tôi còn sống thêm một ngày nữa. Và tôi ngờ ngẩn nghĩ mình tại sao có mặt một cách phi lý trên ngọn đồi này.

Lính đã lục tục kéo nhau lên đồi. Những ba lô nặng nề in trên màn sương trắng từ đầu cơn dốc. Những âm thanh hỗn loạn quấy động rộn ràng về hieu quanh đã lặng chết từ đêm. Tôi cũng sửa soạn mấy thứ cần thiết. Một địa bàn, một bản đồ và một khẩu Colt. Gia tài đi lính của tôi chỉ có thế. Nực cười cho tôi, từ khi tham dự thực sự với nỗi chết sống, với nỗi hư vô, tôi chưa hề bắn một viên đạn. Có chăng với tiếng hét hò : tổ 1 yểm trợ tổ 2, tổ 3 yểm trợ tổ 4, Xung phong, dàn hàng ngang !.. Và cứ mỗi lần ra trận, tiếng gọi trong C.25 đầu tiên là thăm quyền Sơn Tây bị thương rồi. Tôi tự mỉm cười mình là thằng điên may mắn nhất. Ở đằng sau người lính mang gạo hỏi nhỏ thiếu úy, cần mang theo những gì. Tôi cười nói : Như mọi bữa, nhưng nhớ bỏ vào mấy bao thuốc quân tiếp vụ. Rồi tôi trở lên văn phòng, gặp Đại Bàng để nhận lệnh một lần cuối cùng.

Ngày N : Mới biết đại đội tăng phái cho tiểu khu. Cái nghề tăng phái là chó đẻ nhất. Mục tiêu nặng. Nhớ lời một người đàn anh : Không ai lo mạng sống cho mình, trừ phi mình. Trừ phi mình ! Bây giờ mình lo bằng cách gì đây ? Sau khi ra khỏi trường đầy nhảy xồm hít đất, mang bộ lon chuẩn úy để về nhận chức trung đội trưởng với hai mươi mấy người lính dưới tay. Lo làm sao. Đến đó, mà lo. Lúc nào cũng phải đi đầu. Lính gan mấy, cũng phải sợ. Phải làm gương cho họ, để mỗi lần hét xung phong họ cũng xung phong, hay hét chạy, chạy, họ cũng phải co giò mà chạy. Lo làm sao khi đôi chân đã bắt đầu dẫm trên bờ ruộng, bờ mương, đã nghe được mùi địch ở bên bụi mía, bìa vườn, ở mé cầu, mé ao... ở trong nhà tranh nhà ngói, ở khắp hang hốc. Chỉ biết mỗi lần tìm ra được chúng, hễ gọi trực thăng, gọi phi pháo yểm trợ, thì bù lại, mình cũng phải thiệt một hai con. Thật khốn nạn. Chẳng biết lần này đi có gặp chuyện rủi đó không ?

Buổi sáng vào một làng có phần an ninh. Trời tháng mười mát và nhiều mây xám. Những cánh đồng lúa vàng rực bát ngát, hoặc thỉnh thoảng vài mẫu gặt xong, trơ gốc rạ. Đi xa người truyền tin. E ngại, chúng liết cấp chỉ huy chúng tia dừ mệ.

Trung đội mình trực chính, nên đi đầu, giao trung đội phó, chia tổ nào đi trước tổ nào đi sau, và cứ ra thủ hiệu. Đi cách xa, mỗi đứa cách nhau ít nhất năm thước. Bài học trong trường vẫn áp dụng ở đây... Quái lạ, cứ dặn lính mãi mà chúng vẫn không nghe.

Vừa đi trên đường đê, nghe mùi thơm của bông lúa, mùi kỳ bí của đất màu và một vùng tuổi thơ chập chờn trước mắt khiến đôi chân ngờ ngạc như một buổi sáng lễ chùa theo mẹ trên con đường làng với bộ quần vải thô và chiếc đầu mới húi trọc. Phải vượt một cánh đồng, qua một xóm, mới bắt đầu tới tuyến xuất phát. Đại đội súng nặng và bạn đi bên cánh trái phía sau.

Vào xóm đầu tiên, lại gặp chuyện rủi. Trung đội mình vẫn gặp toàn những chuyện không đầu. Số là vào bờ kênh, lính thấy một dáng người, bạn đồ đen lúp xúp giữa đồng lúa. Một thằng lính ngoắc tay gọi. Tên ấy vẫn lăm lăm đi. Hai thằng lính chạy theo. Tên ấy chạy trốn. Lính bắn chỉ thiên. Cuối cùng, tên ấy trốn mất. Mình báo cáo Đại Bàng rồi cho trung đội vây ấp, lục soát bắt cho được tên trốn. Trong khi chờ đợi, mình vào nhà một người dân ngồi nghỉ. Gặp một thiếu phụ. Cô ả đề trần đôi vú thật trắng và săn cứng. Chỉ bao nhiêu đó, đủ làm cho mình lên dục vọng. Mình nhìn chăm. Nhưng ả bỗng khóc rống và một chốc một bà lão, đầu tóc bạc trắng, cùng với ả (bây giờ bỗng con) chạy tới bên mình khóc lóc thảm thiết. Mình la hoảng : Sao kỳ vậy. Sao chị và ngoại lại khóc. ả kể : Lính vừa vào nhà này, bắt thằng bé trong nhà, lại bắt thêm người chồng cùng cha thằng bé nữa. ả khóc rống : Nó còn đại, 13 tuổi. Nó tưởng các ông bắt, nó sợ nó chạy. Mình la lên : Sao lại chạy, ngu vậy hả. Nhưng mình biết mình thoát khỏi một ám ảnh ngàn đời đó.

oOo

Một chốc thằng bé hiện ra từ khung cửa. Tôi nằm trên võng đu đưa. Gương mặt nó vẫn còn tái mét, nhưng ẩn náu một đôi mắt ngây thơ, trong sáng. Đôi mắt đó, tôi thấy lại cách đây mười mấy năm, đầy ánh sáng của cánh đồng thơm ngát, của bầu trời xanh lơ, và những cánh diều bay phất phới. Nét thơ ngây vô tội chìm đắm trong đêm trắng nhìn chị Hằng mà khóc, tủi thân vì nỗi sầu thảm của gia đình. Thằng bé xuất hiện trong bức tranh sáng tối, u buồn của bầu không khí trong gian nhà (lư nhang, bàn thờ xiêu vẹo, cái bàn gãy chân, chiếc phảng ăm bùm), với chiếc đầu cúp trọc. Tôi buồn rầu nhìn lên trần nhà. Ngày xưa, thằng bé khốn khổ, cúp đầu trọc, chân đi đất, đã chịu những đau khổ của bom đạn, và đến bây giờ, thằng bé hôm nay, sáng nay, lại hứng chịu những gì thằng bé hôm xưa đã hứng chịu. Tôi nói nhỏ : Lại đây em.

Đưa bé đến bên, hình như run run. Tôi xoa tay vào đầu nó, sao lại đại vậy. Nhờ lính họ bắn thiệt, thì tội cho anh lắm. Thằng bé òa

khóc. Tôi nói : Sao mà khóc. Thấy em về với gia đình, anh mừng lắm. Có lần .. Tôi nhắm mắt. Đêm 29 Tết, phải rồi. Thăng bé bị toán kích bắn lăm ở ấp N.T. vì ba nó đề đèn tắt, khi đơm cá từ ruộng trở vào. Tôi thấy rõ ràng, đôi mắt nhắm, rồi mở, tiếng rên : Cha ơi đau quá, cùng những vũng máu đọng trên chiếu trong gian phòng Y tế xã... Tôi nói: Bận sau, lính gọi, em đừng chạy. Mình nhỏ, không sợ ai hết.

Tôi xuống vũng ra sân nhà. Nắng rực rỡ trên những đồng thóc. Những hàng cau rũ tóc lặng lẽ. Bờ kinh trơ đám bún đen khô cằn. Những người con gái, đàn bà gánh những bó lúa vàng, trắng nẻ khuất sau hàng tre dẫn vào ấp. Không thấy bóng một chàng thanh niên. Thanh niên đi chém giết nhau rồi còn gì.

Buổi tối. Đại đội đóng quân đêm tại một ấp. Năm ngoài hiên một ngôi nhà của đồng bào tản cư. Đôi chân rả rời, nhưng chớp mắt không được. Trung đội đã đào hầm phòng thủ ở ngoài hhu vườn, trong nhà bếp, đôi vợ chồng già đang nhúm lửa, sưởi lạnh. Nghe tiếng tí tách của than lửa reo, càng nghĩ tủi thân. Đêm đông xa trông cổ hương buồn lòng chinh phu.. Hát nho nhỏ. Trong ánh lửa, thấy người đàn bà ngồi co rúm, choàng khăn lông, lại nhớ đến má. Má xa con bao lâu rồi. Má sống chết ra sao cũng chẳng biết. Khoảng tháng trước, người anh gửi thư về bảo quê má ở Phú-Mỹ, có đi hành quân qua đó, hỏi thăm đề biết tin tức má. Mình phải giúp đỡ má. Dù má muốn trốn... Tự nhiên mình ứa nước mắt. Nằm gối đầu trên bức cửa. Trời tối đen. Má vẫn ngồi buồn rầu bên bếp lửa. Bàn tay má cũng nhăn nheo, và chiếc nhẫn vàng lỏng lẻo trên ngón tay khô đét. Tóc má bạc mấy sợi. Má vẫn ngồi với dáng cúi xuống. Tôi biết nơi nào để tìm ra tông tích bà... ở đâu cũng là tang hoang, cũng chết chóc...

Có tiếng đạn cà nông bắn quấy rối rất gần. Đất rung chuyển. Một thằng lính đi vào cầm theo bi đông rượu trắng và vài hộp thịt Mỹ cười : Uống chút chơi, thiếu úy. Mai tôi đi nữa. Tôi gật đầu, cười lớn : Vậy, hể hành quân là uống hả ? Dịp khác không được sao ? Hắn đáp : Men rượu để làm mình quên, thiếu úy.

Nghe câu nói cũng hơi buồn.

Hắn cười hỏi :

— Có mấy bữa, thiếu úy về thăm bồ của thiếu úy ?

Mình cười không nói.

— Trông cô hiền lắm.

Tại sao mình lại vội vã uống cạn một ly để. Đừng nhắc đến nàng tao buồn lắm. Hôm nay là thứ mấy ? Chủ-nhật à ?

oOo

Buổi trưa ngoài phi cảng, tiền em về quê mẹ, anh biết anh đã xa con thực sự. Anh nhìn qua khung cửa kính, nắng chói lòà trên phi đạo, trên những thùng

xăng và hàng rào dây kẽm gai. Anh vầu cảm thấy xót xa. Chỗ nữa em sẽ đi xa, thật xa anh. Em cúi đầu, bàn tay mân mê quai nón, thân ái như một giấc mơ. Con tàu vẫn chờ đợi âm thầm làm sao em biết được những giọt nước mắt trong hồn anh. Anh quay lại. Cảnh vật nhạt mờ. Em làm sao hiểu được.

Trưa hôm đó, anh ra phi trường để nhìn em lần cuối. Em cầm chiếc giỏ mây đi ra khỏi cổng. Một đám con gái Huế bồng rộ như một đàn chim. Anh thấy lại bầu trời với những đám mây mù ử dột. Một giòng sông đang thiếp ngủ, một chiếc cầu đã gục trên giòng. Rồi Sài Gòn cũng như Hà nội. Rồi Huế cũng như Hải-phòng. Cầu Trường Tiền cũng như cầu Long biên. Em hãy nhìn cảnh hoang tàn đó mà nghĩ đến anh.

Hôm qua em về, anh không còn nhìn lại em. Bóng hình em bay đi như một làn gió. Anh cứ nhớ đến đôi mắt của em, tà áo trắng bay nhẹ, nhớ lại con đường từ thành phố về bãi biển, trên một chuyến xe « lam » để tìm lại em. Nhưng anh chẳng khác nào là một con hải âu khốn khổ, trở về tổ cũ với ba nôi ngậm ngùi.

Em làm sao nhớ lại những kỷ niệm của một ngày hôm nào, anh gặp em trong nhà đợi. Em mang chiếc áo mưa, bơ vơ trong một góc. Anh làm con bò vàng mang an-pha trở về chuồng cũ. Quỳnh của anh. Anh đứng lặng nhìn, chẳng thốt nên lời. Mưa tiếp tục trời một cung đàn buồn. Tiếng động cơ máy bay xoay tròn từ đâu đó, hay ở ngoài sân hay ở trên trời, hay ở trog tâm hồn anh.

Ngày N+1. — Trung đội hai đã theo con đường về con kinh. Một vài người lính đang đi trên cầu. Tôi nói với ông trung-đội phó, chắc các đứa con của trung hai, đi lạc mục-tiêu. Tôi là Anh Dậu, sao đi qua bên ấy. Thành lính một tràng nổ dữ dội ở bên kia cầu. Chúng tôi hoảng hốt, nằm úp xuống đất. Phên này bị nó tấn công rồi. Tôi thấy được những người lính của trung hai đang nấp sau bờ mương, loạn xạ như một đàn kiến, có tiếng la dòn dập. Thăng Tám, thăng Tứ chết rồi. Tôi đá vào đít Đô, hét : Chạy mau vào đình. Ông trung đội phó đâu ? Cho lính về mặt sau, hết nghe chưa. Tôi tưởng mình vừa trải qua một giấc mơ. Rõ ràng, tôi đang quì trên nền, đang cầm ống liên-hợp, giọng run run. Hả ? Thầm quyền Sơn-Tây nghe đây... Khánh Băng, đây Thúy Hằng... Các con anh bố trí, đợi pháo binh, xung phong qua đầu tiên. Tôi nói trong máy : Hôm nay, trung đội tôi không trực mà. Tiếng nói phát ở trong máy, lập bập : Đại bàng ra lệnh vậy. Các con 2, không dám qua. Bị mất tinh-thần hết... Tôi chửi thề. Những người lính đã khom khom từ các bờ đê, bờ mô. Trước mặt, tiếng súng nổ dữ dội, âm thanh làm nhói ngực. Mưa dụn dằng và bầu trời trắng xám, sĩ quan tiến sát pháo binh đang núp trong đình. Tiếng bắn đều đều : Bắc Bình, Rạch Giá tư tưởng Đồng Đa. Bắc Bình Rạch giá. Tôi yên lặng đợi chờ. Khoảng khắc nữa, bên kia cầu, hay bên này cầu, hay chung quanh đây, hay ngay ở đây, tôi không dám nghĩ. Tại sao tôi sợ. Tôi liếm môi và thấy mắt cay sè. Có lẽ nước mưa, bụi bặm đã đóng dày cặp kính. Tôi khó chịu. Chẳng lẽ cái chết dễ dàng thế này sao : Mới hồi sáng, lợi

nước, lội sinh, mới khi nãy, cả bọn còn đi trên con đê, qua những xóm làng còn nghe tiếng chuông nhà thờ đồ dộ dàng trong một sáng chủ nhật. Chẳng lẽ hôm qua, thằng Tám, còn đánh vô lây còn nhảy lên, đề đập một cú, còn cười, lộ chiếc răng vàng óng ánh giữa gương mặt đen thui... Mới hôm qua, hay mới hồi sáng, thằng Tửu, cúi lưng xuống, múc một bi đông nước...

Bây giờ, pháo binh bắt đầu bắn qua ngôi làng phía bên kia, quả đạn hiện chính bốc khói trắng sau những luồn tre. Tiếng người sĩ quan tiền-sát-viên đều đều : Đúng. Làm cho tôi một hàng 20 quả. Tôi liếc môi lấy cặp kính, lau sạch bụi, và chạy vào ngôi trường. Chợt tôi sửng sốt, một đám học trò nhỏ đang nằm sát trên nền lớp, dưới những chiếc bàn gỗ cũ. Cô giáo mặc chiếc áo xanh, cũng nằm chen ở giữa. Nàng ngược mắt nhìn lên, rồi lấy hai bàn tay áp chặt vào tai sau những lần rung chuyển do những quả đạn 105 ly gào xé bên kia cầu. Tôi đứng giữa cửa ra vào. Chiếc bảng xanh còn đề một bài học thuộc lòng : Công cha như núi Thái-sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Những kỷ-niệm của một thời bé dại. Những tiếng sơn ca của một quê hương thanh bình. Tôi bắt chợt cả trăm đôi mắt nhìn lên. Những đôi mắt ngây thơ đang sợ hãi, đang khóc lóc. Và đôi mắt của cô giáo trẻ tuổi đang nhìn tôi ở đâu, tôi làm sao biết. Tôi qua giữa đám học trò đang nằm. Một vài quyển sách rớt trên nền. Tôi nói : các em cứ nằm xuống nhé, không sao đâu. Đánh ở bên kia. Cô giáo hỏi : Có sao không thiếu ư. Tôi đáp thật buồn : Không. Đạn pháo kích đó. Cô cho các em về đi, theo đường này về, đừng cho các em qua bên kia cầu. Nguy hiểm bọn tôi sắp xung phong rồi. Cô giáo lắc đầu : không dám về. Tôi sợ quá. Các em phần nhiều ở bên kia cả... Tôi bỗng nhớ đến Quỳnh. Quỳnh ơi anh đang gặp em qua hình bóng cô giáo ở làng TM này. Dù thế nào đi nữa, dù em chạy trốn anh, dù em xa lánh anh, nhưng anh vẫn còn thương em. Có khi nào em sẽ nằm lại giữa đám học trò bé nhỏ này, để biết anh đang khổ cực chờ đợi những điều sắp xảy ra bên kia cầu. Đôi mắt của em đây. Đôi mắt từ lâu, từ một vùng trời xa xôi nào đó, ở trong cõi sương mù hay trong vùng sa mạc lê thê nào đó, mất hút, bây giờ sống lại. Những đôi mắt của các em tôi, chúng đang nhắm lại hoặc mở ra nhìn bên ngoài, để thấy thế nào là những giọt nước mắt của quê hương.

TRẦN HOÀI THU

Đồi tháp Bánh Ích Bình Định

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cở áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện
số : 2.701, THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Những người cùng làm việc

Thơ LÊ-VĂN-NGĂN

mỗi ngày chúng ta thức dậy lúc bảy giờ
vội vã tới nơi làm việc
dù trên đường đi không hiếm những buổi mai xanh
nhưng ta cố dấu niềm vui lại

là tiếng còi xe ở một ngã ba
nắng vàng công trường nắng thối qua tiệm sách
chúng ta tưởng tới một người vợ hiền
giờ này cũng sửa soạn lên đường
mang thêm chiếc nơ hồng gửi người yêu dấu

bên kia tiếng động của một ngày ồn ào
có quê hương ta lặng lẽ
sưởi ấm cho kẻ xa nhà

mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau vài phút ở mái hiên
khen người bạn có chiếc áo đẹp
mỗi ngày chúng ta chia nhau từng miếng thuốc
hay ghé lại ăn nhờ một bữa cơm
nhưng cô gì cảm được lòng ta
vui trên một tờ báo vừa ráo rức

những giòng chữ mới như bàn tay ta lần đầu tiên
mới như đôi giờ rồi rảnh

trên quê ta đó

Thơ TƯỜNG-LINH

những hoạt-cảnh trong-mơ
giữa mùa hòa-hội...

Những cánh điều bay trên quê ta đó
Mắt sáng môi hồng, bầy em tuổi nhỏ
Trải niềm vui cao vút từng không
Chịu vạ ngày mưa đôi lấy buổi trời trong
Ta quê-quặt đề bầy em đứng thẳng
Xưa rách nát cho bây giờ lành-lặn
Lòng ta đây xin gửi cánh điều lên
Hỡi các thiên-thần ta chưa biết tên
Đừng e ngại mây đen còn lăng-đăng
Và gió bạo khiến thân điều loạng-choạng
Khi mặt trời trao thông-diệp vào xuân
Loài chim thiên-di đã hót tung bừng
Bao lượng ấm đong tràn trên nội cỏ.



Tiếng hát nào vang trên quê ta đó
Vẫn còn nguyên lời mật, ý dân ca
Theo gió xuân đưa, tiếng hát không già
Bởi mẹ truyền em, bởi con truyền cháu,
Bởi quần quanh nôi, bởi hoà trong máu
Đêm Hương-giang còn sóng liễu dâng tình,
Ngày Trường-sơn sừng-sừng đáng uy-linh
Nắng sông Đuống tương-tư mưa Vàm-cỏ...
Như cánh chim xa sau mùa bão tố
Ta tìm về nghe lại tiếng ca xưa
Mem xuân vui rào-rạt đến bao giờ
Âm điệu cũ tuôn qua hồn bỏ ngõ.

Thắm lúa màu xanh trên quê ta đó
Mầm tương-lai ghim thớ đất hồi-sinh
Cánh đồng quen như đôi cánh tay mình
Bè bạn, anh em bao người nhỏ máu
Máu đã phai, hố bom không còn dấu
Đợi mùa vàng mong được chút ngói quên
Chịu ơn người đâu dễ kể từng tên
Nhiều tha-thiết, chưa đủ lời đề tỏ.



Ta về đứng trên quê ta đó
Đợi chuyển tàu ra, đợi chuyển tàu vào
Siết bàn tay bằng-hữu gửi câu chào
Đường xuyên Việt thôi sập cầu, đứt lộ
Còn thiếu những ai xin người nhận hộ
Đến cùng nhau kéo lờ hội nhân-gian
Giấy xác-xơ từ mọi nẻo điêu-tàn,
Ao bạc phếch che hình-hài đầy sẹo,
Nhịp nặng gỗ đưa dáng gầy xiêu vẹo...
Tìm đến quê ta đáp tiếng ân-tình
Trọn- vẹn niềm vui mừng chị, mừng anh
Chào sự sống trên bao miền đất lửa
Chào mùa xuân trở về như đã hứa
Với mỗi buồng tim, mỗi ý, mỗi lòng,
Biết dâng mình làm mộc chắn cuồng-phong
Thấp tin-tưởng cho đêm dài sáng tỏ.



Mồ chú, mồ anh... trên quê ta đó
Đất rêm mình cỏ dại mấy lần xanh
Sáng hôm nay hoa trắng nở đầy cành
Hoa chiêu-niệm những linh-hồn tức-tử
Nhưng hài-cốt còn gang còi, thơ thép gửi
Xin khoan-dung, yên nghỉ tự bây giờ
Bởi trần-gian vừa khép một đêm mơ

... bừng thức và tất ý thơ
vì tiếng bom rung chuyến...

Những con điều trong thành phố

tặng THÁI con tôi

1— Một người bỗng dưng bắt gặp mình tưởng nhớ nhiều về thời tuổi nhỏ có phải là một dấu hiệu già nua hay bởi một bất mãn nào đó dành cho hiện tại?— đó là điều người ta thường kết luận và một đôi người bạn khi nghe tôi kể về thời tuổi nhỏ của tôi cũng thường kết luận như vậy.

Có thể điều kết luận đó đúng cho một người già hay một người tuyệt vọng bất đắc chí và vân vân — và người đó chắc chắn không phải là tôi hiện nay.

Mà trái lại.

Vậy tại sao những suy nghĩ về thời tuổi nhỏ?

2— Một buổi chiều sau nhiều lần hứa hẹn với con mà đành thất hứa vì bận rộn tôi dẫn con đi dạo qua con phố gia đình tôi đã sống một dạo trước khi cha tôi nường cả sản nghiệp lần thứ hai qua canh bạc thời gian chúng tôi sống ở con phố ấy dài mấy năm — năm năm thì phải nếu tôi không nhầm — nhưng năm năm ấy là tất cả kinh nghiệm vốn liếng mà tôi thu nhận được từ gia đình, xã hội và bản thân tôi : để dành cho ngày hôm nay.

Tôi chỏ cho con căn nhà chúng tôi đã sống đã sở hữu con tôi còn quá nhỏ để có thể biết đó là căn nhà chúng tôi đã sống và đó cũng là căn nhà tôi đã thực sự lớn lên với nhiều hờn tủi chua xót cay đắng và đó cũng chính là căn nhà mà mẹ bắt gặp những dấu hiệu về sự hiện hữu của con để mẹ kể con nghe và con coi đây là một trong những bài ru con hay một trong những câu chuyện mà mẹ thủ thỉ kể con nghe trước khi con nhắm mắt đi vào giấc ngủ thiên thần chẳng bận âu lo — dù câu chuyện chẳng thần tiên cổ tích như việc nàng công chúa ngủ trong rừng chờ vị hoàng tử đến đặt nụ hôn thức tỉnh trên cặp môi băng giá vì chờ đợi hay như việc nàng lọ lem kết duyên với một ông Hoàng, và có nhẽ câu chuyện buồn sẽ buồn lắm như mối tình tuyệt của cô công chúa nửa người nửa cá nhưng nàng công chúa ấy đã đắm chết tình địch của

mình để cho giòng máu của tình định thấm nhuộm đôi bàn chân mình hóa chúng thành chiếc đuôi cá cho nàng trở về với thế giới thủy cung thay vì nàng đã tự trầm mình trong câu chuyện của Anderson — như mẹ đã bóp chết sự đau khổ phiền muộn cho cuộc sống gian nan của mình bằng cách đâm chết những đám tiểu dị nghị để có thể ngang đầu cao bước khoan thai về tương lai xây dựng trên bản chất chân thực và những khả năng sẵn có của chính mình.

Này con bây giờ mẹ kể con nghe nhá câu chuyện đó và con hãy nhắm mắt vào để thính giác được mở hết cường độ thẩm nhận những âm những lời.

Con phố mang tên một nhân vật lịch sử chuyên viên kỹ thuật đầu tiên biết làm súng đạn đã sản xuất vũ khí cung cấp cho nhóm nghĩa quân kháng Pháp thời xưa — ngày xưa súng đạn đó được dùng để chống lại quân xâm lăng, nhưng ngày nay cũng súng đạn đó tuy tối tân hơn đã không được sản xuất ở đây mà được sản xuất từ mãi bên kia bờ đại dương và ở những nơi xa xôi nào được chở đến đây để cho người Việt giết lẫn nhau chỉ vì không chung cùng lý tưởng ý thức hệ mầu cờ, như những lời nói cay đắng đầy nguyền rủa vật ngày nào mẹ thường nghe của những người thân gửi cho những người thân.

Và căn phố nằm tại con phố đó mang số một-năm-ba — cộng lại thành chín nút của sự may mắn nhưng đã chẳng hề đem lại vận hên cho ông ngoại con trong những cuộc đổ đen.

Mẹ đã sống tuổi dậy thì của mẹ ở đó trông ngóng cho cây điệp trước nhà mau lớn cao để cung cấp bóng mát cho con phố mới được thiết lập trên đồng sinh lầy còn đầy muỗi mòng những cây điệp đó và những cây điệp khác vẫn cứ mỗi ngày một mòn mỏi cho đến ngày đổ gục và người ta hốt chúng lên xe đồ rác để lại những lỗ trống trơn, những buổi trưa mẹ ngủ thiếp với cuốn sách ướp những lời hoa mỹ để rồi tỉnh dậy với tiếng guốc nặng nề một mỗi tức giận của ông ngoại gõ trên những bậc thang xuống nhà sửa soạn ra đi buổi trưa giữa trời nắng chang chang mẹ thường chồm dậy vào lúc đó ngồi bó gối với đầu óc đặc sệt tóc bết mồ hôi phiền lo mơ hồ.

Dạo ấy mẹ cũng có một hai mối tình con trẻ vu vơ cuồng loạn đam mê mà mẹ biết chẳng dẫn tới đâu.

Một gã con trai mực thước gia đình nề nếp quan liêu đề rồi cuối cùng xuất dương du học.

Một gã con trai đáng trí chán đời dục dăng hung bạo mơ mộng trống rỗng.

Một gã con trai không một người thân quyến trong này nghèo khổ say mê chính trị như một cách để làm giàu và để tung mình ra khỏi tù túng thấp kém.

Và những gã con trai khác nữa trước khi mẹ gặp bố con.

Và tất cả không còn gì khác bây giờ ngoài hoài niệm êm đềm hung bạo dễ thương ghê sợ.

Nhưng mẹ chẳng bao giờ quên được những buổi trưa với tiếng guốc của ông ngoại : nặng nề vì cầu thang dốc và tối mò và vì sức nặng của thân xác và và tâm hồn ông ngoại; mệt mỏi vì tuổi đời chồng chất mà ông ngoại vẫn chưa được phép nghỉ ngơi xa lánh trách nhiệm, và tức giận vì sự đơn độc của ông ngoại, những đứa con mất dạy và người vợ tự ái lạnh nhạt (mẹ nhớ một lần ông ngoại cho mẹ xem giấy tờ bảo hiểm nhân thọ cho mọi người trong gia đình và khóc với mẹ trong khi phiên trách mọi người từ vợ đến con đã tỏ ra hồ hững với người đồng thời mẹ cùng con nghe những lời phiên trách tương tự của bà ngoại và các anh chị em mẹ đứng giữa chẳng biết nên phán đoán ai và chỉ ao ước có một dịp nào đó thoát ly căn nhà nặng nề đó lần đầu tiên mẹ lên Đà Lạt cũng là lần mẹ nuôi ý định kiếm một công việc để sống xa gia đình sống xa những người mẹ thương nhưng lại thù nghịch lẫn nhau mẹ còn nhớ ánh nắng của chiều tàn chiếu trên những ngôi nhà xây theo lối cồ vô hàng lối ở thành phố thông reo đó khi mẹ vừa từ xe đồ bước xuống và đảo qua một tua thành phố nhưng rồi mẹ bị chính thành phố đã lôi cuốn mẹ xua đuổi trở lại Saigon vì thiếu kinh nghiệm vì đói vì lạnh vì cô độc và mẹ lại tiếp tục sống trong căn nhà mang số một-năm-ba cộng lại là chín may mắn mà chẳng hên lại tiếp tục ngửa tay xin tiền ông ngoại để nộp lệ phí cho việc học hành lại tiếp tục chịu đựng sự ám ảnh của tiếng guốc nặng nề mệt mỏi tức giận mỗi buổi trưa nắng chói chang nung nóng con phố tro bụi với giầy điện giăng mắc qua trước nhà ngay sát ban công.

Chiếc ban công đó đó con thấy không – chẳng phải chiếc ban công mẹ vẫn dọa nhốt con ở căn nhà chúng ta đang sống mỗi khi con làm lỗi hay không chịu lên giường đi ngủ và mẹ giận đem bỏ con ra ngoài đó đóng cửa gài then mặc cho con gào khóc đến khi nào con chịu xin lỗi hay bằng lòng lên giường đi ngủ – cái ban công hẹp chạy suốt mặt tiền và bên hông nhà ngó xuống ngõ hẻm với nhiều thứ sinh hoạt lẫn lộn chính tại đây mẹ đã khóc nhiều lần cho những phiền muộn gia đình cho những đồ vỡ yêu đương cho những bản khoản day dứt của lứa tuổi vô định hướng và cho đứa con chưa biết mặt sắp ra đời.

Và cũng chính tại đây những buổi trưa nực nội, buồn nản mệt mỏi mẹ ra đứng nhìn ánh nắng chói chang hắt lên bức tường trắng toát của những ngôi nhà đối diện và mẹ bắt gặp những cánh điều mắc cạn trên lớp giầy điện trùng điệp trước nhà và mẹ liên tưởng đến những đôi mắt của bọn trẻ ngược nhìn tiếc rẻ cho công trình sáng tạo của mình để rồi lăm lủi về nhà với chiếc ống lon rỗng và vài sợi chỉ ăn cắp được trong hộp may của mẹ chúng hay do tiền dành dụm mua được.

Mẹ thường nhìn những con điều mắc cạn ấy và liên tưởng đến chú Chín con đang nằm trong những viện tế bào trại giáo hóa hay một xó kẹt nào đó của thành phố tù hẹp bụi bặm nực nội này.

Bây giờ trong lúc chơi đùa con thường chỏ tay vào ngực nói mẹ mẹ. Chú Chín nè và mẹ gật gật đầu ờ Chú Chín.

Nếu con may mắn có mẹ yêu thương đùm bọc dắt dìu thì Chú Chín là kẻ muôn đời mơ ước được gặp mẹ lấy một lần người mẹ chẳng biết bây giờ đã phiêu dạt nơi nào.

Nếu Chú Chín may mắn có một người cha — khác với đứa con không cha của mẹ : là con — mà chú chẳng hề được hưởng một sự thương yêu đùm bọc dắt dìu nào đáng lẽ chú phải được hưởng vì có cha (có phải vì phương ngôn đã có câu mẹ chết liếm lá đầu chợ ?) Chú Chín của con con biết không say mê chim muông cá để chó mèo và thả diều hơn là sách vở nên đã bị mẹ nọc ra đánh nhiều lần vì tội đó nhưng chẳng bao giờ nỡ giết những cá chim để và xé diều của chú vì mẹ không đủ can đảm và cứng rắn để làm các việc đó.

3— Nhưng hình ảnh về những con diều mắc cạn trên hàng dây điện ám ảnh, mẹ hoài không thôi dù ngay cả bây giờ.

Mẹ thường nhủ với mình diều thường sống ở giữa đồng ruộng thiên nhiên bát ngát và thành phố không phải là đất của chúng cũng như thành phố chẳng phải là nơi cho phép trẻ sống theo bản chất hồn nhiên trong sáng của chúng.

Vì thế mẹ nâng niu ý tưởng viết về những diều trong thành phố, cho con, cho Chú Chín, cho những đứa trẻ yêu thả diều, và cho tất cả những đứa trẻ Việt Nam đang bị cướp đi tuổi hồn nhiên vì chiến tranh vì bom đạn, cho tất cả những đứa trẻ trên thế giới thiếu thốn tù túng trong một thế giới vô tình cuồng bạo.

Mẹ bắt đầu muốn sách đây với giòng chữ đề ở ngay trang đầu : cho tất cả những trẻ thơ mà tôi biết hay chưa quen biết bằng tất cả lòng thương yêu.

Và cuốn sách đó sẽ mang tựa đề : NHỮNG CON DIỀU TRONG THÀNH PHỐ.

TRÙNG DƯƠNG

XII/1968

Sắp phát hành :

Sách THỜI MỚI

— CHÚNG TA ĐI VỀ ĐÂU ? của Đoàn Nhật Tấn.

Ôn lại lịch trình tiến hóa từ nguyên thủy để cố gắng giải đáp những băn khoăn của tất cả chúng ta trong hoàn cảnh hiện tại.

Sách HƯỚNG MỚI

— HIỆN TƯỢNG HỌC LÀ GÌ ? của Trần Thái Đình

tác phẩm đầu tiên bằng tiếng Việt, nghiên cứu về học thuyết mà giữa thế kỷ XX ai nấy đều không thể không biết tới.



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Tình hình xuất bản sách

(Tiếp theo trang 40)

Mặt anh cười, tinh quái vừa chừng :

— Sao anh không hỏi có bà con với *Đời-mới*, hoặc với *Sống mới* mà lại hỏi với *Thời-mới*.

Tôi biết anh tránh câu trả lời, nên qua địa hạt khác.

— Năm nào *Thời-mới* phát đạt nhất ?

— Năm 1965-66. Mà theo tôi, đó cũng là thời phát đạt nhất của ngành xuất bản.

— Và từ biến cố Tết Mậu-Thân ?

— Tự nhiên là sau đó bốn tháng, kè như không làm được gì : lo giữ gìn mạng mình còn chưa xong, có đâu lo bảo vệ sách mà in thêm. Rồi làm cầm chừng.

— Sau quyền *Đế-Thiên Đế-Thích* của anh Lê, anh in cuốn gì ?

— Tôi đang in hai quyển : *Chúng ta đi về đâu ?* của Đoàn-Nhật-Tấn và *Khi những lưu dân trở lại*, khảo luận táo bạo và "cách mạng" của Nguyễn-Văn-Xuân.

— Về...

— Về một nền văn học mà tới nay chỉ có người miền Bắc viết? đó là nền văn học từ đèo Hải-vân trở vô.

— Tôi tin sách sẽ gây sôi nổi. Còn anh ?

Giám - đốc nhà *Thời-mới* chỉ cười cười.

oOo

MIỀN NAM



Mới nhìn dấu hiệu nhà xuất bản này, ai chẳng cho rằng nó chuyên giới thiệu hoặc

những cây viết « Nam-kì Lục - tỉnh » hoặc những tác phẩm nói về người, về cảnh, về việc của miền đất phù sa sông Cửu. Vì con sông rộng thênh thang có cây dừa soi bóng, dễ cho ta nghĩ rằng đó là một khúc Tiền-giang miệt Bến-tre, xứ của dừa, của ông đạo...Dừa. Nhưng sự thật không phải thế. Ta hãy nghe người thay mặt cho nhóm « Miền-Nam » ấy giải thích.

— *Miền-Nam* đây không chỉ Nam-kì Lục-tỉnh, mà phần đất chạy từ sông Bến-hải đến mũi Cà-mau. Con sông lớn ấy là hình ảnh bất cứ con sông nào ở bên nay

vĩ tuyến 17. Còn cây dừa là bởi mấy anh em trong nhóm gốc ở xứ dừa Bến-tre Mỹ-tho, nên mượn cây dừa để tỏ tình nhớ quê hương mà thôi. Vả lại, bạn nào để ý một chút thì thấy « Miền-Nam » không có nghĩa hẹp như thế. « Miền Nam » xuất bản sách của Mai-Thảo, Thanh-Nam, (Bắc) của Hoàng-Trúc-Li, Nguyễn-Vỹ (Trung) và của Ngọc-Linh Bình-Nu-ên-Lộc, Lê-Xuyên, Sĩ-Trung, An-S (Nam), còn đề tài thì có đủ Bắc T. n Nam.

— Có phải *Miền-Nam* chuyên xuất bản tiểu thuyết tân văn (1),

— Phải. Số là một nhóm anh em yêu

(1) Tức tiểu thuyết đăng báo hằng ngày, tiếng Pháp feuilleton.

văn nghệ muốn dựng một nhà xuất bản vào khoảng đầu năm 1965, bàn với nhau: đã có nhiều anh em xuất bản tiểu thuyết dịch; mình nên đi con đường khác: xuất bản sách của nhà văn trong nước nói về người và việc trên mảnh đất này, và bàn thêm với nhau: tiểu thuyết đăng báo hằng ngày, chỉ một số ít được in thành sách, như thế thiệt thòi cho tác giả, mà cũng thiệt thòi cho người đọc. Xuất bản tiểu thuyết đã đăng báo, tác giả vừa được cái lợi vật chất vừa được cái lợi tinh thần. Có thêm tiền nhuận bút và tác phẩm mình được phổ biến thêm.

— Các anh chọn tác giả hay tác phẩm?

— Chọn cả hai, nhưng chúng tôi giới thiệu những tác giả nổi danh đã đành, mà cũng giới thiệu các nhà văn chưa nổi tiếng mà chúng tôi thấy có chân tài. Như Dương-Trữ-La chẳng hạn.

Sau đó, tôi được anh cho biết thêm vài chi tiết cùng vài con số. Quyền đầu của *Miền Nam* là *Vợ thầy Hương* của Lê-Xuyên, in giữa 1965; cuốn mới nhất là *Mấy mùa thương đan* của Thanh-Nam; tới cuối 1968, đã in được 55 quyền. Số in trung bình là 3.000 cuốn. An-Khê có sách in nhiều nhất 10 quyền và cũng là tác giả ăn khách nhất (kể đó là Ngọc-Linh, rồi đến Lê-Xuyên). Tiểu thuyết chạy nhất là *Mối tình đầu* của An-Khê.

Nhìn chung, thì sách chạy đều đều. *Miền-Nam* có điểm tự hào là không có sách bán ở vỉa hè.

— Sanh với các nhà xuất bản khác thì giá sách *Miền-Nam* có phần rẻ hơn. Phải chăng đó là một chủ trương?

— Phải. Giá phải chăng vừa túi tiền của hạng độc giả bậc trung, thì sách cũng có phần dễ bán.

— Còn in ảnh các nữ nghệ sĩ nổi tiếng ở bìa?

— Đó không phải là một chủ trương. Chỉ có lúc đầu, sau này nhờ họa sĩ vẽ tranh.

— Trở ngại đối với *Miền-Nam*.

— Vấn đề in. Từ hai năm nay, thợ lành nghề và có tuổi bị động viên, lớp thợ sau này đã non lại ầu. Như có lần họ đánh mất cả chục trang bài cái, mà đó là những đoạn cắt trong báo cũ. Phải vô thư viện, lục báo cũ, rồi hí hục chép lại. Bực vô cùng. Còn nhiều lần, mới sửa có hai lần, còn phải sửa lần thứ ba, chưa kí cho chạy, thì thợ họ cứ cho máy chạy. Chỉ còn có nước thở dài!

— Năm nào sách *Miền-Nam* bán dễ chịu nhất?

— Năm 1966.

Biết anh có dính líu đến một nhà tổng phát hành, tôi hỏi thêm:

— Còn ngành xuất bản phát đạt nhất trong năm nào?

— Trong hai năm 1965-66.

— Biến cố Tết Mậu-Thân có ảnh hưởng gì nhiều đối với *Miền-Nam*?

— Nhiều chứ, cũng như các nhà xuất bản khác. In ít lại. Nhưng cũng dự bị sẵn một số tác phẩm và hi vọng năm tới, thợ lành nghề được trở về và xe các nhà phát hành đi cùng khắp cả *Miền Nam*!

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG



Nguyễn-thị-Hoàng

Hỏi : Vì sao nhà xuất bản lấy tên là Hoàng-Đông-Phương ?

Trả lời : Khi khởi viết truyện dài trên Bách-Khoa năm 1964, tôi đề tên là Hoàng-Đông-Phương. Về sau, thành lập nhà xuất bản, tôi chọn luôn tên này cho tiện, vậy thôi. Còn hơn một danh-hiệu mới nào khác để đặt tên cho nhà xuất bản. Cái tên không quan hệ gì, vấn đề là đường lối hoạt động và những kết quả tinh thần do công việc mình đem lại thôi. Còn Hoàng-Đông-Phương có nghĩa là gì ? *Mặt Trời*, vắn tắt thì ý nghĩa như thế, ngoài ra ai muốn hiểu thêm như thế nào, xin tùy ý.

H : HDP thành lập từ bao giờ, tác phẩm đầu tiên ?

TL : HDP bắt đầu hoạt động khoảng tháng 11-1967, với cuốn *Vào nơi gió cát* của Nguyễn-Thị-Hoàng, quyển cuối cùng trong năm 1968 là tiểu thuyết

Cuối cùng em đã đến của Viên-Linh, như vậy từ đầu đến nay, HDP đã ấn hành được 14 cuốn. Nhà xuất bản dự trù mỗi tháng đều đặn xuất bản 2 cuốn, nhưng vì biến cố Tết vừa qua, chương trình bị giới hạn, nặc dù, với 14 cuốn trên cũng đã là một cố gắng lớn rồi, như nhiều người công nhận.

H : Cho biết chủ trương của nhà xuất bản, loại sách nào, trọng tâm của những sách xuất bản.

TL : Sách của HDP gồm 3 loại : tiểu thuyết, biên khảo và dịch thuật. Về tiểu thuyết thì chúng tôi tìm kiếm những tác phẩm VN có giá trị hơn là chú trọng đến những cuốn của ngoại quốc, vì chúng tôi quan niệm rằng chưa chắc tiểu thuyết VN đã thua sút tiểu thuyết ngoại quốc về phương diện nghệ thuật cũng như tâm thức. Theo thiên ý thì về phương diện tâm thức, tiểu thuyết VN còn phong phú và sâu sắc hơn tiểu thuyết ngoại quốc, và dù sao trong giai đoạn này, giới thiệu tiểu thuyết VN cũng hơn vì nó phản ánh được tâm thức con người VN, trong khi tiểu thuyết ngoại quốc chỉ để nhìn thấy những khía cạnh nghệ thuật.

Về biên khảo thì chúng tôi không nhắm những tác phẩm có tính cách tài liệu khảo cứu mà phải là những tác phẩm "đặt vấn đề", có nghĩa là những tác phẩm có nêu những vấn đề để suy nghĩ, giải quyết, tất nhiên là những vấn đề thiết yếu cho đời sống tư tưởng hiện tại. Vì vậy trong loại này chúng tôi chỉ chú ý những cuốn biên khảo của tác giả VN đặt các vấn đề trong hoàn cảnh lịch sử và đời sống hiện tại. Tuy nhiên, loại này, loại mà

chúng tôi chú trọng nhất thì có vẻ ít, chỉ mới có một cuốn tiểu luận và một cuốn luận thuyết.

Loại thứ ba là loại dịch thuật, chúng tôi nhằm giới thiệu những tư tưởng gia hoặc những trào lưu tư tưởng mới có giá trị, ví dụ như Martin Heidegger (*Về thế tính của chân lý*, Phạm-Công-Thiện dịch) và *Phần tâm học* của Carl Gustav Jung, Alfred Adler, Sigmund Freud, Erich Fromm v...v...

Hỏi : Nhà xuất bản cho biết tình hình phát hành như thế nào trong năm qua ? Số in cao nhất và thấp nhất là bao nhiêu ? Tác giả và loại sách nào tương đối bán chạy nhất ?

TL : Nói chung thì tình hình phát hành trong năm vừa rồi, vì thời cuộc có khó khăn hơn trước, tuy nhiên chúng tôi vẫn cố gắng in ba ngàn cuốn đối với loại sách bán chậm, ít độc giả và 5.000 cuốn là mức

tối đa. Những tiểu thuyết nói chung vẫn bán chạy hơn các loại biên khảo. Các sách của Nguyễn-Thị-Hoàng vẫn thường in với số 5.000 và có nhiều cuốn đã tái bản lần thứ hai thứ ba như anh đã thấy. Tuy nhiên trong những sách biên khảo thì loại sách của Phạm-Công-Thiện cũng bán nhanh.

Hỏi : Nhà xuất bản cho biết khuynh hướng của độc giả hiện tại.

TL : Hiện nay số độc giả thích đọc loại tư tưởng cũng nhiều như sở thích đọc tiểu thuyết. Có lẽ đó cũng là do ảnh hưởng thời cuộc phát sinh những vấn đề nặng nề lên tâm thức người đọc.

Hỏi : Nhà xuất bản cho biết dự định trong năm tới,

TL : Sẽ cố gắng cải tiến về phần hình thức và nội dung và nếu hoàn cảnh cho phép, sẽ xuất bản đều và nhiều hơn.

CƠ SỞ XUẤT BẢN PHẠM QUANG KHAI



Năm xưa, tôi làm rộ
Nem-chi từng thư.

Năm nay, tôi quấy rầy
Tủ sách Nem-chi.

Cũng vẫn cái ý nghĩa «Chim Việt đậu cành Nam» mà từ từng thư đôi qua tủ sách, từ một mình một cõi, nay đứng chung với *Tủ sách Tiến bộ* trong cùng một *Cơ sở xuất bản Phạm-Quang-Khai*.

Xưa, gặp một Phùng-Tất-Đắc, là đủ



Lăng Nhân Phùng-Tất-Đắc



Nguyễn-doãn-Vượng

rồi. Muốn hiểu thêm về phần kỹ thuật, thì gặp thêm một Nguyễn-doãn-Vượng, là có thể viết bài ngay. Nay còn lại phải tìm đến một Phạm-Quang-Khai, một tên rất quen trong thương giới, nhưng rất xa lạ với giới cầm bút. Lại còn thêm cái tin chẳng biết ai đồn: Tạp chí Bách-khoa cũng có hùn hạp vô nữa. Thế thì sau rốt phải «trở về nguyên quán» mà làm tình làm tội một Lê-Ngộ-Châu chẳng?

Nhưng hỏi lại mới hay «phần Bách-Khoa», chỉ là góp ý và giới thiệu một số tác phẩm mà thôi. Cơ sở Phạm-Quang Khai mở thêm «tủ sách Tiến bộ» để in những sách có giúp ích cho phần phổ-thông kiến-thức, còn «tủ sách Nam chi» vẫn theo hướng *Nam chi từng thư* đề ra từ trước: chọn và in những sách nặng về phần nghệ thuật, văn chương.

Vậy, thì hỏi «đôi lứa uyên ương» Đắc - Vượng, là được rồi.

Một người là Tổng Giám-đốc, một người là Giám đốc kỹ thuật. Cả hai dựa vào nhau một cách tương đắc cho nhà

in «siêu đẳng» ấy: ấn quán Kim-Lai, được thịnh vượng, rồi lại chia nhau công việc: kẻ viết và chọn tác phẩm, người trông nom việc trình bày, ấn loát cho từng chi *Nam-Chi* có một chỗ ngồi riêng.

Với gương mặt no tròn và phúc hậu, với cái bíp hiền lành, người Lãng-Nhân họ Phùng cười cười nói qua sự ra đời và cái hướng của *Nam-Chi*, rồi giao cho con người rắn dỏi, lanh lẹ, gương mặt dài xương xương, người kỹ-thuật-gia họ Nguyễn (mà ai xưa là độc giả trung thành của Trung-Bắc chủ-nhật hẳn chưa quên được) giải đáp những cái linh tinh, đi vào chi tiết.

Chủ trương chánh của *Nam-Chi* là giới thiệu những tác phẩm có giá trị, nhưng khó tìm nhà xuất bản, vì sách sẽ bán rất chậm. Lúc bắt đầu, *Nam-Chi* đã nghĩ nhiều đến việc giúp các văn-nghệ-sĩ (nhất là lớp văn-nghệ-sĩ tiền-chiến) xuất bản tác phẩm cho họ — chỉ mong lấy lại được vốn — và in những công trình đã được giải thưởng văn chương (thường loại này, tác giả không tự bỏ tiền được... giải đề in, mà lại không có nhà xuất bản nào thương lượng đề in, mới lạ). *Nam-Chi* rất chú trọng đến hình thức sách in, ngoài số in thường (trung bình: 3000 quyền, đặc biệt *Hà-nội ngày nay* của Người-Thăng-Long in 1.000 quyền), có in thêm ba trăm quyền, thuộc lại quý, in trên giấy kim nhũ, trình bày rất mỹ-thuật, bán vốn cho các nhà chơi sách và để biếu các văn-hữu. *Nam-Chi* có cái tự hào là những sách ấy đem ra trình bày ở ngoại quốc, không làm mất mặt nghề ấn-loát và xuất bản Việt-nam.

Quyền sách mở đầu cho nhà xuất bản là tập phẩm luận *Trước đèn* của Lãng-Nhân (vốn ra mắt lần đầu năm 1939, ở Hà-nội), gặp phép đề 1-7-1956 mà mãi đến ngày 20-8-1960 mới in xong. Rồi từ đó, gần đủ các loại văn củng cố vừa giá trị vừa địa vị cho *Nam-Chi*: thơ, khảo cứu, sưu tầm, phẩm luận, cáo luận, truyện dài, hồi kí.

— Trở ngại lớn nhất ?

Đôi mắt họ Phùng cười cười sau khối thuốc mờ màng trong khi khuôn mặt của họ Nguyễn tựa như kéo cho dài thêm ra, và họ Nguyễn không giấu được cái bực lẫn cái buồn trong câu nói :

— Chắc người « tinh ý » như anh đã biết. In sách cho anh em, anh em có người không trả vốn, mặc dầu sách anh em đem bán thu vào cũng bộn tiền...

Tôi cười và tiếp theo :

— ...và chẳng những các anh không

được nhớ ơn mà còn mắc oán nữa !

Với « Tủ sách Tiến bộ » *Nam-Chi* được người bạn đồng hành, tuy là hai ngã đường nhưng cùng qui về một đích : đem những món ăn bổ ích cho tinh thần và cho trí não, có nghệ thuật mà cũng có khoa học, và cổ sao những năm tới sẽ được trình bày những cái hay cái đẹp của văn học, của nghệ thuật, của văn minh của Dân tộc ta, để cho đồng bào thêm tin tưởng ở chân giá trị của giống nòi và để người ngoại quốc biết rõ và đúng cái Văn hóa của ta.

— Còn mong mỗi ?

— Mong sao có cuộc thi các ấn loát phẩm cho nghề in thêm tiến bộ. Mong sao các s^h quán sẽ lập những tủ sách cho kiểu bào đỡ thấy xa quê hương. Mong sao ở các thủ đô lớn (như ở Ba-lê), có những nhà sách lớn của miền Nam để giới thiệu các sách có giá trị trong nước, kéo thên với miền Bắc quá !

AN - TIÊM



Lúc bảy giờ, gần tới giờ giới nghiêm. Tôi « đòi » chủ nhân hai li cà phê sữa để cùng thức. Vì từ 8 giờ tối đến giờ, câu chuyện « chuyên nghiệp » mới ở vòng ngoài.

Một giờ rưỡi khuya.

— Thôi chúng ta ngủ. Tôi đã rõ những nét chánh. Năm giờ sáng, ta dậy, tôi hỏi anh năm bảy con số, ít điều lật vật, là xong.

Tôi dậy trước khi đồng hồ reo. Phạm-Công-Thiện vẫn ngồi bên đèn con, 'ịch. « Cho ông ấy khỏi mất công thức đây sau đit như người đòi nợ không bằng ! » Ông ấy chột tỉnh. Và hai chúng tôi ngồi xếp bằng, im lặng một hồi, như hai nhà sư đang lúc tham thiền.

Rồi :

In ít nhất : 2.000. In nhiều nhất : 7 000. Bán nhiều nhất : *Khung cửa hẹp* (Bùi-Giáng dịch André Gide). Bán mau nhất : *Hố thẳm của tư tưởng* của Phạm-Công-Thiện (sau hai tháng, hết 4.000 cuốn in lại 5 000 cuốn, hiện không còn), kể đó là *Tự do đầu tiên và cuối cùng* (Phạm-Công-Thiện dịch Khrisma-



Trong phòng triển lãm tranh của họa sĩ Nguyễn-Trung (1967
tại Pháp văn đồng minh hội) do nhà xuất bản An-Tiêm bảo trợ.

murti ; giá cao, mà 4.000 cuốn bán thế trong vòng ba tháng, đang in lại). Bán ít và chậm nhất là một quyển tiểu thuyết do Tam-Ích dịch, có cái tên *Kêu thương*. Còn thơ, thì in đề « làm duyên » với vài anh em, số in từ 800 đến 1000.

Trao đổi cuối năm 1966 với *Khung cửa hẹp*. Hiện in được 36 cuốn. Năm thịnh nhất của nhà xuất bản : 1967. Thời thịnh nhất của ngành xuất bản : đầu năm 1966 đến giữa 1967.

Trở ngại lớn nhất : việc phát hành, phải nhờ người.

Nguyễn vọng : cố tự phát hành lấy đề có thể giúp bạn đọc đặc lực hơn, chọn tác phẩm khá mà không bị gì cản trở hay buộc ràng ; giá sách không phải đề quá cao như bây giờ.

Một ngạc nhiên : sau biến cố Tết Mậu-Thân, số người đọc tăng lên, sách biên khảo chạy hơn tiểu thuyết và truyện ngắn, phong trào « đọc chương »

đã xuống từ 1967, qua 1968 lại càng xuống nhiều. Chỉ có « sách chương » của Kim-Dung — Kim-Dung chánh hiệu con Nai — còn chạy.

Dự định thì nhiều, nhưng mà tình thế cứ khó kéo dài như thế này, thì rồi chắc thực hiện chẳng là bao.

Mong sao khám phá được những cây bút trẻ, mới (nội dung cũng như hình thức), rồi « lăng-xê » họ.

— Thế là xong. Giờ, tôi tóm tắt những gì anh « rĩ rả » — tiếng anh nho nhỏ, từ tốn, anh nói chậm chậm, đôi khi đứt quãng — với tôi hồi khuya :

« Anh lập nhà xuất bản là muốn thêm một môi trường hoạt động cho Văn hóa. Văn hóa vừa có tánh cách Dân tộc vừa có tánh cách Nhân-loại, và để thực hiện một ao ước từ thuở nhỏ. Thuở tuổi mười lăm, anh đã mê sách đẹp, và trong túi thường trống, mà có lúc dám bỏ ba trăm bạc (khoảng 1950, đó là một số tiền khá lớn với một cậu bé chưa làm ra tiền)

đề mua một quyển sách anh thích. An-Tiêm, là anh quyết theo cái chí tự lập của người ngay bị vua hiểu lầm (bởi bọn nịnh thần ganh ghét) đẩy ra hoang đảo, và với hai tay trắng (An-Tiêm còn hơn anh vì có một vợ với hai con !), gây sự nghiệp đời còn ghi.

"Anh có tâm hồn nghệ sĩ, nên sách bán chạy, mà chẳng khá gì." Phạm-Công-Thiện bỗng xen vô : " Có lần, in bìa một cuốn sách của tôi, tốn đến 30.000đ, ông không ưng ý, in lại, tốn 30.000đ, cũng chưa ưng ý, lại in lần thứ ba. Chỉ có một cái bìa, mà tốn đến 90.000đ ! Thế thì khá sao nổi ! "

Tôi nhìn anh chăm chú. Anh chẳng lời nào. Đôi mắt chỉ hơi cười.

Tôi đứng dậy, vươn vai.

Anh đứng theo, nhờ tôi ghi thêm.

« Khuynh hướng của An-Tiêm, là tinh thần phá chấp. Cho nên có *Đêm dậy thì* của Nhã-Ca, có *Ngày đó chúng mình yêu nhau* của Phạm-Duy. Sao cho độc giả thấy rằng muốn sống có *Hạnh phúc* không thể tin tưởng ở một thuyết nào, ở một đạo nào, ở một đảng nào, ở một người nào, mà chỉ tin tưởng ở chính mình mà thôi. »

Tôi tay ghi mà trí ngẫm nghĩ.

Ở nhà dưới dường như có tiếng chân ai quờ quạng tìm một, hai chiếc guốc.

NGE-BÁ-LÍ

Kì sau : *Mặc-Lâm, Hoa-tiên, Nam-cương, Trình bày, Lá bối, Phù sa, Gió bốn phương, Văn uyên. Những tác phẩm hay, Đời nay, Văn nghệ, Đông phương, Sáng tạo...*

THƯƠNG TIẾC

Nhà văn **Y-UYÊN** (NGUYỄN-VĂN-UY) đã tử trận tại đồn Nora Phan-Ihiết ngày 8-1-1969,

Xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc hương hồn bạn Y-UYên sớm tiêu-diêu miền Cực-lạc.

LÊ NGỘ CHÂU — VÕ PHIẾN — LÊ TẮT ĐIỀU — TRẦN PHONG GIAO — NGUYỄN NGU Í — CÔ LIÊU — THẾ UYÊN — TRẦN ĐẠI — BÙI KIM ĐÌNH — LÊ PHƯƠNG CHI — TRUNG DƯƠNG — GIA TUẤN — NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGẬM NGÙI NGHE TIN :

Chuẩn-úy NGUYỄN-VĂN-UY (khóa 27) tức là nhà văn Y-UYÊN đã vĩnh viễn xa lìa bạn hữu.

Chuẩn úy : Lê-vĩnh-Thọ, Hoàng-Lộc, Hoàng-Quý, Diệp-vĩnh-Phước, Nguyễn-văn-Nhật, Hoàng-Khanh, Nguyễn - viết - Quân, Lê - Bá - Lãng, Nguyễn-Hiếu-Học, Nguyễn-văn-Liêm, Lâm - Hảo - Dũng, Tô - Đình - Sự,

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Tác-giả thế-kỷ hai mươi** của Bửu-Ý do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 252 trang, trình bày về 13 tác giả sau đây : Luigi Pirandello, Cevase Pavese, St. Exupery, A. Robbe. Grillet, Sedar Senghor, Jacques Prévert Nikos Kazantzaki, Arno Schmidt, T. Williams, Tản Đà, Graham Greene, Kim-Dung, A. Gide. Giá 140đ

— **Krishnamurti ở Carmel**, nguyên tác của Rom Landau, bản dịch của Nguyễn Minh Tâm và Đào hữu Nghĩa, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang có Phụ-lục trích dịch 3 bài trong 3 quyển « Luận về cuộc đời » của Krishnamurti. Giá 70đ.

— **Người khách lạ** tập chuyện kể của Trần-văn-Tuyên, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang gồm 11 chuyện kể, bìa do Ngọc Dũng trình bày. Bản đặc biệt. Giá bản thường 80đ

— **Tuyển truyện tuổi thơ** của 6 tác giả : Duyên Anh, Dương-Nghiem-Mậu, Mai-Thảo, Nguyễn thị Hoàng, Tạ Tỵ, Võ Hồng, do Văn-Uyển xuất bản và gửi tặng, Sách dày 132 trang gồm 6 truyện. Giá nhất định 30đ.

— **Essai de contribution à la solution de la guerre au Vietnam** khảo-luận của ô. Hoàng minh Tuynh in ronéo tại Ba-lê, tháng 1, 1969, nhân ngày Hòa-bình Thế-giới, dày 22 trang do tác giả gửi tặng.

— **Tân Văn** số 8, tháng 12-1968, nghiên cứu phê bình văn học, gồm các bài của Vũ Hoàng Chương, Nguyễn văn Xuân, Trần thái Đình, Trần Thiện Đạo, Tam Ích, Võ Hồng, Trần khắc Cần, Lãng Nhân. Sách dày 112 trang. Giá 30đ.

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Viêm Tịch ; Phong Thanh ; Giũ Thạch ; Hoàng Lộc ; Miên Trường ; Thụy Miên ; Hải Thanh Lê, ; Người tóc dài ; Lê Thanh Tòng ; Phạm Thế Nguyên ; Trần đình Sơn Cước ; Nguyễn Văn Ngữ ; Hoàng Tuân Đông ; Nguyễn mai Gioan ; Rừng Rú ; Võ cao Trúc ; Mường Mán ; Thái Dương ; Đức Duy ; Uyển Vũ ; Nguyễn Âu Hồng ; Hải Bằng ; Quang Ngọc ; Hoài Nhã Liên Văn ; Thủy Triều ; Nguyễn Sinh Từ ; Lê Bao La ; Trương Hà Trữ ; Như Khuê ; Trần Gia Văn ; Thanh Mai Đình ; Lãng Ngư ; Lê Trung Nguyên ; Vũ ; Nguyễn Đông Thạch ; Phan Như Thức ; Hà nguyên Thạch ; Đình Tử Lưu ; Tô Hưng-Bha ; Tuy Viễn ; Ngô Xuân Hiệp ; Tô đình Sự ; Bạc Mệnh Nhân ; Hoàng Gổ Quý ; Trần Hoan ; Lê văn Ngăn ; Thái Ngọc San ; Hoàng tước Hồ ; Trần thị Thái Hoà ; Thiện Thư ; Đặng Huyền Thu ; Thủy Linh ; Quỳnh Diệp.

Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào lựa đăng chúng tôi sẽ xin trả lời trên Hộp thư số tới (số Tết Kỷ Dậu : 290) và số Tân niên, hoặc sẽ có thư riêng. Nếu không, xin quý bạn coi như không tặng mà thông cảm cho.

— Ô. Phan-như-Thức và Tô-đình-Sự : « Trước Mặt » và « Thế đứng » sẽ đăng quảng cáo trên số Xuân Kỷ-Dậu (1-2-68). Kỳ này kết trang quá mong các anh hiểu cho.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật nên một số bài định đăng trên Bách-Khoa kỷ-niệm 12 năm, trong số đó có bài của bạn Cô-Liêu — phải dành lại cho số Tết Kỷ-Dậu sắp tới đây. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn.

MAI SAU

hay là **Dựa** mộ bia người thân, nhìn
ra biển lớn Thái bình, to nhỏ

*Em có đến, mà không Anh đón tiếp
Cát mịn này sẽ âu iếm got chân Em,*

*Em có về, mà không Anh đứng đợi
Gió khơi này sẽ mơn trớn tóc dài Em,*

*Em có ngồi đây, mà Anh không động đây
Biển Trời này sẽ thỏ thẻ chuyện đời Anh.*

1960 — 1968

NGUYỄN-NGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ

(trích tập tạp nhạp.. « Q...Ê HƯƠNG », tập A,
sẽ gòb một đầu năm Gà 69)

« Chúng ta có thói quen đọc sách để hiểu một truyện hoặc để hiểu một hệ thống tư tưởng, ít khi tìm hiểu tấm lòng của tác giả. Tôi không chắc rằng có nhiều độc giả thích cuốn... « Q...Ê HƯƠNG »... này, nhưng riêng tôi, tôi cho nó là một kì thư chưa hề thấy trong văn học Việt-nam, và tất cả những bạn của anh NGUYỄN-HỮU-NGU' tất đều phải nhận như tôi rằng, cuốn này biểu lộ rõ nhất — tuy chưa hết — tâm hồn khả ái và cái tình rào rạt của anh. Người sau có muốn chép lại đời anh — một đời đau khổ nhất mà cũng đặc biệt nhất trong giới văn nghệ sĩ hiện đại — tất phải dùng nó làm một trong những tài liệu chính. »

NGUYỄN-HIEN-LÊ

oOo

...« Q...Ê HƯƠNG »...

do NGUYỄN-NGU-Í — NGÊ-BÁ-LÍ — TÂN-FONG-HIỆP
chủ trương

NÚI - CŨ - HÒN - BÀ
xuất bản đầu năm GÀ 69

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Khứ hồi quanh mặt trăng



Borman, Lovell và Anders

Đúng 15g41ph ngày 21-12 tầng cuối cùng của hoả-tiên Saturn 5 khai hoả, đưa phi-thuyền Apollo 8 vào cuộc hành-trình lịch-sử. Khi Kha-luân-bổ vượt Đại-tây-dương tìm ra Tân-lục-địa, ông ta còn được mấy người da đỏ đề tò mò ngắm nghía ; lần này, dù tốn công tìm kiếm, các phi-hành-gia không thấy được bóng dáng sinh vật nào, dù là thứ sinh vật dị-hình nhất.

Trong ngày đầu tiên của chuyến bay, phi-hành đoàn đã gặp trở ngại. Lovell báo cáo về Trung-tâm kiểm-soát ở Houston cho biết Borman, phi-hành-trưởng, bị nôn mửa, đau đầu và sốt trong trong hơn mười tiếng đồng hồ. Sau đó, nhờ ngủ được mấy tiếng, sức khoẻ của Borman dần dần trở lại trạng-thái bình thường. Các phi-hành-gia cố ý dấu bớt các bất trắc trong tình trạng sức khoẻ của mình, vì sợ có thể bị gọi trở về trái đất.

Vào buổi xế chiều ngày chủ-nhật 21-12, khi phi-thuyền cách xa trái đất 138.700 dặm, bức hình đầu tiên từ trên phi thuyền được chuyển về trái đất. Bức hình cho thấy sinh-hoạt của ba phi-hành-gia trong phi-thuyền: Lovell với khuôn mặt râu ria xuất hiện trên màn ảnh truyền hình, chúc thọ thân mẫu nhân ngày sinh-nhật thứ 73 của bà. Ông cho biết ông nhìn thấy Nam-Mỹ, mũi Horn và miền Tây-Nam Hiệp-chủng-quốc. "Nước toàn một màu xanh. Mây màu trắng sáng và lục địa thay đổi từ màu nâu nhạt cho tới màu nâu đậm ».

Ngày thứ hai 23-12, Apollo 8 vượt qua vùng giáp-giới giữa trọng lực nguyệt cầu và trọng-lực trái đất Nơi đây cách xa địa cầu 202.700 dặm và cách nguyệt-cầu 38.900 dặm. Từ giây phút đó, Apollo 8 lọt vào ảnh hưởng trọng-lực của nguyệt cầu, tốc-lực phi-thuyền bắt đầu tăng dần lên như một quả banh bắt đầu lăn xuống dốc.

Borman cho biết anh đã thấy được nguyệt cầu. Qua khung cửa nhỏ của phi thuyền, nguyệt-cầu nằm giữa mặt trời và trái đất xuất hiện như một khối sáng mờ

mờ, có lẽ một phần cũng vì cánh cửa bị phủ mờ. Borman có cảm tưởng như đang ở trong một chiếc tàu ngầm.

Từ lúc đầu, 3 khung cửa chính của phi thuyền bị hơi phủ mờ. Những bức hình chụp được phần lớn nhờ vào hai khung cửa nhỏ hình tam giác trước mặt Borman và Ander.

Chỉ một phút trước khi phi thuyền bắt đầu vòng ra sau nguyệt-cầu, từ Houston trên trái đất tiếng chúc lành vang lên bên tai các phi hành gia. Họ sắp mất liên lạc hoàn toàn với trái đất khi phi-thuyền bay ra sau mặt trăng, và lúc đó phi-hành-đoàn phải một mình quyết định cho phi thuyền lọt vào quỹ đạo nguyệt cầu.

Sau 36 phút dài tưởng như vô cùng ấy, Apollo 8 xuất hiện trên màn ảnh truyền hình giữa tiếng reo hò của các nhà bác-học trong phòng kiểm soát. Tiếng Lovell một mỗi từ nơi xa xăm vọng về : « Sung sướng được nghe lại giọng nói của anh ».

Lời nói đầu tiên từ nguyệt-cầu chẳng phải là những câu văn-hoa đề tả dung nhan chị Hằng. Nó gồm những tiếng chuyên môn khó hiểu, ngắn ngủn và khô khan, báo cáo về tình trạng máy móc của phi thuyền. Rồi mới tới tiếng Lovell : « Nguyệt-cầu hầu như toàn một màu xám. Không màu sắc. Có vẻ như một mảng thạch cao hay một bãi cát màu xám nhạt ». Địa điểm đổ bộ cho phi-thuyền Apollo 11 tương lai nằm trong vùng biển Trầm lặng (Sea of Tranquillity) cạnh hai ngọn núi lửa và một đỉnh núi hình tam giác. Lovell cho đó là một nơi thật tuyệt diệu để đặt chân thăm viếng chị Hằng.

Trong lúc cao hứng, 3 phi-hành-gia đã tranh nhau đặt tên cho các địa-diểm mình trông thấy trước tiên. Có những ngọn núi mang tên Grissonm, White và Chaffee đề tưởng nhớ 3 phi-hành-gia đầu tiên của Hoa-kỳ bị tử nạn. Lại có ngọn được mệnh danh Marilyn Lovell, tên người bạn đời của phi-hành-gia Lovell. Và tất nhiên là có núi Borman, núi Anders và núi Lovell. Con cao hứng này gây bối rối cho các viên-chức Mỹ trong cơ-quan I.A.U (International Astronomical Union) vì sự bất bình của người Nga. Thiếu sự hợp tác của Nga, việc đặt tên sẽ bị chậm trễ và chắc chắn gặp nhiều phiền toái.

Borman có nhiệm vụ thâu hình mặt trăng và truyền về trái đất. Ông ta bảo : « Nguyệt cầu đối với chúng tôi mỗi người mỗi khác. Trong ấn-tượng của riêng tôi thì đó là một thực-thể to lớn, lẻ loi và chẳng đẹp để gì. Đó chắc chắn không phải là nơi hấp dẫn để sống hay làm việc ».

Còn Lovell thì bảo : « Điều mà chúng tôi đặc biệt lưu ý là những miệng núi lửa nhỏ và sáng chiếm hầu hết bề mặt nguyệt-cầu ».

Anders lại cho rằng : « Chân trời rất rõ ràng. Bầu trời đen như hắc-in

và nguyệt cầu thật sáng tỏ. Tương phản giữa bầu trời và nguyệt cầu là một lần đen rõ ràng.»

Lovell : « Vùng đất này là một cõi mệnh mông của đen và trắng, tuyệt đối không có chút màu sắc nào. »

Anders : Bầu trời trên này chẳng thú vị gì. Một khoảng tối đen không có lấy một vì sao khi chúng tôi bay ngang qua đó vào ban ngày. Mặt nguyệt cầu chẳng chịt những hố sâu do các thiên thạch bắn phá xuống qua bao nhiêu là thời gian.»

Những ảo tưởng đẹp đẽ về chị Hằng đã biến mất khỏi trí óc của phi-hành-gia, chỉ còn lại đó mỗi xúc động lớn lao về sự trống không và cô đơn của hành tinh này. Trong vòng bay cuối cùng, cả ba người đều mệt mỏi và ao ước trở về trái đất, nơi bao nhiêu người đang chờ đón họ. Họ đã làm những thiên-thần gởi lời chúc lành xuống nhân gian trong ngày sinh-nhật của Chúa.

Chuyến trở về thật khó khăn. Chỉ sai lệch trong vài giây đồng hồ là phi-hành-đoàn sẽ mãi mãi bay trong không gian. Đúng 12 giờ sáng giờ EST, phi-thuyền Apollo 8 nhô lên từ chân trời phía đông của nguyệt-cầu và thẳng tiến về hướng trái đất. Một cây Giáng sinh huy hoàng lúc đó mới được dựng lên trong phòng kiểm-soát ở Houston : Cả gian-phòng tràn ngập tiếng cười nói và khói thuốc của những con người đã trải qua những giờ phút căng thẳng nhất. Đối với gia-đình của các phi-hành-gia thì đó là những giây phút không bao giờ có thể quên được. Thật là một mùa Giáng-sinh tuyệt diệu ! Nhất là bà Valerie Anders, bà sắp nhận được một món quà vô giá là cái trâm cài tóc bằng vàng hình số 8 mà Anders đã mang theo mình trong suốt chuyến bay.

Apollo 8 trở về trái đất trước lúc bình-minh. Ba chiếc dù không lồ màu cam theo phi-thuyền rơi xuống một nơi trong Thái-bình-dương cách Hạ-uy-di chừng hơn một dặm. Ba phi-hành-gia phải lênh đênh trên mặt biển trong hơn một giờ chờ cho trời đủ sáng để trực-thăng chở về tàu. Việc đầu tiên của Borman là dùng ngay chiếc máy cạo râu bằng điện để « húi » sạch bộ râu đã được dịp tha hồ mọc trong suốt 6 ngày qua.

Trong sáu ngày ấy, trong số những kẻ chờ đợi ở dưới đất, sốt ruột nhất chưa chắc đã là bà Valerie Anders, mà có lẽ là Tổng-thống Hoa-kỳ Johnson, mặc dù ông không được hứa hẹn một cái trâm cài tóc bằng vàng. Bởi vì giả sử cho đến nay mà Apollo 8 không về mặt đất thì cuộc giã từ toà Bạch-ốc của Johnson mới buồn thảm biết bao !

● Nhà văn Y-Uyên, một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách-khoa, về truyện ngắn, từ 1953 tới nay, vừa bị tử thương trong một cuộc giao tranh tại ngoài đồn Nora, Phan-Thiết gần trưa ngày 8-1-1969.

Y-Uyên tên thật là Nguyễn văn Uy, sinh ngày 6-8-1943, tại làng Dục Nội, tỉnh Phúc, Yên Bắc Việt. Sáng tác đầu tiên của anh đăng trên Bách-Khoa là truyện ngắn: *Niềm an ủi cuối cùng* (Bách Khoa số 149 ngày 15-3-63) và bạn đọc đã gặp sáng tác của Y-Uyên trên Bách-Khoa nhiều nhất vào các năm 1965 và 1966.

Đề tưởng niệm anh, Bách-Khoa xin đăng lại sau đây những nhận xét về tác phẩm anh, những lời của chính anh tâm sự và niềm thương tiếc của một người bạn anh, Lê Tất Điều, mà cũng là của chung các văn hữu, các bạn đọc của Y-Uyên.

● Đọc Y Uyên người đọc luôn bắt gặp cái cảm giác ngậm ngùi. Những sự kiện của Y-Uyên biết mang một vẻ *tâm thương mà lớn lao của cuộc sống*. Anh không dài dòng, nhưng cũng không hấp tấp vội vã trong việc diễn tả. Từ từ chậm rãi, sâu sắc mà khách quan, Y-Uyên đóng trọn vẹn vai trò của một chứng nhân trước cuộc sống hiện tại. Anh không hẳn học không lên án gắt gao chiến tranh, nhưng sự diễn tả của anh vừa đủ làm người đọc thấy chua chát, xót xa cho những mảnh đời khốn nạn trôi nổi — nạn nhân của một cuộc lưu đày vô hạn định. (Cô TRÙNG DƯƠNG điền sách « *Tượng đá sườn non* »)

● Có những cảnh bi thảm trong thực tế, không làm sao tôi mô tả nổi ! Nhiều khi tôi vẫn phải lờng vào những cảnh quá bi thảm mình đã thu nhận được trong thực tế, những nét đẹp. Chứ bi thảm quá như trong thực tế thì không sao tôi viết nổi. Thú thật tôi chưa bao giờ có can đảm phết đen nguyên một tác phẩm. Chưa bao giờ cả ! Mà bao giờ tôi cũng lờng vào đấy một nét đẹp, để mình có thể chấp nhận nó. Chẳng hạn như trong truyện *Tiếng Hát Của Người Gác Cầu*, tôi tả lại câu chuyện một người Dân vệ gác cầu trên sông Đà Rằng (Tuy Hòa) khi sông nước lũ, anh ta thấy một con bò chết trôi tấp vào chân cầu. Anh ta lội ra cắt một miếng thịt ôm vào người sắp sửa lội trở vào, thì quần anh ta quần vào dây thép bao quanh cầu, nước nhận anh ta chết tại chỗ. Sự thật là vậy đó, nhưng tôi không dám cho anh ta chết trong tác phẩm, mà dừng lại chỗ anh ta lội ra để cắt thịt bò... Ngoài ra, cũng còn một lẽ nữa là có những thực trạng bi thảm, nếu mình tả đầy đủ quá, sự thật ấy sẽ làm đục chạm nhiều cơ quan địa phương, như chuyện anh Dân vệ bỏ gác, lội sông cắt thịt bò, đến nỗi bị chết chìm, chẳng hạn... Và có nhiều sự thực ngoài đời, mình không dám đưa vào các tác phẩm, như trong *Mùa Xuân Qua Đèo* tôi đành phải bỏ câu nói này của một người đàn bà nhà quê than : *Chiến tranh đã mấy chục năm mà sao mình không làm quen được như mình đã từng quen với khổ cực v...v...*

(Y-Uyên trả lời cuộc phỏng vấn của
LÊ PHƯƠNG CHI trên Tin Sách tháng 7-66)

TU'ÔNG NIỆM Y UYÊN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Uy tín của các hội đồng giải thưởng văn chương.

Năm cuốn sách bán chạy nhất tại Pháp trong nửa tháng qua là năm tác phẩm vừa được chọn thưởng các giải văn chương: *Les fruits de l'hiver* của Bernard Clavel, *L'oeuvre au noir* của Marguerite Yourcenar, *Le devoir de violence* của Yambo Ouologuem, *Le mendiant de Jérusalem* của Elie Wiesel, và *Belle du seigneur* của Albert Cohen.

Nói gì thì nói, các giải thưởng văn chương vẫn có giá trị của nó. Ít ra là giá trị thương mại.

Nhất trong năm.

Phàm muốn sống cho hợp thời, một độc giả phải biết qua các tác phẩm trúng các giải thưởng lớn trong năm. Vậy những sách đó là thứ sách cần phải đọc

Cần đọc chưa hẳn là đáng đọc. Theo Françoise Giroud tác phẩm đáng đọc hơn cả trong năm 1968 này là cuốn *Arcadie* của Bertrand de Jouvenel, do nhà Seuil xuất bản, vào khoảng 400 trang. Françoise Giroud bảo rằng giá suốt năm mà chỉ đọc có một cuốn sách thôi, thì vẫn nên chọn đọc cuốn ấy.

Cuốn ấy không phải tiểu thuyết. Nó là một pho khảo luận về hiện tại và suy ngẫm về tương lai của cái xã hội kỹ nghệ này

Cái xã hội kỹ nghệ hiện nay thật lắm chuyện. Mọi đầu óc Tây phương đều bận rộn về nó. Nghĩ hay về nó cũng nhiều, bức tức vì nó cũng lắm. Nhưng giữa bao nhiêu đầu óc bận rộn về vấn

đề xã hội kỹ-nghệ, bà F. Giroud chọn ông Bertrend de Jouvenel, cho là nhất.

Việc từng ngày

Editions de Minuit là nhà xuất bản thích lăng-xê những cái độc đáo, tiên phong trong văn-học Pháp.

Nhưng lần này các tiên phong ở Pháp phải cóp theo cái tiên phong của Việt Nam. Bởi vì Elisabeth Hausser đi sau Đoàn-Thêm.

Cuốn *Paris au jour le jour* là một thứ «Việc từng ngày», dày tới 800 trang, ghi chép những biến cố trong đời sống thường nhật của Paris trong nửa thế kỷ, từ 1900 đến 1950. Những «biến cố» ấy cũng thú vị, gần như trong tác phẩm của Đoàn Thêm. Chẳng hạn về ngày 1-1-1900, người ta được biết: trời êm dịu, +6 độ, có mưa; vào tháng 2 năm ấy, được biết Paris đón nhận Paul Deschanel vào viện Hàn-lâm, Paris có 97.285 công nhân và có 2.523.000 dân cư v.v..

John Steinbeck

Cuối năm 1968 ghi một cái tang cho văn học thế-giới. John Steinbeck qua đời vì bệnh tim ngày 20-12-1968. Đối với Hoa kỳ, J. Steinbeck là giải Pulitzer, là giải Nobel. Đối với Việt-nam, J. Steinbeck còn là một tác giả lớn có nhiều quan tâm đến cuộc chiến tranh chống Cộng, từng đích thân đến tận xứ này quan sát, và hiện có một người con trai làm chiến tại đất nước ta.

TRÀNG THIÊN

● Khoảng 4 giờ chiều ngày 11-1-1969 Y-Uyên trở về Saigon trong một cái quan tài bằng kẽm, phủ quốc kỳ. 10 giờ 30 sáng Chủ Nhật 12-1-1969, đất Nghĩa trang quân đội vĩnh viễn phủ kín anh.

Tang lễ được cử hành theo nghi thức dành cho một sĩ quan hy sinh vì Tổ quốc. Chỉ có một số văn-hữu biết tin, kịp đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng. Những giây phút ấy : khô khan, xác xơ, sầu muộn như một số đoạn văn anh đã tả. Khuôn mặt anh trẻ măng trong khung hình đặt trên quan tài. Năm nay anh mới 26 tuổi.

Y-Uyên không thích ồn ào, khoa động. Trong đời sống, anh trầm tĩnh kín đáo. Anh khôi hài, dí dỏm một cách bình thản. Người nghe bật cười mà tưởng như anh không hề cố ý làm ai cười. Anh được bạn bè yêu thương, văn giới mến phục.

Ngay trong những truyện ngắn đầu tiên đăng trên Bách-Khoa, Y-Uyên đã tỏ một sắc thái lạ, độc đáo. Những truyện sau không hề có vẻ lúng túng, dọ dẫm tìm hướng. Và, cứ với những bước vững chắc như thế, anh góp cho Văn-học 4 tác phẩm : *Tượng đá sườn non*, *Bão khô*, *Quê nhà*, và *Ngựa tha*. Truyện nào cũng mang một bầu không khí riêng, cũng toát ra một triết lý thâm trầm, sâu sắc mà thật tự nhiên. Phê bình anh, một nhà văn đã tin rằng nhiều nhà văn khác ao ước có một bút pháp tài tình như thế.

Anh dậy học, viết văn ở Tuy-Hòa cho tới cuối năm 1967 thì nhận được lệnh gọi nhập ngũ. Anh học khóa 27 Thủ Đức. Y-Uyên gầy, cao. Quân đội làm anh đen hơn một chút. Suốt thời gian này, hoạt động văn-nghệ của anh chỉ là trông nom tờ báo của quân trường. Để làm vui lòng đại đội, anh làm cả bích báo. Y-Uyên nói về công việc này : « Buồn cười ! Gần 30 tuổi mà ngỡ mình như trẻ thơ ». Trước tương lai, anh bình tĩnh và lạc quan. Lúc ấy anh và bạn bè không ai ngờ là chẳng bao giờ anh ba mươi tuổi.

Anh là nhà giáo, đáng lẽ được biệt phái. Ngại giấy tờ phiền phức, anh không làm đơn. Chính phủ muốn nhà văn chứng minh mình là nhà văn để cho về TCCTCT, anh cũng kệ. Anh em khuyên nhủ, thúc giục, Y-Uyên cười trừ. Cứ thế cho đến khi mãn khóa, Y-Uyên trở thành một Chuẩn úy Địa-phương-quân ra Phan-Thiết đóng ở đồn NORA. Viết thư về cho bạn bè, anh mô tả nơi mình một cách lạc quan và nghịch ngợm.

Theo lời thân nhân anh, anh tử trận vì bị phục kích. Trúng bốn viên đạn, Y-Uyên gục ngã bên một giòng suối. Cái duyên với binh nghiệp của anh chỉ dài chừng bốn tháng. Thời gian này anh đã cho biết là viết được nhiều. Trong *Tượng Đá Sườn Non*, Y-Uyên viết về cái chết của một nhân vật « Nó chết buồn hơn cả mấy bài ca ruột của nó ». Y-Uyên vĩnh viễn ra đi cũng buồn không kém nhân vật của anh.

Bên nỗi đau đớn, xót xa mất người bạn quý, văn-hữu của Y-Uyên còn ngậm ngùi thương tiếc một hy vọng rực rỡ của văn chương hiện đại.

LÊ TẮT ĐIỀU